

Alberto Moravia

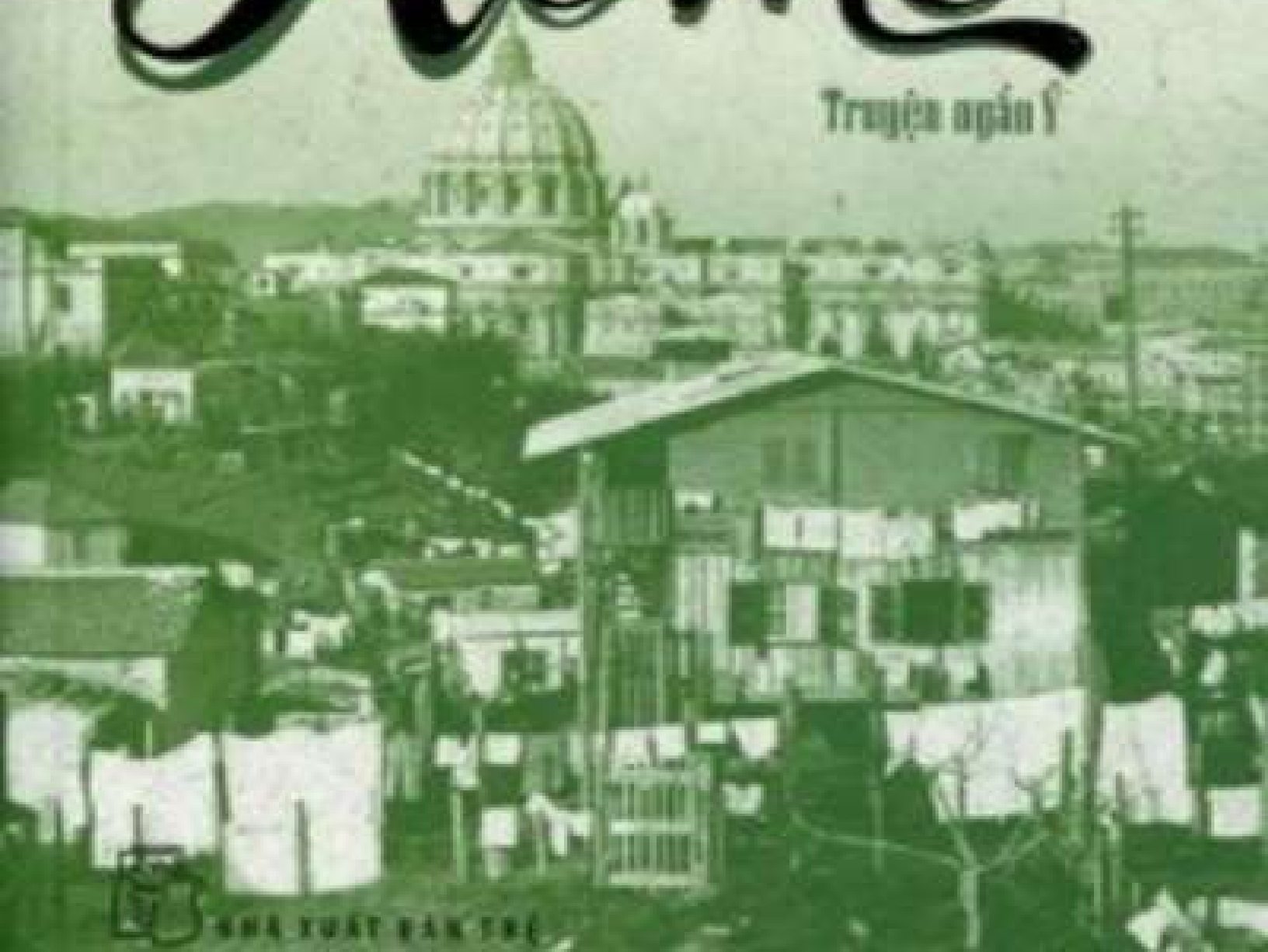
Thanh Gương dịch

RACCONTI ROMANI

Những câu chuyện thành

Rome

Truyện ngắn I



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

— Nghệ Thuật Truyện Ngắn Môravia

Trong cả cuộc đời dài dặc của một ngòi bút văn xuôi, hiện tượng một nhà văn bên cạnh tiểu thuyết, thỉnh thoảng có “lỡ chân” tạt sang khu vực truyện ngắn, viết vài truyện đăng báo — hiện tượng ấy không hiếm trong các nhà văn thế kỷ XX. Lại cũng không hiếm là trường hợp có một thời gian nào đó, một nhà văn tự nhiên mê truyện ngắn, viết liên tiếp một loạt truyện làm thành một hai tập có giá trị, góp phần xứng đáng vào văn nghiệp của mình. Nhưng gắn bó với truyện ngắn một cách hết lòng như Môravia quả thật ít thấy. Ông kể: Có thời gian, trên một tờ báo lớn ở Ý, tờ Corriere Della Sera, ông liên tiếp có truyện in, và cứ mở ra là người ta tìm ngay trang ba, để xem truyện ngắn của ông. Về phần mình, ông viết đều đều về đủ chuyện, chung quanh những con người thành Rôm mà ông hết sức quen thuộc. Có lần, ông gom sáu chục truyện, làm thành một tập. Lần khác, vài chục truyện, lại một tập khác. Thường thường tìm được một tư tưởng nào đó, là ông lại phải triển khai ra hàng loạt truyện khác nhau, vì theo ông, chỉ làm như thế, vấn đề mới tạm được coi là khai thác hết. Giữa truyện nọ và truyện kia, có chút lặp lại, nhưng lại rất nhiều đổi mới. Tất cả nối liền, như một phôi ơ tông đăng báo kéo làm nhiều kỳ, lúc nào cũng dang dở, nhưng lúc nào cũng còn tiếp, tức luôn luôn mời gọi người ta đọc nữa. Tất cả tập hợp lại, làm thành một thứ tiểu thuyết, ở đó có hàng trăm nhân vật, vì họ làm nên một thế giới với những “tấn trò đời” độc đáo của nó.

T

Người ta thường nói tới tính nguyên bản của một sáng tác, ngay cách viết đôi khi cũng có tính nguyên bản, nghĩa là nó chỉ đến với anh một lần, nó là một trường hợp đơn nhất, lần ấy anh có thể thành công, lần khác viết theo cách đó, rất dễ hỏng. Dung dị, thanh thoát, có vẻ như là gập đầu viết đấy, cách viết của Mòravia có một đặc tính ngược lại từ tác phẩm này sang tác phẩm khác, vẫn chỉ là nó, mà người ta không thấy chán và có thể đọc mãi được. Nó có vẻ rất hợp với một ngòi bút viết nhiều, viết khỏe, dẻo dai trong nghề nghiệp. Vâng, viết thật liên tục, thật đều đặn, và tạo cho bạn đọc cảm thấy mình có thể viết mãi trong truyện ngắn, đấy là một trong những bí mật làm nên tài năng Mòravia, nó cũng là một phần lý do khiến ở Ý cũng như ở nhiều nước khác, ở Pháp, ở Mỹ, ở Liên Xô, ông được bạn đọc và cả giới nhà văn chuyên nghiệp say mê không dứt.

Sự thống nhất trong thế giới truyện ngắn Mòravia trước tiên là ở cách nhìn cuộc đời. Trong muôn vàn truyện của đời sống nước Ý hiện đại, có những hiện tượng giống nhau, cứ đều đều rơi vào ống kính Mòravia, mỗi lần cho ta một cận cảnh gọn và rõ. Khoảng những năm năm mươi, đó là cuộc sống của những người lao động thành Rô-ma với những vui buồn theo kiểu bình dân độc đáo của nó. Đến những năm sáu mươi, đấy thường là cuộc sống của những người trung lưu, vật chất không còn quá nheo nhóc, nhưng về mặt tinh thần lại bị thu hút vào một guồng máy xã hội đã bị tha hóa, khiến mất hết cả tự do, đời sống bảo là sung túc đầy đủ cũng được, mà bảo là vớ vẩn tẻ nhạt cũng được. Bởi tính phổ biến của nó, những bi hài kịch này thường chỉ được Mòravia phác ra trong mấy nét nhưng rất dễ thông cảm. Người đọc nhận ra ngay những chuyện kể ở đây không chỉ liên quan đến mấy người trong truyện, mà ít nhiều liên quan đến chính cuộc sống của mình, các cuộc sống thực sự hàng ngày ai cũng phải đối mặt. Nhưng điều quan trọng hơn là những kết luận Mòravia muốn ta hưởng tới. Dường như tác giả muốn nói: cuộc sống con người trong lòng xã hội tư bản thật kỳ quái, nhưng lại cũng thật tẻ nhạt vô kể (Đừng nghĩ ngợi gì, Người thừa hành). Với mỗi chúng ta, cuộc đời hiện ra một cách khác, nhưng thông thường, mỗi người ném trái đu đủ vị, sung sướng đấy mà đau khổ đấy (Đẹp hơn em). Ở chỗ ta tưởng chỉ có nghiêm chỉnh, vẫn hàm chứa bao nhiêu

chuyện buồn cười, y như chuyện đùa (Chuyện đùa ngày hè), nhưng ở chỗ ta tưởng chỉ có nhạt nhẽo, vớ vẩn lại có bao điều khiến ta cảm động đến rơi nước mắt (Cô điếm mệt mỏi). Cuộc đời không vừa với một khuôn mặt khổ nào có sẵn, mỗi con người đều lung linh kỳ lạ hết mức, cả cái khôn lẫn cái dại, cả sự ngờ nghệch lẫn sự hiểu biết của họ cũng mở ra hết mức, đó vẫn là ý nghĩa thực của đời sống xưa nay, và thứ văn học nào bắt ngay vào cái nguồn vô tận này, cũng sẽ không bao giờ vơi cạn, như chính đời sống vậy.

Đặc sắc cơ bản làm nên sự hấp dẫn của truyện ngắn Môravia là vẻ tự nhiên của nó thu hẹp trong phạm vi vài ngàn chữ, mỗi truyện như lời kể của một người nào đó về người thân của mình, bè bạn của mình, tác giả vừa nghe xong và giờ kể lại trên mặt giấy. Thủ pháp nhân vật xưng tôi vốn đã rất cũ, nay được tác giả sử dụng lại, và cứ thế mà kéo, không cần phải màu mè đả đối gì hết. Dường như phải qua lối xưng tôi như vậy, ông mới có cơ để thu góp tất cả sự phức tạp của đời sống vào một mối, tha hồ dẫn dắt người đọc theo những ý tưởng có sẵn và mang lại cho nó một vẻ dễ hiểu “Ồ, tôi nghĩ thế đấy”. Với ai kia, nghệ thuật truyện ngắn ăn ở những tìm tòi cầu kỳ về cách tả cách kể. Môravia không cần làm thế. Ông cứ kể như người ta thuận mồm thì trò chuyện cho vui. Thậm chí phong cảnh thiên nhiên cũng gần như vắng mặt trên các trang sách. Đã gọi là chuyện, với ông, chỉ có đời sống con người, những mối quan hệ đa dạng giữa con người với con người. Gọn gàng nhưng không gò bó, chặt chẽ ngay trong sự đông dài của mình, mỗi truyện ở đây giống như một phác thảo tâm lý nho nhỏ nhưng lại hóm hỉnh, tinh tế, và nhiều khi chua xót nữa.

Nói về thói quen làm việc của mình, trong một dịp trả lời phỏng vấn, Môravia kể: sáng sáng, ông ngồi vào bàn, và đã ngồi là có tác phẩm. Trong khi đặc biệt nhạy cảm với xu hướng tha hóa con người, biến con người thành một thứ máy — cái xu hướng vốn gắn liền với sự phát triển của nền văn minh tư bản chủ nghĩa — bản thân Môravia lại là một tấm gương về lao động nghệ thuật không bị sự đong đánh của cảm hứng chi phối. “Viết để đầy một số trang, vui lắm!” Ông bảo vậy. Trong việc viết cho đúng hẹn đã định, cũng như trong việc tự giới hạn tác phẩm của mình trong một số chữ nhất định, ông cũng cảm thấy niềm vui. “Tự do” ở đây là một thứ tự do

trong khuôn khổ, tự do nương theo những ràng buộc có sẵn mà không hề cảm thấy bị những ràng buộc đó làm phiền. Không biết tự lúc nào, một bản tính thứ hai đã hình thành ở ông, trong những quy định ngặt nghèo của trang báo, ông cảm thấy viết đến đâu là vừa đủ, không cần có sự gò ép, tước bỏ, cắt xén gì cả. Đằng sau các trang sách, có lúc ta cảm thấy một tác giả con mắt nháy nháy tinh nghịch như thằn lằn “Đấy anh xem, chỉ cần có ít chữ vậy thôi, tôi cũng đã nói được bao nhiêu điều cần thiết”.

Với những truyện ngắn được viết liên tục, hoàn toàn có thể nói Môravia là một nhà văn có một căn bản nghề nghiệp vững chãi và sự thành thực về nghề nghiệp (điều mà ông chăm lo rèn luyện) đã trở thành thành tựu, do đó thành một niềm tự hào chính đáng ở ông. Trong không ít trường hợp, Môravia đã phát biểu rất hay, về công việc viết văn và tâm lý người viết. Chẳng hạn có lần ông bảo “Viết là tuân theo một nhạc điệu. Là cảm thấy một thiện cảm và tiến về phía thiện cảm ấy. Người ta viết bằng tai”. Tôi tưởng nhiều người trong chúng ta cảm thấy mình hoàn toàn có thể chia sẻ một nhận xét như vậy.

Viết, đối với Môravia, là một nghề nghiệp, nhưng trong cái nghề nghiệp đó, chất chứa bao nhiêu sự đời và có thể gửi gắm bao nhiêu suy nghiệm về nhân tình thế thái.

Trong khi không quan trọng hóa công việc — một điều mà như chúng ta biết, rất gần với Sêkhốp — thực ra Môravia vẫn hết mình với nghề nghiệp, và do đó, chúng ta thấy nếu không phải là sự thiêng liêng, thì cũng là một sự quẩn rữ lớn lao. Cũng y như, sau những trang viết có vẻ lạnh lùng của ông, người ta vẫn cảm nhận rõ một khuyến khích đầy thiện ý. “Dù bao nhiêu chuyện ngang trái đi nữa, song cuộc sống vẫn còn bao nhiêu điều tốt đẹp, khiến cho người ta cần sống và có thể tìm được ý nghĩa cho cuộc sống”.

VƯƠNG TRÍ NHÀN

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

1 — Chuyện Đùa Ngày Hè

Vào những ngày hè, có lẽ bởi tôi còn trẻ và chưa quen cảm thấy mình là người chồng và người cha của gia đình, nên tôi luôn luôn muốn linh đi đâu đó. Mùa hè ở Rôma, những nhà giàu đóng rèm cửa từ sáng, để giữ không khí mát của đêm lại trong những căn phòng rộng rãi. Ở những ngôi nhà như thế, mọi thứ đều ổn cả: gọn ghẽ, sạch sẽ, tinh tươm; sàn đá hoa, gương, tủ bóng lộn trong ánh sáng mờ; cả đến bầu không khí im lặng ở trong đó cũng có vẻ gì man mát, tối, đáng yên tâm. Muốn uống nước ư? — Người ta sẽ đặt trên khay mang đến cho anh một cốc pha-lê nước chanh hoặc nước cam mát lạnh, những cục đá kê lạnh canh vui vẻ dưới thìa, đến nỗi chỉ nghe tiếng lạnh canh đó cũng đã đủ mát ruột anh.

V

Ở những nhà nghèo thì khác. Ngay ngày nực đầu tiên, cái nóng đã chui vào trong những căn phòng ngột ngạt và ở đó suốt mùa hè không chui ra. Khát nước — nhưng vòi nước ở trong bếp chỉ chảy ra một thứ nước ấm như nước canh. Trong phòng không có chỗ đi lại. Dường như mọi đồ vật — bàn ghế, giường tủ, áo quần, bát đĩa sừng vù lên, cọ vào người anh. Mọi người chỉ mặt sơmi không, mà người vẫn nhóp nhóp mồ hôi. Thế mà nếu đóng cửa sổ lại, thì chết ngạt, vì khí lạnh ban đêm không tài nào vào được mấy căn phòng kín như hũ nút có sáu nhân mạng nằm ngủ ở trong. Mở cửa sổ ra thì đón nắng và đủ mọi thứ mùi ngoài phố: mùi xỉ than, bụi bặm, mồ hôi. Nóng lên, tính tình con người ta cũng khác, dễ cáu kỉnh, dễ cãi nhau chỉ vì những chuyện không đâu. Nhưng những người giàu thì rút sâu sâu vào mấy

phòng trong, còn người nghèo thì cứ ngồi chúi mặt xuống những cốc nước cáu bẩn hoặc đi hẩn khỏi nhà.

Vào một trong những ngày nóng bức như thế, sau khi cãi nhau một trận với cả nhà: với vợ vì món xúp mận và nóng quá, với em rể vợ vì hẩn ta bệnh vợ mà theo tôi hẩn ta không có quyền làm thế vì hẩn không tìm được việc làm chỉ ngồi nhà ăn bám; với em vợ vì cô ta đứng về phía tôi nhưng cái đó chỉ làm cho tôi bức thêm vì cô ta thích tôi và chỉ chuyên ồng ẹo làm duyên; với bà mẹ vì bà cố xoa dịu tôi, với ông bố bảo “có để cho tao ăn hay không” ; và cuối cùng với đứa con gái vì nó cứ khóc váng lên, — tôi vùng dậy, giật phắt cái áo vét vắt ở lưng ghế và tuyên bố:

— Các người có biết không? Tôi đã chán ngấy tất cả các người rồi.

Đến tháng mười, mát mẻ, ta sẽ lại gặp nhau.

Và bỏ đi khỏi nhà.

Cô vợ, tội nghiệp, chạy xuống cầu thang, kêu với theo rằng hãy còn món xa-lát dưa chuột mà tôi vốn thích. Tôi đáp: “Cô đi mà ăn” — rồi đi ra phố.

Gia đình tôi ở đường Ôxtientê. Tôi qua đường, đi về phía cầu sắt cạnh cảng sông của Rôma. Hai giờ chiều là lúc nóng nhất trong ngày. Bầu trời xanh đục đến nhức mắt. Tôi vịn vào thành cầu sắt nóng bỏng tay. Sông Têverơ bị bó giữa hai bờ, nước vàng đục, giống như một rãnh nước tù. Những bình ga, những cái lò của nhà máy khí đốt, những cái tháp chứa thức ăn ủ chua, ống chứa xăng và mái nhọn của nhà máy nhiệt điện che lấp mất đường chân trời; tưởng chừng như không phải Rôma mà là một thành phố công nghiệp nào đó của miền Bắc. Tôi đứng một lúc nhìn dòng sông Têverơ vàng, hẹp, nhìn chiếc phà đậu ở bến chở đây ắp những bao ximăng, và bỗng phì cười là cái khúc sông bé tí này cũng được gọi là cảng như các cảng ở Giênoa hoặc Napôli, nơi có các tàu lớn ra vào. Nếu tôi thực sự muốn đi xa, thì từ cái “cảng” này tôi có thể lên tàu đi một mạch đến Fiumichinô, ngồi ăn cá rán và ngắm trời ngắm biển.

Cuối cùng tôi qua cầu, đến một khu đồng không mông quạnh ở bên kia bờ sông Têverơ. Dù tôi ở gần đây, nhưng tôi chưa bao giờ đến đây cả, và không rõ mình đi đây là đi đến đâu. Lúc đầu tôi đi theo đường nhựa, hai bên là cánh đồng không với những đồng rác ngổn ngang. Sau đó, đường nhựa

biến thành một con đường mòn, còn những đồng rác thì đã chất lên cao như những ngọn đồi. Tôi nghĩ rằng mình đã rơi vào một nơi mà người ta đem rác của toàn thành phố Rôma đến đổ. Ở đây, một ngọn cỏ cũng không mọc, bốn bề là những giấy lộn, vỏ đồ hộp gỉ, thức ăn thừa, nắng thì như thiêu như đốt, mùi thối rữa bốc lên. Tôi do dự: đi nữa thì không muốn, mà quay lại thì cũng ngại. Bỗng nhiên tôi nghe thấy có ai tặc tặc lưỡi như gọi chó.

Tôi quay lại nhìn chó. Nhưng chẳng thấy con chó nào, mặc dù chỗ này đúng là nơi cho những con chó hoang. Tôi nghĩ rằng có lẽ tiếng gọi đó là gọi tôi, bèn nhìn về phía đã phát ra tiếng động. Đằng sau đồng rác, tôi nhìn thấy một túp lều nhỏ. Đây là một túp lều lợp mái tôn. Trước cửa lều là một em bé gái tóc vàng nhạt chừng tám tuổi đang đứng ra hiệu cho tôi vào. Mặt em nhợt nhạt, nhem nhuốc, mắt thâm quầng như một phụ nữ có tuổi, tóc dính đầy bụi cát, cọng rơm và bù xù như lông nhím. Em ăn mặc quá là tồi tàn: áo quần chỉ như một cái bị bằng vải mộc có bốn lỗ — hai lỗ để cho tay và hai lỗ cho chân. Khi tôi quay lại, em hỏi:

— Ông là bác sĩ có phải không?

— Không — tôi đáp — Thế làm sao? Em cần gọi bác sĩ à?

— Nếu ông là bác sĩ, — cô bé tiếp — thì vào đây. Mẹ cháu đang ốm. Tôi cũng chẳng giải thích với cô bé rằng tôi không phải là bác sĩ, cứ thế bước vào lều. Thoạt tiên, tôi ngỡ là mình vào một cửa hàng đồng nát ở chợ Campô đi Fiôri, vì trong nhà treo đầy áo quần, tất cũ, bát đĩa, xoong nồi, giẻ rách. Nhưng sau đó tôi hiểu ra rằng chủ nhà, vì không có bàn ghế, tủ nên treo toàn bộ gia sản của họ lên các cái đinh. Tôi phải cúi lom khom để khỏi đụng vào những đồ đạc treo lủng lẳng, đưa mắt tìm xem bà mẹ cô bé nằm ở đâu. Cô bé rón rén chỉ cho tôi một đồng quần áo ở trong góc. Nhìn kỹ, tôi thấy rằng cái đồng quần áo rách ấy đang chăm chú nhìn tôi bằng một con mắt lấp lánh sáng, còn một con mắt bị che lấp bởi mớ tóc bạc. Hình dạng của người phụ nữ này khiến tôi phát hoảng: trông chị ta như một bà già, trong khi rõ ràng là chị ta còn trẻ. Dường như hiểu được ý nghĩa cái nhìn đó của tôi, chị ta bỗng nói:

— Trên đời này, bao giờ những người quen cũng gặp lại nhau, nếu như không chết.

Con bé phá lên cười như thể bắt đầu một tiết mục vui nhộn, và nó ngồi xuống đất hí hoáy nghịch mấy cái ống bơ không.

— Nhưng quả tình tôi không hề quen biết chị, — tôi nói — Chị là ai? Mà đứa nhỏ này là con chị?

Chị ta đáp:

— Thì đúng rồi... Nó cũng là con anh nữa đấy...

Cô bé cúi mặt cười khúc khích. Tôi cho đó là một sự đùa cợt, bèn trả lời:

— Có thể là con tôi, mà cũng có thể là con ai khác nữa, biết đâu!

— Không, — người đàn bà đang ngồi dưới đất nhóm phất ngay dậy, chỉ tay về phía tôi, — đấy chính là con anh, chỉ có thể là con anh thôi... đồ vô tích sự, đồ lừa, đồ hèn nhát, đều giả — đấy, anh là thằng như thế!

Nghe những lời chửi rủa ấy, con bé phá lên cười rất to như chỉ đợi có thế.

— Liệu mà giữ mồm giữ miệng đấy... — tôi nổi nóng — Tôi đã bảo rằng tôi không quen biết cô.

— Anh mà lại không quen biết tôi ấy à?... Không quen thế mà vẫn cứ về đây? Nếu anh không quen biết tôi, làm thế nào anh tìm được đường về nhà?

— Đồ hèn nhát đều giả, hèn nhát đều giả — con bé khẽ nhại lại. Người tôi đâm dìa mồ hôi vì nóng và vì tức giận.

— Tôi tình cờ đi qua đây, — tôi đáp lại.

— Ái chà, — người đàn bà tỏ vẻ giễu cợt và quay sang bảo con bé:

— Đưa cái túi đây...

Con bé nhanh nhẹn cầm lấy cái túi nhưng đen rách bần treo trên tường đưa cho mẹ. Người đàn bà mở túi rút ra một tờ giấy và nói:

— Giấy giá thú đây: Ervira Prôetti, vợ của Ecnextô Rapenli... Anh có còn cãi được nữa không? Ecnextô Rapenli?

Tên tôi đúng là Ecnextô. Tôi kinh ngạc vì sự trùng hợp.

— Nhưng tôi không phải họ Rapenli, — tôi lúng túng nói.

— Không phải Rapenli hả?

Còn con bé thì nhại:

— Ecnextô, Ecnextô.

Người phụ nữ đứng dậy. Tôi đoán không sai: chị ta tuy tóc đã bạc, mặt đầy nếp nhăn nhưng có thể thấy rằng chị ta còn chưa quá ba mươi tuổi.

— À, thế ra anh không phải là Rapenli... — Chị ta đến gần tôi, nhìn kỹ rồi kêu: — Anh là Rapenli! Thề có quỷ thần chứng giám, anh đúng là Rapenli!

— Tôi hiểu, cô bị ốm — tôi nói — Nếu cô đồng ý, tôi sẽ ra khỏi đây.

— Không, gượng đã!... Đi đâu mà vội thế? Con bé khoái chí nhảy căng lên.

Người đàn bà lại bắt đầu nói, với vẻ mỉa mai:

— Ecnextô, ngài Ecnextô... bỏ vợ, bỏ nhà bỏ cửa đi suốt cả năm trời không thấy mặt mũi đâu cả... Mà anh có biết cả năm ấy vắng anh, mẹ con tôi sống thế nào không?

— Tôi không biết, — tôi gắt lên — và cũng không muốn biết — Hãy để cho tôi đi.

— Hãy bảo ba mày, — chị ta hét to lên với đứa bé, — xem hai mẹ con đã sống như thế nào, sống bằng gì, bảo cho ba mày biết đi!

— Sống nhờ bằng của bố thí! — con bé nhanh nhẩu đáp, và đi lại gần tôi.

Phải công nhận rằng tôi bị một cú choáng. Tất cả những sự trùng hợp kia: cái tên Ecnextô, việc tôi bỏ nhà đi, và việc tôi cũng có vợ và một đứa con gái đã đánh mạnh vào tâm trí tôi, khiến tôi có cảm tưởng rằng cả tôi nữa cũng không phải là tôi mà là một người nào đó khác, đồng thời lại vẫn là tôi nhưng không phải như tôi mọi ngày. Còn chị ta thấy tôi bối rối thì quát vào mặt tôi:

— Mà anh có biết những kẻ ruồng bỏ vợ con thì bị làm sao không?

Bị đi tù, nghe rõ chưa, đồ vô lại, phải ngồi tù!

Đến đây thì bản thân tôi cũng bỗng thấy rờn rợn. Tôi bèn lặng lẽ quay ra cửa để đi. Thì ngoài cửa đã có người đang đứng nhìn vào nhà. Đấy là một người đàn bà gầy guộc, ăn mặc xuềnh xoàng nhưng sạch sẽ. Nhìn nét mặt bối rối của tôi, bà ta nói:

— Đừng nghe cô ấy... Cô ấy lẫn thần đấy... Cứ hễ gặp người đàn ông nào là cô ấy tưởng tượng ra là chồng... Còn cái con nhãi con cô ấy lại cứ

toàn hể gặp người qua đường nào là dẫn vào nhà, nghe mẹ quát tháo, chửi bới đủ thứ, để mà làm trò đùa... Tao lại cho mày một trận bây giờ, con ranh!

Bà ta giơ tay định phát cho nó một cái, nhưng con bé tránh được vừa chạy xung quanh tôi vừa hớn ha hớn hờ:

— Bác ấy tin rồi, đúng không nào, bác tưởng thật... thế là bác sợ... sợ - sợ - sợ...

— Envira, đây không phải là chồng cô đâu, — người phụ nữ nhẹ nhàng bảo.

Envira dường như nghe ra, im bật bỏ đi và lại trèo lên giường ngồi.

Người phụ nữ bước vào trong lều lật giở những hòn than trong lò.

— Tôi nấu nướng cho hai mẹ con, — bà ta giải thích — Đúng là họ, phải sống bằng của bố thí, nhưng còn chồng thì không phải là anh ấy bỏ, mà là chết mất rồi.

Đối với tôi, thế là đủ quá rồi. Tôi lấy một trăm lia đưa cho con bé, nó cầm lấy, quên cả “xin bác”. Thế rồi tôi ra khỏi lều, đi thẳng theo hướng ngược trở lại: theo lối mòn, theo con đường trái nhựa, rồi qua cầu đi về phố Ôxtienxê của tôi.

So với cái ngột ngạt ở trong túp lều, về nhà tôi cảm thấy mát như trong động. Và tuy bàn ghế, hòm xiềng của chúng tôi rất ít ỏi, thô sơ, nhưng dù sao cũng còn hơn những cái đình mà những con người bất hạnh kia dùng để treo quần áo rách của họ. Trong bếp, mọi thứ đã dọn dẹp cả rồi, vợ tôi lấy đĩa xa-lát dưa chuột để dành ra cho tôi. Tôi vừa ngồi ăn với bánh mì vừa nhìn cô ta rửa bát. Ăn xong, tôi đứng dậy, lặng lẽ hôn vào cổ cô, và chúng tôi dần hòa với nhau.

Mấy ngày sau, tôi kể lại cho vợ nghe câu chuyện túp lều và định lại đẩy lần nữa để xem có thể làm gì giúp con bé. Bây giờ tôi không còn sợ bị nhầm tưởng là Ecnextô Rapenli. Nhưng, các bạn có tin không, tôi không tìm thấy túp lều cũng như người phụ nữ đỡ người, đứa con gái và người đàn bà gầy gò nấu cơm cho họ ăn nữa. Suốt một tiếng đồng hồ tôi đi qua đi lại giữa những đống rác, dưới nắng chang chang, mà cuối cùng phải đi về

không. Tôi nghĩ là mình đi lạc đường. Còn vợ tôi thì một mực bảo rằng đây là do tôi định bỏ cô, nhưng sau thấy hối hận nên đã nghĩ ra câu chuyện đó.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

2 — Anh Quá Nghèo

Tôi lấy chồng năm mười tám tuổi. Chồng tôi sáu mươi, nhưng đúng là một người mà mẹ tôi hằng mong ước cho tôi từ khi tôi còn chưa lọt lòng mẹ: một người giàu. Song, hình thức bên ngoài của ông hoàn toàn không phải như thường thấy ở những người chiếm hữu những gia sản kếch sù: không thô thiển, cục súc hoặc đầu hói, bụng to. Thậm chí trái lại. Dưới mái tóc trắng óng ánh như bạc là một khuôn mặt hồng hào, trù mển và niềm nở. Nhưng điểm đáng chú ý nhất của ông là đôi mắt: đôi mắt đen, ánh mắt tắt lịm, không biểu hiện một tí tình cảm nào cả. Cái nhìn của ông bất động một cách lạ lùng, nhất là khi ông chú ý nhìn cái gì đó (hoặc ai đó) khiến ông đặc biệt thích thú. Thay cho con người là đôi kính hiển vi mà những người thợ kim hoàng thường đeo lên mắt để nhìn vàng bạc và các loại đá quý. Trong sâu thẳm của đôi con người ấy không bao giờ biểu lộ sự không biết, nỗi ngạc nhiên, sự thán phục hay trí tò mò, mà bao giờ cũng chỉ là sự xét đoán không nhầm lẫn về giá trị của vật này hay vật khác hoặc (tại sao lại không kia chứ?) của một con người, về giá trị được biểu hiện trước hết bằng tiền hoặc dưới hình thức khác được chuyển thành các dạng tiền.

T

Và lạ lùng thay, tôi đã nghĩ về điều đó không phải sau khi cưới (chẳng hạn khi hai vợ chồng thường hay đi các cửa hiệu vàng bạc và đồ cổ), mà trước khi ông xin cưới, trong thời gian ông còn đang tán tỉnh tôi. Mà săn sóc phụ nữ thì ông là người rất tận tình, ít nhất là căn cứ vào những cử chỉ bề ngoài. Nhưng nghĩ kỹ thì sự nhiệt tình đó có hơi trơ trẽn, ít nhất là xét từ

góc độ của người phụ nữ không muốn bị người ta xem như là một bình sứ cổ Trung Quốc hoặc bức tượng nhỏ của bộ lạc Maia. Song đối với tôi, một cô gái trẻ, chưa từng trải, thì sự trơ trẽn đó lại làm tôi thích thú, có tác dụng vuốt ve dây thần kinh, cho nên rốt cuộc tôi đã phải lòng ông ta.

Ông ngồi trong căn phòng tiếp khách nghèo nàn và tù túng của gia đình tôi (tôi với mẹ tôi ở một căn hộ hai phòng và sống rất eo hẹp), hầu như không hề nói năng gì cả, chỉ nhìn tôi. Sau này, khi chúng tôi đã cưới nhau rồi, tôi nhận thấy rằng ông ta nhìn các vật trưng bày ở cửa hàng cũng đúng y như thế.

Phải nói rằng tôi là cô gái rất xinh. Nhưng căn cứ vào cái nhìn của ông, vẻ đẹp của tôi hoàn toàn không hề gây ra ở ông một sự hồi hộp, bối rối nào cả, cũng không làm mê mẩn như đối với những người đàn ông khác. Cách thể hiện của ông là của một người biết rằng nếu muốn, anh ta có thể mua ngay đồ vật ấy và anh ta hiện đang xem xét nó chỉ là để xác định đúng giá của nó hiện nay là bao nhiêu và sau này nó có thể đem lại những ích lợi gì.

Cuối cùng chúng tôi cưới nhau. Chồng tôi yêu tôi và tôi cũng yêu chồng. Trong suốt hai năm, cuộc hôn nhân của chúng tôi có thể nói là hạnh phúc. Nhưng cần phải nói rõ tình yêu đó là gì và hạnh phúc đó ra làm sao. Tôi sẽ cố gắng giải thích bằng chính ngay thí dụ đó (tôi muốn nói cặp mắt của chồng). Chính mắt, chứ không phải là các giác quan khác, làm sợi dây nối liền ông với thực tế, nói đúng hơn là với những đồ vật mà ông liên tục mua sắm. Mắt ông thiết lập mối liên hệ đó, củng cố nó và cuối cùng cắt đứt nó. Mối liên hệ ấy thường trải qua hai giai đoạn: giai đoạn đánh giá và giai đoạn thưởng thức vật mua về. Giai đoạn đầu diễn ra trước mặt người bán, trong cửa hàng. Chồng tôi ngắm nghía rất lâu vật định mua, đứng xem không sờ mó, hoặc giả cầm lên, lăn đi lăn lại trên tay để xem cho rõ bằng hai con mắt cú mèo — toàn bộ xúc cảm của ông tập trung ở thị giác chứ không phải ở xúc giác. Giai đoạn thứ hai là giai đoạn thưởng thức vật mua diễn ra ở nhà, trong phòng làm việc của ông. Đây là một phòng rộng với một cái bàn lớn cùng nhiều cái giá đóng trên tường để đặt những đồ vật ông mới mua được. Khi mà chúng vẫn còn ở trong phòng, thì có nghĩa là ông vẫn còn đang ngắm nghía, thưởng thức chúng. Ông thưởng thức chúng như

thế nào? Như một con quỳ hút máu, bằng cặp mắt mà ánh mắt đã tắt với cái nhìn bất động, ông “hút” đồ vật như hút lòng đỏ lòng trắng trứng từ cái lỗ nhỏ của quả trứng. Quả trứng đã bị hút hết trông vẫn tưởng như còn nguyên nhưng kỳ thực rỗng ruột và bị vớt ra sọt rác. Chồng tôi sau khi “hút” xong đồ vật dĩ nhiên là không vớt đi (còn chưa đến mức độ đó) ; vật ấy chỉ đơn giản là biến mất khỏi phòng làm việc. Tôi nhớ hồi trước ông có một bình sứ Hy Lạp rất đẹp trang trí những hình người màu đen trên nền đỏ. Cái bình đặt mãi ở trong phòng, rồi biến mất. Một thời gian sau, tôi tìm thấy nó trong một cái bọc.

Tình yêu của chồng đối với tôi cũng hoàn toàn giống như sự say ngấm đồ vật của ông. Ông nhìn ngấm tôi không hề biết chán, lúc nào cũng nhìn suốt: trong khi ăn, trong khi ngủ, ở nhà bạn bè, ở tiệm ăn, trong nhà hát, ngoài vườn, ngoài bãi bể, trên núi, giữa đám đông ngoài phố cũng như khi ngoài chúng tôi ra không có một ai... Chính là trong cái nhìn không dứt, không còn là cái nhìn mang tính chất đánh giá lạnh lùng nữa mà là cái nhìn say sưa không biết chán đó, chứa đựng tình yêu của ông. Còn về phần tôi, tôi rất gắn bó với ông. Có lẽ tôi cảm thấy đối với ông một thứ tình cảm giống như những đồ vật vô tri vô giác cảm thấy đối với ông chủ báu vật của chúng nếu như chúng có tình cảm: đó vừa là một thứ tình cảm biết ơn, vừa là mong muốn khoe sắc đẹp, vừa là sự công nhận uy thế tuyệt đối của ông ta.

Thế rồi bỗng dưng, vô duyên cớ, chồng tôi không yêu tôi nữa, hoàn toàn không nhìn tôi nữa. Chúng tôi vẫn sống như trước, nhưng ông dường như gạt tôi ra khỏi tầm mắt mình như gạt ra khỏi phòng làm việc những đồ vật mà ông đã ngấm nghĩa thỏa thuê. Sự thật thì sự gắn bó của ông với tôi trong khi ấy vẫn không hề giảm đi, mà trái lại, lại có phần tăng lên. Cảm giác sở hữu đã mất đi. Ông bắt đầu đối với tôi như đối với một người phụ nữ gắn bó với mình bởi một sự gần gũi lâu ngày. Nói một cách ngắn gọn, tôi thôi không còn là một đồ vật đối với ông nữa, mà trở thành một con người. Người phụ nữ khác ở địa vị tôi hẳn đã lấy làm mừng, cho rằng bước chuyển đó là theo hướng tốt, rằng nó chứng tỏ mối quan hệ vợ chồng như vậy là được củng cố. Nhưng tôi thì đau khổ đến chết đi được, không biết làm thế

nào. Tôi cảm thấy rằng mình bị “thương hại”, rằng vị trí của mình đã bị lung lay, và tôi không còn là tôi trước nữa. Vâng, vâng, đúng thế, tôi lấy làm tiếc cái thời mà tôi chỉ là một đồ vật quý, xinh đẹp được người ta mua về ngắm nghía cùng với những đồ vật khác, và thấy đáng ghét làm sao địa vị của người phụ nữ được người ta đối xử bằng những tình cảm kính cẩn và dịu dàng bình thường của con người.

Một năm sau khi diễn ra sự hóa thân — từ đồ vật thành con người — ấy của tôi, thì chồng tôi chết. Như vậy là tôi với ông đã sống với nhau ba năm, nhưng trong đó như “người chủ với đồ vật” chỉ có hai năm. Tôi bỗng nhiên đơn chiếc, trở thành người chủ của một tài sản kếch sù và — than ôi! — hơn bao giờ hết cảm thấy mình là một phụ nữ, một nhân cách, một con người.

Tôi sẽ không kể với các bạn tôi đã sống những năm từ đấy đến đây như thế nào. Hãy giở bất kỳ quyển họa báo thời trang nào, đọc qua mục phóng sự đời sống thượng lưu, bạn sẽ có ngay một khái niệm đầy đủ về tôi, về sinh hoạt của tôi, được minh họa tỉ mỉ bằng những bức ảnh kèm theo: đây là tôi đang trượt tuyết trên núi Cortina, kia là tôi đang tắm nắng ở bãi biển bên hồ Lidô, đi săn ở Kênia, câu cá ở biển miền Nam, vui chơi trong đêm hội thời trang ở Niu Yooc, đánh “gôn” ở Kent, xem đấu bò tót ở Madrid, còn đây tôi là một tay máu mê cờ bạc tại cái sòng bạc ở Maiami, là khách du lịch đang tham quan khu khai quật ở Pecxêpôn, vân vân và vân vân. Các bạn hẳn đã thấy cảnh tôi vô số lần và có thể còn ghen tị với tôi nữa là khác, dù rằng chẳng có gì đáng ghen tị cả: vì tôi vẫn không thể nào tìm được một người yêu tôi như tôi muốn, bằng một tình yêu mà chồng tôi đã làm cho tôi quen với nó. Với một ý nghĩa nào đó, tôi đã bị chấn thương suốt đời. Người ta bảo chính những quan hệ tình dục đôi bại hoặc quá sớm thường làm cho con người bị chấn thương như thế. Nói tóm lại, tôi cần người ta phải đánh giá, mua và sử dụng như đánh giá, mua và sử dụng một đồ vật hiếm hoi, quý giá. Các phương án khác của tình yêu đều không làm tôi vừa lòng.

Tiếc rằng giờ đây đối với tôi tình hình phức tạp hơn nhiều so với cái ngày hai mẹ con sống trong một căn hộ hai phòng và những người muốn đến “đánh giá, mua và sử dụng” cứ nườm nượp. Nhờ chồng, tôi đã chuyển

thứ bậc sang loại người tự mình có đủ khả năng mua tất cả những gì mình muốn, nhưng trở thành vật sở hữu của ai đó thì không trở thành được nữa rồi... Ai dám cho phép mình làm một việc sa hoa đường ấy, “mua” tôi? Tôi hiểu rất rõ rằng cái nhìn mà ngày nào đã khiến tôi rùng mình phát sợ, vì nó cân nhắc một cách lạnh lùng những giá trị của tôi, cái nhìn đã buộc tôi phải yêu khi tôi còn là một cô gái nghèo, cái nhìn ấy bây giờ chỉ người nào đủ sức không chỉ sở hữu tôi mà sở hữu cả toàn bộ cái gia tài không kể xiết này mới có được. Nói cách khác, người ấy phải giàu có hơn tôi. Mặt khác, người ấy lại còn phải muốn sở hữu tôi nữa chứ! Có nghĩa là những xác suất của tôi bị giảm đi rất nhiều, nếu không phải nói chung chỉ còn là số không.

Tôi sẽ làm thế nào đây? Không biết.

Để chứng minh cho những lời tôi vừa nói, tôi xin kể lại vắn tắt một câu chuyện, về việc suýt nữa tôi có một thiên tình sử với một anh chàng trí thức trẻ mà tôi gặp cách đây ít lâu ở nhà những người bạn quen chung của cả hai chúng tôi. Trí tuệ sắc sảo của anh ta, tính nghiêm túc lạ thường, thậm chí hơi quá mức của anh, và điều chủ yếu là cái cách nhận xét rất mới của anh về sự việc và con người rất thu hút sự chú ý của tôi. Tôi với anh ta bắt đầu gặp gỡ nhau ngày càng thường xuyên hơn. Thường thường, tôi hẹn anh ta ở một quảng trường nào đó, anh ta đứng đợi tôi, tôi đi xe đến đón anh ta đi ra ngoài ô, có khi đi rất xa. Chúng tôi nói chuyện với nhau. Chúng tôi không làm gì khác ngoài nói chuyện với nhau. Đúng hơn là anh ta nói, còn tôi nghe. Anh hay nói và nói rất hùng biện, đến nỗi đôi lúc tôi chột nghĩ: nếu lời nói mà đánh giá được bằng trọng lượng vàng thì chắc chắn anh ta đã có thể mua nổi tôi rồi! Nhưng than ôi, anh thanh niên trí thức của tôi lại rất nghèo. Kết quả tất nhiên là anh ta đắm yêu tôi. Tôi — trong những trường hợp như thế — hiểu ngay ra điều đó căn cứ vào cách anh ta nhìn tôi. Nhưng cái nhìn của anh, cái nhìn nồng cháy bình thường của một kẻ đang yêu gặp phải con người tôi lạnh lẽo. Tôi cần phải thấy được trong cái nhìn của người đàn ông thể hiện sự đánh giá lạnh lùng, chính xác những giá trị của tôi, mà một cái nhìn như vậy chỉ có thể có được nếu được cổ vũ bởi một sự giàu có ghê gớm đủ sức nuốt được một cách dễ dàng cả cái vốn tài sản đồ sộ của tôi. Nói giả dụ, nếu tôi đáng giá năm tỉ, thì cái nhìn ấy phải có một

sức mạnh ít nhất là ngang bằng với năm mươi tỉ. Cần nói thêm là tỉ lệ giữa sự nghèo nàn của tôi và sự giàu có của chồng tôi ban đầu lớn hơn thế nhiều.

Do đó, khi anh người yêu trí thức của tôi làm một bước đầu tiên nhích lại gần tôi, không dẫn đo gì cả tôi liền gạt ngay đi, bảo:

— Không, không, tôi xin anh, chúng ta chỉ có thể là bạn với nhau thôi! Anh quá nghèo để có thể trở thành tình nhân của tôi.

Việc đó xảy ra ở ngoại ô, xa thành phố. Anh ta không nói một lời, ra khỏi xe, đi bộ theo đường cái. Tôi cũng không gọi anh ta nữa. Sức mạnh của cái nhìn của anh khi anh định hôn tôi tính ra (than ôi!) không phải là năm mươi tỉ, mà là một số đồng bạc ít ỏi hàng tháng anh ta nhận được của cha. Thực ra tôi có thể làm với anh cái điều mà ngày xưa chồng tôi đã làm với tôi: tức là đánh giá anh ta để mua và sử dụng. Trên thực tế, từ nay vốn tài sản của tôi có thể cho phép tôi đóng vai trò đó được. Nhưng, như tôi đã nói, cuộc hôn nhân đầu tiên đã làm chấn thương tôi rồi. Sợ rằng số phận tôi là làm một đồ vật suốt đời đi tìm chủ nhân mà không thấy.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

3 — Ca Sĩ Hề

Mùa đông năm ấy, sau khi đã thử đủ nghề, tôi đi vào các tiệm ăn đêm ghi-ta cho một người bạn tôi hát. Anh bạn tên là Minôlê, có khi còn được gọi là thầy giáo vì đã có thời gian dạy môn thể dục ở trường phổ thông. Đây là một người đàn ông to sù gần năm mươi tuổi, người anh ta không phải đơn thuần là béo mà vuông chẵn chẵn, mặt u ám, méo mó và thân hình nặng chịch, mỗi bận anh ta ngồi xuống ghế, ghế phải kêu lên ken két. Tôi chơi ghita một cách nghiêm chỉnh, thật lòng, ngồi ngay ngắn không uốn éo, bởi tôi là một nhạc công chứ không phải một thằng hề. Hề là anh ta — Milônê. Anh ta bắt đầu như thể tình cờ: đứng im dựa vào tường, mũ sụp xuống tận mắt, hai ngón tay cái thọc vào nách, quần trễ xuống dưới rốn, còn thắt lưng da thì ôm lấy bụng dưới — trông y như một anh chàng say rượu hát nghêu ngao dưới trăng. Thế rồi dần dần hăng lên, thay bài hát cho đúng gọi là hát (anh ta nào có giọng, cũng chẳng có tai nghe) anh ta biểu diễn một màn độc thoại, hay đúng hơn, như tôi đã nói, sắm vai một anh hề. “Tủ” của anh ta là những bài hát lâm ly, những bài nổi tiếng nhất mà thường khi hát lên người ta thấy xao xuyến và rung động tận cõi lòng. Nhưng qua miệng anh, những bài hát ấy không làm ai rung động mà chỉ nực cười, vì anh biết cách biến chúng thành buồn cười, theo kiểu riêng của anh. Tôi không biết con người ấy có tâm sự gì: hoặc là thời trẻ, một người phụ nữ nào đó lừa anh, hoặc bẩm sinh anh đã mang một tính cách như vậy: thích phá phách những thứ gì đẹp, tốt. Chỉ biết một điều: đây không phải là một tính cách đơn giản. Không, anh thể hiện một sự giận dữ biết chừng nào, và phải là những người

khách hờ hững mãi ăn kia mới có thể không nhận ra rằng không phải anh ta đang gậy cười, mà đang đau đớn. Đặc biệt tức cười là khi anh ta bắt chước những điệu bộ, những cái liếc mắt của phụ nữ, giễu cợt những chỗ yếu và nhược điểm của họ. Phụ nữ họ thường làm thế nào? Mím cười đong đánh ư? Thế là anh ta, từ dưới vành mũ sụp đưa mắt nguýt một cái như người đàn bà lăng lơ. Đánh mông chút ít ư? Thế là anh ta để cho cái bụng nháy một điệu tăng-gô và cái hông vuông nặng chịch lắc lư. Cất tiếng nói ngọt ngào ư? Anh ta bèn chun chun cái miệng phát ra một giọng kim the thé nghe đến buồn nôn.

M

Tóm lại là anh ta không hề biết chừng mực, luôn luôn làm thái quá, và trở nên kịch cỡm, đáng ghét. Đến nước ấy, tôi ngưng tái người, vì đèm ghi-ta cho một ca sĩ hát là một nhẽ, còn hòa tấu cho một anh hề làm trò lại là chuyện khác. Tôi nhớ cách đây không lâu tôi từng đèm cũng những bài hát ấy cho một nghệ sĩ nổi tiếng hát, và tôi nghĩ buồn cho chúng bây giờ đã bị biến dạng đến mức không còn nhận ra được nữa.

Có một lần tôi đã nói những điều đó ra với anh ta, trong lúc chúng tôi đi trên phố, từ tiệm ăn này sang tiệm ăn khác. “Đàn bà họ đã làm gì cậu vậy?” Thường thường, sau khi làm trò xong, anh ta trở nên trầm tư, lơ đãng như đang suy nghĩ không rõ những điều gì trong đầu.

“Làm gì với tớ ấy à?” anh ta hỏi, “chả làm gì cả”. “Là vì — tôi giải thích — tớ thấy cậu rất lầy làm khoái chí khi nhạo báng họ”. Lần ấy anh ta lặng im không đáp và câu chuyện dừng lại ở đấy.

Đáng lẽ tôi đã vứt bỏ công việc ấy từ lâu, nếu như không thấy ở đó đôi điều có lợi: vì dù là khó tin, nhưng thực tế là với cái cung cách suồng sã rẻ tiền ấy anh ta thu được nhiều tiền hơn vô khối đồng nghiệp của anh ta với những bài hát hay ho của họ. Hai chúng tôi thường đi vào những khách sạn không sang lắm, những tiệm, quán, lịch sự nhưng đắt tiền mà người ta thường đến để tiêu khiển, để mua vui. Lúc này, chúng tôi đang bước vào tiệm, và tôi lẳng lẳng ngồi xuống ghế. Từ những dãy bàn đông chật ò lên: “À, nghệ nhân, nghệ nhân đã đến kìa... Lại đây...”.

Milônê nghiêm nghị, cau có, áo quần xộc xệch và cái nhìn cằn rỗ, nhún nhảy bước về phía trước, cúi đầu. “Xin kính chào quý vị!” Cái câu “Chào quý vị” đó nghe đã buồn cười, theo kiểu riêng của anh ta, đến nỗi tất cả phá lên cười.

Đến món thứ hai, trong khi người hầu bàn chạy đi chạy lại xung quanh các bàn, Milônê tuyên bố bằng một giọng ồm ồm: “Xin phục vụ các quý vị một bài hát được mọi người ưa thích: Rôdina bỏ làng ra đi... Tôi sẽ đóng vai Rôdina”. Bạn hãy thử tưởng tượng những quý vị khán giả kia: trông thấy anh ta đóng Rôdina, họ ngăn người ra, tay cầm đĩa quán mì ống xpaghli chưa vào đến miệng, lửng lơ bên trên đĩa. Mà có phải dân thái thật, kéo xe ba gác đâu, họ đều là người lịch sự cả: những người đàn ông mặc áo vét xanh, sẫm màu, tóc chải bóng mượt, cà-vạt có kim đính, những người đàn bà mang đồ trang sức đẹp và quý. Họ xì xào với nhau trong lúc Milônê làm hề: “Khá thật... thật là cừ!”.

Trong những trò Milônê làm, có một chỗ trong khi đang hát, để làm cho nhân vật của bài hát trở nên buồn cười hơn, anh ta lấy mồm làm một âm thanh mà tôi không tiện nói. Thế mà các bạn có tin không: chính nhờ những chi tiết khả ố ấy mà bài hát được mọi người yêu cầu hát đi hát lại.

Cần phải nói rằng Milônê có phần nào cũng hơi choáng ngợp trước thành công kiểu đó. Anh ta ở trọ nhà một chị thợ may, trong một căn phòng có một bộ bàn ghế và tủ, tối tăm, ẩm thấp trên phố Chimara. Mỗi lần đến rủ anh ta đi, tôi đều thấy anh ta đang đứng trước gương tập thử một động tác kịch cớm, một trò mới nào đó. Anh ta làm việc đó kiên nhẫn, tận tụy, như một nghệ sĩ lớn chuẩn bị cho buổi diễn: còn tôi thì ngồi trên giường xem anh ta tập cho cái bụng nhảy tăng-gô trước gương. “Liệu đã đến lúc — một hôm tôi hỏi anh ta, — nghĩ ra một cái gì đó hay hơn, gây xúc động hơn không?” Anh ta trả lời: “Thấy chưa, cậu chả hiểu cái gì cả... Khi người ta ăn, người ta muốn cười vui chứ không ai muốn xúc động cả... Thế là tớ làm cho họ cười”. Một thời gian sau, vẫn để cải tiến buổi diễn, anh ta nghĩ ra trò đem một số đồ của phụ nữ như mũ bê-rê, một chiếc khăn quàng, một cái váy, bỏ vào một cái hòm con, thỉnh thoảng mặc vào để làm cho trò hề thêm nhộn. Cái tiết mục hóa trang thành nữ này của anh ta như một trò dở hơi, và

tôi không thể tả hết được cảm giác của mình khi nhìn thấy anh ta đội mũ bê-rê, mặc váy trùm lên trên quần dài. Cuối cùng, không nghĩ ra được trò gì nữa, anh ta muốn tôi cũng làm hề nốt, ít nhất là bằng cách vừa đánh ghita vừa lắc lư, ngật ngưỡng. Đến đó thì tôi từ chối.

Chúng tôi đến các tiệm, quán và biểu diễn ở đây từ mười hai giờ trưa đến ba giờ chiều, và từ tám giờ tối đến nửa đêm. Đi thành từng cụm, vài tiệm liền trong một ngày: lần này đi các tiệm ở mạn quảng trường Tây Ban Nha, lần khác các tiệm ở quanh quảng trường Vơniđơ, lần thì bờ sông Têverơ, lần khu nhà ga. Trên đường đi từ tiệm này sang tiệm khác, chúng tôi chẳng hề nói với nhau một lời — giữa hai chúng tôi thiếu sự tin cậy lẫn nhau. Sau khi đi hết vòng, chúng tôi ghé vào một quán rượu chia nhau tiền. Thế rồi, vẫn trong im lặng, tôi hút một điếu thuốc, còn Minôlê thì làm một chén rượu. Buổi chiều, Minôlê tập thể hiện vai trước gương, còn tôi hoặc là ngủ hoặc đi xem phim.

Một hôm trời chập choạng tối, sau khi đã đi một vòng các tiệm bên bờ bên này sông Têverơ, hai chúng tôi rủ nhau vào một cái quán ở đằng sau quảng trường Maxtai, để nhấm nháp tí gì cho ấm bụng hơn là để biểu diễn. Đây là một cái phòng hẹp, dài như một hành lang, bàn ghế xếp dọc theo các bức tường, quanh bàn phần lớn là dân ít tiền đang ngồi uống rượu của nhà chủ nấu và ăn những thức ăn gói trong giấy báo mang theo. Chẳng hiểu thích thú cái gì, có lẽ là vì rồi việc, Minôlê lại muốn biểu diễn cả ở đây. Anh ta chọn một trong những bài hát tuyệt vời nhất, rồi, với cái cách thức mà anh ta vẫn thường làm, với những cái liếc mắt và nhãn mặt, biến nó thành ra một thứ trò tồi tàn rẻ tiền không thể nào thương hại.

Anh ta hát xong, một vài tiếng vỗ tay lộp bộp nhạt nhẽo vang lên, và từ sau một bàn có tiếng nói: “Bây giờ tôi sẽ hát cho mà nghe”.

Tôi quay lại, thấy một anh thanh niên tóc màu sáng, mặc áo thợ blu-dông, rất đẹp trai, đang nhìn Minôlê bằng cặp mắt rục rủa như muốn ăn tươi nuốt sống anh ta. “Anh bạn đê mê đi, — anh ta nói như ra lệnh cho tôi, — bắt đầu từ đầu ấy”. Minôlê nhỏ nhẹ, vờ như mệt lắm, ngồi phịch xuống chiếc ghế cạnh cửa. Anh thanh niên đưa tay ra hiệu cho tôi bắt đầu và hát. Tôi không bảo là anh ta hát hay như một ca sĩ thực thụ. Nhưng anh ta hát rất

tình cảm, bằng một giọng ấm và bình tĩnh, hát như cần phải hát, như bài hát ấy đòi hỏi phải được hát như thế. Ngoài ra, như tôi đã nói, anh đẹp trai, tóc quăn thành làn sóng, đặc biệt nếu đem so với Minôlê, phục phịch và thô kệch. Anh vừa hát vừa đi quanh tiệm, mắt nhìn về phía một cái bàn có cô gái đang ngồi một mình như đang hát cho cô nghe. Câu hát cuối cùng vừa dứt, anh mở lòng bàn tay về phía Minôlê như để nói: “Đấy, phải hát như thế chứ”, rồi quay trở về cái bàn có cô gái đang ngồi đợi anh. Cô lập tức choàng tay ôm lấy cổ anh. Nói thực ra, trong quán người tay vỗ tay hoan hô anh ít hơn Minôlê, mọi người không hiểu vì sao anh đứng lên hát. Nhưng tôi thì tôi hiểu, và lần này, cả Minôlê cũng hiểu.

Trong lúc đệm đàn, tôi vẫn chốc chốc nhìn về phía Minôlê. Tôi thấy anh ta mấy lần đưa tay vuốt vuốt mặt, khuôn mặt bị che lấp bởi bộ tóc lò xo, như muốn xua đuổi cơn buồn ngủ.

Nhưng anh ta không giấu nổi vẻ chua chát mà chưa bao giờ tôi nhận thấy ở anh. Và cứ với mỗi câu chàng thanh niên kia hát, vẻ chua chát ấy lại càng tăng. Cuối cùng, anh ta đứng dậy, vươn vai vờ ngáp, nói:

— Thôi nào, đi ngủ đi... Tớ buồn ngủ díp cả mắt lại rồi...

Chúng tôi chia tay nhau ở góc phố, hẹn nhau — như thường lệ - ngày hôm sau gặp lại. Cho nên tất cả những gì xảy ra đêm ấy, chỉ sau đó tôi mới nghĩ đến. Và những gì mà các bạn sắp nghe tôi nói, chỉ là những giả thiết của tôi, không hơn. Tôi đã nói rằng Minôlê đã bắt đầu tự kiêu, có lẽ tự cho rằng mình là một nghệ sĩ lớn, trong khi trên thực tế anh ta chẳng qua chỉ là một thằng hề mua vui cho thiên hạ khi người ta ăn uống. Việc làm của anh thanh niên tóc màu sáng mặc áo thợ đã làm cho anh ta như rơi từ trên cao xuống vực. Tôi nghĩ rằng trong lúc anh thanh niên kia hát, Minôlê bỗng tự nhìn ra con người thật của mình chứ không phải con người mà anh ta vẫn tưởng từ trước đến giờ: một người gần năm mươi tuổi, to béo, vụng về, cổ quàng yếm dãi, đọc những bài thơ cho trẻ con. Hơn nữa, như tôi cảm thấy, anh ta đã hiểu ra rằng anh ta sẽ không thể nào hát nổi cái gì. Vì rằng anh ta chỉ xứng đáng để làm trò cười, để mua vui, nhưng chỉ biết mua vui bằng cách thóa mạ một số tình cảm con người. Mà những tình cảm ấy chính là

những cái mà đời anh ta thiếu, những cái anh ta chưa từng cảm thấy bao giờ.

Nhưng, tôi xin nhắc lại, tất cả những điều đó chỉ là giả thiết của tôi. Chỉ biết rằng sáng ngày hôm sau, chị thợ may chủ nhà nhìn thấy anh ta thắt cổ treo lủng lơ trên khung cửa sổ, đằng sau cái rèm, đúng nơi vẫn treo cái lồng vẹt. Người qua đường nhìn thấy hai cái cẳng chân đung đưa đằng sau kính cửa. Nghi kỵ như bất cứ kẻ tự tử nào, anh ta khóa trái cửa bên trong lại, kê cái tủ gương chắn ngang. Chắc hẳn anh ta muốn nhìn mình một lần cuối cùng, như thường anh ta vẫn làm khi thử vai, lần này là để xem mình thắt dây vào cổ. Tóm lại là người ta phải phá cửa, tấm gương tủ đổ và vỡ. Minôlê được chôn ở nghĩa trang Vêranô, đưa tiễn anh chỉ có mình tôi, nhưng lần này không có ghita. Chị thợ may đã lắp một tấm gương mới vào tủ và tự bằng lòng là cũng đã thu về được ít tiền sau khi cắt sợi dây thừng ra thành mấy đoạn ngắn đem bán.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

4 — Đàng Trộm

Vừa vào đến phòng khám, tôi đi thẳng đến chiếc ghế đi văng, nhưng bác sĩ ngăn tôi lại, bảo:

V

— Hôm nay không khám nữa! Hai chúng tôi nhìn nhau.

Ông bác sĩ đầu hói, đeo đôi kính dày cộp, làm cho hai con ngươi màu xanh lơ của ông ta thêm to hơn, giống như hai xoáy nước. Mũi ông ta nhọn, ở giữa gồ lên và hơi vẹo trông tựa như một cái khoan. Bên dưới cái mũi “dò xét” ấy là hốc miệng tròn được bao quanh bởi những nếp nhăn mảnh như vết dao cạo râu. Ông bác sĩ này người cao, dáng người bệ vệ, vai rộng, đùi to. Ông ta thích ngồi vắt chân chữ ngũ, để hở bụng chân trắng, béo lắn bên trên đôi bít tất ngắn cũn. Trong diện mạo của ông ta có một cái gì đó thô kệch, thấp hèn, tuy nhiên...

Nhưng thôi, hãy nhường lời cho chính ông ta. Im lặng một lúc, ông ta bắt đầu nói, bằng một giọng lạnh lùng, đáng ghét:

— Bà chị thân mến ạ, bà chị chữa đã được tròn một năm rồi. Tôi có bốn phận phải nói cho chị biết rằng chị không có bệnh tình gì cả và không còn cần đến sự điều trị của tôi nữa.

Tôi bèn cãi lại ngay:

— Ông nói gì vậy, thừa đốc tờ! Tôi thấy người không ổn. Tôi bị thần kinh nặng, rất nặng mà!

— Chị hoàn toàn khỏe mạnh. Điều bất bình thường duy nhất mà tôi nhận thấy ở chị là ý định quyến rũ tôi bằng mọi cách. Mà cũng không biết đấy có

phải là điều bất bình thường hay không. Chị hãy nghe tôi bảo này: chị là một người phụ nữ trẻ, đẹp, giàu có, lại không sống với chồng — một hoàn cảnh mà người ta gọi là lý tưởng. Tiếc rằng tôi không yêu chị, tôi yêu vợ tôi, mặc dù cô ấy không được trẻ đẹp như chị. Tôi cũng không định có một thiên tình sử lãng mạn nào cả, vì những chuyện như thế thường gây tai tiếng, rất tai hại đối với sự nghiệp công danh. Xuất phát từ những suy nghĩ như vậy, tôi cho rằng chúng ta không nên gặp nhau nữa thì tốt hơn.

Ông ta nói những lời đó bằng một giọng rất cương quyết, rồi đứng dậy đi những bước ngắn về phía cửa, giữa chừng dừng lại và lại nhắc:

— Yêu cầu chị, yêu cầu chị! Tôi yêu cầu chị!

Tôi trở về nhà như trong mơ, không có một ý nghĩ nào cả trong đầu, người bàng hoàng, không làm thế nào lấp được khoảng trống vừa được tạo ra.

Khi bước qua cổng tòa nhà để lên thang máy, tôi thấy một chàng thanh niên đang đứng. Một chàng thanh niên tóc dài, để râu bình thường nhất: đầu chải ngôi giữa, tóc quăn đen xám, vắt sang hai bên, thẳng đường ngôi xuống là cái mũi điều hâu trông rất trộm, hai mắt nhỏ, cái miệng mỏng nhảnh, còn ẩn bên dưới bộ râu cằm là cái cằm nhỏ, nhọn. Cậu ta ăn mặc như mọi người: áo blu-dông lông cừu của vùng Xacdenhơ, quần bò, giày da mỏng.

Tôi với cậu ta cùng vào thang máy và cùng ra ở gần cửa phòng tôi. Chỉ lúc bấy giờ tôi mới biết: thì ra là cậu ta đến gặp tôi — hỏi xem tôi có mua xà phòng thơm không (cậu ta mang một cái túi quàng vai).

Tôi bảo cậu ta vào, còn mình thì đi thẳng vào phòng ngủ lấy tiền (tôi không mang tiền theo người) nhưng lúc quay lại thì thấy cậu ta đã mất hút, còn hai cái bình bằng bạc thì biến mất khỏi giá treo tường. Nghĩ một lát, tôi bèn chạy bổ theo. Cái thang thật càn rỡ: hẵn đang xuống cầu thang, không hề tỏ ra vội vã, một tay vịn thành cầu thang, tay kia đỡ lấy túi quàng vai, lại còn vừa đi vừa huýt sáo nữa! Tôi đuổi kịp hẵn ta và, vừa thở hển hển vừa bảo:

— Này, cậu lên phòng đã chứ?

Hắn ta không chút ngạc nhiên, nhìn tôi rồi gật đầu. Lên đến phòng, tôi hỏi:

— Tên cậu là gì?

— Đômênicô, — hắn ta đáp.

Chắc hẳn các bạn còn nhớ đảng trộm nổi tiếng hồi nào chứ? Báo chí đã từng một thời viết nhiều về nó. Trong vòng mấy tháng, mười một gia đình cả thầy lẫn lượt bị mất trộm. Vậy mà trên thực tế chẳng có đảng cướp, đảng trộm nào cả. Chỉ có hai chúng tôi: Đômênicô và tôi. Chúng tôi hành động như sau. Tôi quen nhiều người trong giới nghệ sĩ sân khấu, điện ảnh và người nước ngoài. Các phòng ở của họ thường có hai đặc điểm: ở tầng trên cùng và đêm đến không có người ở lại trông nhà. Vào ngày định đến lấy trộm, tôi gọi điện cho nạn nhân để biết kế hoạch buổi tối của họ, chủ yếu là giờ trở về nhà.

Tiếp đó, mọi việc diễn ra theo quy trình đã được xác định. Tôi với Đômênicô trèo lên mái hiên nhà nào đó bên cạnh. Ở Rôma, điều đó rất đơn giản vì các cửa mái hiên thường thường không khóa hoặc khóa bằng những cái khóa cổ có thể luồn một cái đinh cong vào mở ra một cách không có gì khó. Hai chúng tôi nấp giữa những quần áo, chăn vải phơi trên dây và đợi đến giờ. Rồi chúng tôi nhảy từ mái hiên nọ sang mái hiên kia đến nơi đã định. Nếu cửa sổ vào phòng đóng, Đômênicô dùng xà-beng bẻ doãng song sắt ra, rồi cẩn thận nậy kính, thò tay vào trong mở chốt. Tôi người bé nhỏ, nhanh nhẹn trèo vào trong nhà, còn Đômênicô đứng ngoài, bên thành cửa sổ. Tôi lấy phần lớn là những đồ lặt vặt: bức tượng xinh xinh, cái gạt tàn thuốc, một vài thứ lặt vặt, hay hay. Chúng tôi ẩn tất cả những thứ lấy trộm được cùng dụng cụ đồ nghề vào trong một cái túi to và theo lối cũ trở về nhà.

Nhưng nếu kỹ thuật ăn trộm đã được chúng tôi nâng lên mức hoàn thiện, thì không thể nói như vậy về mối quan hệ giữa chúng tôi. Chúng tôi trở thành tình nhân của nhau một phần chính vì cùng là tòng phạm. Những cảm giác, lo âu chung sinh ra tình yêu, nhưng trong đáy lòng tôi chỉ cảm thấy đối với Đômênicô một sự khinh bỉ. Bề ngoài, nom cậu ta có vẻ một gã

thanh niên hiện đại, nhưng về nội tâm, thực chất cậu ta chỉ là một gã tiểu tư sản, phàm tục.

Giai đoạn này của cuộc đời đối với tôi đặc biệt đáng nhớ bởi những đêm trăng, vì mỗi đêm như thế, ánh trăng đầy đặn chiếu sáng mái hiên nhà những người bạn bị lấy trộm của tôi. Tôi nhìn vầng trăng và suýt khóc vì sung sướng với ý nghĩ rằng cuối cùng, lần đầu tiên trong đời tôi lao vào một việc mạo hiểm thật sự. Trước đó, tôi chưa làm cái gì mạo hiểm bao giờ. Đó cũng là nguyên nhân bệnh thần kinh của tôi. Bởi vì dù tôi làm gì đi nữa, tiền không chỉ ngăn cho tôi khỏi gặp nguy hiểm, mà còn gạt bỏ mọi trở ngại trên con đường tôi đi. Tôi nghĩ rằng cả những phút hiểm hoai tình yêu Đômênicô chợt lóe lên trong lòng tôi cũng gắn với cảm giác mạo hiểm đó. Ít nhất cũng là vào những ngày mà chúng tôi không thực hiện các “phi vụ”. Đúng là tôi chỉ thấy căm ghét cậu ta.

Và rồi tất cả trôi đi mất. Suốt đời tôi phục tùng sự điều khiển của bản năng, sự làm việc của cái đầu không đóng vai trò gì lớn lắm. Theo bản năng tôi quyến rũ ông bác sĩ tâm thần, cũng theo bản năng tôi quyết định lấy trộm ở phòng khám của ông. Tại sao lại lấy trộm của ông ta? Điều đó chỉ đến phút chót, khi cùng với Đômênicô chuẩn bị “chiến dịch”, tôi mới hiểu ra.

Sau khi kể cho Đômênicô nghe câu chuyện của mình với ông bác sĩ, cuối cùng tôi thú nhận:

— Chính bản thân tôi cũng không hiểu nổi tại sao mình lại nghĩ ra việc lấy trộm của ông ta...

Đômênicô, con người trần thế, không bao giờ thích nghĩ ngợi xa xôi, chẳng thềm để ý gì đến câu tôi nói.

Nhưng rồi hầu như ngay lập tức, tôi đã tự trả lời: rõ ràng, tôi vẫn còn yêu ông ta, ông bác sĩ của mình. Việc lấy trộm thực chất chỉ là một biện pháp để khôi phục bằng cách nào đó mối quan hệ đã bị gián đoạn.

Cái đêm được dự định đã tới. Đây là một đêm trăng sáng huy hoàng, những đêm như thế thường làm tôi ngây ngất. Trong lúc Đômênicô, như thường lệ, lấy xà beng bẩy cửa, tôi ngửa mặt nhìn trời. Đột nhiên — thề có trời có đất — tôi cảm thấy rằng vầng trăng trắng bệch như cổ chân béo mập

của ông bác sĩ, đúng hơn, chính đó là chân ông ta! Bằng mọi nỗ lực to lớn của ý chí mới buộc được mình dứt ra khỏi bức tranh huyền diệu ấy, tôi bước lên bậc cửa sổ, nhảy nhẹ vào phòng, nấp sau bức rèm để xem xem nên lấy cái gì. Cuối cùng tôi chọn hòn đá khổng tước to bằng đầu đứa trẻ con dùng để chặn giấy mà bác sĩ để trên bàn làm việc cạnh chiếc đèn. Tôi thoáng nghĩ rằng sau này có thể đóng kịch như thể tôi tìm được hòn đá bị lấy cắp trong một cửa hiệu đồ cũ và mang nó về cho bác sĩ, rồi còn sau đó sự việc sẽ xảy ra như thế nào thì tùy...

Cái bàn kê ở góc phòng, — tôi nhớ rõ lắm — vừa đúng đối diện với cửa sổ. Tôi vén rèm, bước mấy bước trong tối về phía cái bàn.

Chợt thấy trên bàn làm việc sáng đèn: ông bác sĩ đang ngồi đấy nhìn tôi chăm chăm và nói chậm rãi:

— Chào buổi tối! Có một anh chàng tên là Đômênicô đã báo trước với tôi.

— Thăng đều?

— Trong lúc này đây, thăng đều ấy đã đi xa rồi. Hắn đã chán chị, và, trước khi đi, hắn có nhờ tôi nói cho chị biết là như thế. Hắn cũng bảo rằng hắn dự định bắt đầu một cuộc đời mới bằng cách mở một hiệu bán tem... Phải công nhận rằng đấy là một cách làm lại cuộc đời thật lạ...

Tôi bàng hoàng cả người. Nhưng khi nhìn xuống gầm bàn, thấy bác sĩ ngồi vắt chân, để lộ cái bụng chân trắng hếu, tôi lại nhớ lại mặt trăng. Và bây giờ — không biết là lần thứ mấy — tôi lại bị bản năng chi phối. Tôi lại gần đi văng, nằm xuống và nói (ông bác sĩ lại ở vào vị trí sau lưng tôi, như cuộc khám nghiệm thần kinh đòi hỏi phải như vậy):

— Bây giờ thì anh sẽ không thể nói được rằng tôi không bị bệnh nữa nhé! Trong vòng sáu tháng, tôi đã ăn trộm mười một nhà người quen. Những đồ đạc lấy được tôi không hề đụng đến. Có lẽ cái thăng ngược ấy tính lấy đem bán để bắt đầu xây dựng cuộc sống mới. Nhưng cho đến ngày hôm qua, mọi thứ vẫn còn y nguyên.

Một lúc lâu im lặng. Cuối cùng tôi nghe thấy một giọng nói rề rề quen thuộc. Bác sĩ nói:

— Thế thật... Nhưng thôi, bây giờ phải đi ngủ thôi. Mai ta sẽ lại gặp nhau. Hăng gượng, để tôi xem lại số đã... À, phải rồi, vào lúc sáu giờ.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

5 — Đừng Nghĩ Ngợi Làm Gì!

Nhẽ ra Anhezê có thể báo trước với tôi chứ không phải là đi hẳn khỏi nhà như thế, chẳng hề nói một lời từ biệt. Tôi hoàn toàn không tự coi mình là người toàn vẹn, và nếu như cô nói cho tôi biết cô không vừa ý cái gì, thì hai người có thể bàn bạc với nhau. Đằng này không: hai năm trời sống với nhau chẳng điều tiếng gì. Thế rồi đột nhiên, một buổi sáng, nhân lúc tôi vắng nhà, cô bí mật lên đi, y như thể một con ở đi tìm chỗ khác tốt hơn. Cô ta bỏ tôi mà đi, đến nay đã sáu tháng rồi, mà tôi vẫn không thể hiểu nổi vì sao cô bỏ đi.

N

Sáng hôm ấy tôi ra chợ mua tất cả các thứ cần thiết. Tôi thích đi chợ mua bán lấy, vì tôi biết giá cả, biết ở nhà còn thứ gì, thiếu thứ gì, thích mặc cả, sờ thử, nắn thử: tôi phải xem xem bít-tết làm bằng loại thịt gì, táo còn tươi hay héo. Tôi xách làn thức ăn về rồi lại chạy ra mua một mét rưỡi giấy bồi để dán lên tường phòng ăn. Vì trù tính mua các thứ trong một khoản tiền nhất định, nên tôi đi qua các cửa hàng một lượt trước khi chọn được cái mình định mua trong một cửa hàng nhỏ ở phố Uminta. Tôi về đến nhà lúc mười một giờ hai mươi, vội vào phòng ăn để ướm thử màu giấy với màu tường, thì thấy trên bàn một lọ mực, một cây bút và một bức thư. Thật ra mà nói thì vết mực đỏ trên tấm thảm trải bàn đập vào mắt tôi trước hết, khiến tôi nghĩ bụng: “Chết cha... mực đổ cả ra thảm rồi!”.

Tôi dọn mực, bút và bức thư, gỡ tấm thảm trải bàn đem vào trong bếp, lấy chanh tẩy sạch mực đi. Sau đó tôi trở vào phòng ăn, trải lại khăn bàn và

chỉ đến bảy giờ tôi mới nhớ tới bức thư. Bức thư đề gửi tôi: “Anh Anfrêđô”.

Tôi mở ra và đọc: “Em đã dọn dẹp các phòng. Cơm thì anh đi nấu lấy, anh vốn khéo tay. Em về ở hẳn với má đây. Xin chào. Anhezê”.

Thoạt tiên, tôi không hiểu gì cả. Sau đó tôi đọc lại bức thư và cuối cùng cũng hiểu rằng Anhezê đi hẳn, cô bỏ tôi sau hai năm chung sống.

Theo thói quen, tôi bỏ bức thư vào ngăn kéo tủ, chỗ vẫn thường cất hóa đơn và toàn bộ thư từ, giấy má, rồi ngồi xuống chiếc ghế dựa nhỏ gần cửa sổ. Tôi cũng không biết là mình nghĩ gì nữa, bởi hoàn toàn không hề lưỡng lự trước các chuyện như thế và không thể tin vào điều đã xảy ra. Trong lúc tôi ngồi trầm ngâm tư lự như thế, mắt tôi nhìn xuống sàn và tôi chợt phát hiện ra một cái lông trắng có lẽ tung ra từ cái chổi phát trần mà Anhezê đã dùng để phủ bụi. Tôi nhặt lấy cái lông, mở cửa sổ vớt ra ngoài. Rồi tôi đội mũ đi ra phố.

Vừa đi trên vỉa hè, và theo thói quen mỗi bước chân một viên đá, tôi vừa tự hỏi: mình đã làm gì Anhezê thế nhỉ? Tại sao cô ta lại bỏ tôi một cách đáng giận như vậy, rõ ràng với ý định xúc phạm, như vậy? Trước hết tôi tự đặt câu hỏi: Liệu Anhezê có quyền trách tôi phải lòng người khác, dù là chốc lát không? Và lập tức tự trả lời: không. Chưa bao giờ tôi thấy hấp dẫn về đàn bà một cách đặc biệt cả. Tôi không hiểu họ, họ không hiểu tôi, còn kể từ ngày tôi lấy vợ thì có thể nói họ — đàn bà — đối với tôi thôi không còn tồn tại nữa. Đến nỗi chính Anhezê có lần hỏi đùa tôi:

— Giả dụ bây giờ anh phải lòng một cô nào thì sao? Tôi trả lời:

— Điều đó không có thể xảy ra. Bởi vì anh yêu em và không ai khác cả. Anh yêu em suốt đời.

Nghĩ đến đây, tôi nhớ lại rằng cái câu “yêu suốt đời” ấy dường như không làm mừng Anhezê, mà trái lại mặt cô hơi xị ra một tí, và cô nín thinh.

Tôi chuyển sang giả thiết khác: hay có thể Anhezê bỏ tôi vì lý do tiền nong hoặc nói chung là do cách sống của hai chúng tôi?

Nhưng lần này nữa tôi cũng đi đến kết luận là không có gì để lương tâm tôi cắn rứt. Thực tình thì tiền nong tôi cũng chỉ đưa cho cô trong những trường hợp đặc biệt cần thiết, nhưng cô nào có cần gì đến tiền? Lúc nào tôi

chả ở bên cạnh cô và sẵn sàng trả tiền cho cô. Chúng tôi ăn tiêu không đến nỗi tồi, thử nghĩ mà xem: tuần hai lần xem phim, hai lần đi ăn hiệu, và tôi cũng không phải là người bủn xỉn đến mức để ý xem cô có đặt kem cốc không hay là chỉ cà phê không thôi; báo thì mua hằng ngày. Mùa đông thỉnh thoảng còn đi nghe cả ôpêra; mùa hè thì đi ra nhà nghỉ ngoại ô của ba tôi ở Marinô. Phương tiện giải trí thì như thế, còn về quần áo thì Anhezê lại càng ít lý do để phải phàn nàn. Mỗi khi cô cần mua sắm cái gì, dù là chiếc coóc-xê, đôi tất ni lông hay những khăn mùi xoa này khác, tôi đều chiều ý, đi với cô đến tận cửa hàng, cùng với cô chọn lựa và trả tiền, không chút đắn đo. Khi cô bảo: “Em muốn mua mũ, em cần cái áo”, chưa từng có lần nào là lần tôi không đáp: “Nào ta đi, anh đi cùng với em”. Cũng phải công nhận rằng Anhezê không phải là người đòi hỏi lắm lắm: đến năm thứ hai sau khi lấy nhau, cô hầu như thôi hẳn không nghĩ đến chuyện ăn diện nữa. Chính tôi đôi lần đã phải nhắc cô cần mua áo này áo kia. Cô trả lời rằng cái đó không quan trọng lắm, và rằng quần áo từ năm ngoái của cô vẫn còn. Tôi thậm chí đã nghĩ rằng Anhezê khác những phụ nữ khác ở điểm đó — không thích cầu kỳ.

Như vậy là những nguyên nhân về tình cảm và tài chính là không có. Chỉ còn lại cái mà các luật sư gọi là tính cách không hợp. Nhưng thử hỏi không hợp gì mà suốt hai năm trời giữa hai chúng tôi không có qua một lần nào cãi cọ nhau? Tôi xin cam đoan, không lần nào! Lúc nào chúng tôi cũng ở bên nhau, còn nếu không hợp thì nó phải thể hiện ra bằng cách nào đó chứ. Vậy mà Anhezê không bao giờ cãi lại tôi, có thể nói cô hầu như không chuyện trò gì mấy. Có những khi cả buổi tối ngồi ở tiệm hoặc ở nhà, cô chẳng hề hở miệng, luôn luôn chỉ có mình tôi nói.

Tôi không phủ nhận là mình hay nói và thích nghe mình nói nữa, nhất là lại với một người gần gũi mình. Giọng nói của tôi bình tĩnh, đều đặn, không to, không nhỏ quá, chín chắn đĩnh đạc, và nếu tôi đã nói về một đề tài gì thì nói đến tận chân tơ kẽ tóc, về mọi phương diện. Tôi hay thích nói về những công việc làm ăn: thích bàn luận về giá cả, về cách bố trí giường tủ trong phòng, về các món ăn, về hệ thống lò sưởi, tóm lại là về đủ thứ lật vạt. Tôi nói không biết mệt về những chuyện như thế và tìm thấy ở đấy sự vui thú,

đến mức có vài lần tôi phát hiện ra rằng sau khi đã nói hết về một đề tài rồi, tôi lại nhắc lại toàn bộ những suy nghĩ của mình từ đầu. Nhưng phải công nhận với nhau rằng với đàn bà chính là phải nói những chuyện như thế, nếu không thì nói chuyện gì?

Hơn nữa Anhezê nghe tôi nói một cách chăm chú, hay ít nhất là tôi cảm thấy thế. Chỉ có một lần, trong khi tôi đang giải thích cho cô về cấu tạo cái bình đun nóng trong phòng tắm, cô bỗng thiếp đi. Tôi đánh thức cô dậy, hỏi:

— Em nghe chán lắm à? Cô vội đáp:

— Không, không phải. Em chỉ hơi mệt, chả là đêm qua ngủ ít mà.

Những ông chồng thường là bận công việc hoặc bận buôn bán kinh doanh, còn khi không có việc gì thì hay thích giao du với bạn bè. Còn đối với tôi, Anhezê thay thế cho tất cả: cho công việc, cho kinh doanh và cho bạn bè. Không một phút nào tôi để mặc cô một mình, lúc nào cũng ở bên cô, thậm chí, — dù cho các bạn có lấy làm ngạc nhiên đi nữa — cả những lúc cô nấu ăn. Tôi lại có cái thú ham nấu nướng, hàng ngày trước bữa ăn trưa tôi đều mặc tạp dề xuống bếp giúp Anhezê một lúc. Tôi làm mỗi thứ một tí: gọt khoai tây bóc vỏ đỗ, băm bí tết, trông những nồi đang đặt trên bếp. Tôi giúp cô đắc lực đến nỗi cô phải bảo:

— Anh này... hay là anh làm lấy tất đi... em bị nhức đầu, em đi nằm một tí đây.

Thế là tôi bèn nấu một mình; có quyển sách nấu ăn ở đấy, tôi còn thử chế những món mới nữa kia. Chỉ tiếc rằng Anhezê rất khảnh ăn, ít lâu nay cô lại ăn không ngon miệng, chẳng đụng gì đến thức ăn cả. Một lần cô nói với tôi nửa đùa nửa thật:

— Anh sinh nhằm thành đàn ông hay sao ấy... Anh là đàn bà... thậm chí là bà quản gia.

Tôi phải công nhận rằng cô nói như thế cũng có phần đúng: quả là ngoài nấu nướng ra tôi cũng thích giặt, là, khâu vá.

Như tôi đã nói, tôi không bao giờ xa cách Anhezê, cả khi bà mẹ vợ hoặc bạn gái cô đến chơi, cả khi không biết tại sao tự nhiên, cô nghĩ ra việc học tiếng Anh và chỉ để cùng được ở bên cô, tôi cũng cắp sách đi học cái thứ

tiếng khó đó. Tôi gấn bó với cô đôi khi đến mức tức cười. Chẳng hạn như có một lần ở trong tiệm ăn, không nghe rõ cô rí tai tôi nói cái gì, tôi đã đi theo cô đến tận nhà vệ sinh, và bị người phục vụ chặn lại, bảo đó là nhà vệ sinh nữ, không được vào.

Vâng, một người chồng như tôi đâu có phải dễ tìm. Thường có những lúc Anhezê bảo:

— Em cần đi đến chỗ này gặp người này, không liên quan gì đến anh cả đâu.

Nhưng tôi trả lời:

— Anh đi với... anh chả bận gì cả mà.

— Thôi được rồi, đi thì đi, nhưng em nói trước cho mà biết, ở đó anh sẽ thấy chán cho mà xem.

Nhưng kết quả là tôi chẳng thấy chán gì cả, và sau đó tôi nói:

— Em thấy không, anh chẳng thấy chán tẹo nào.

Nói tóm lại là hai chúng tôi luôn có nhau.

Vừa đi vừa suy nghĩ về tất cả những điều đó và tự hỏi đi hỏi lại mình, tại sao Anhezê lại bỏ đi, tôi đã đến cửa hàng của ba tôi. Đây là một hiệu bán đồ tế lễ ở gần quảng trường Minecva. Ba tôi còn chưa già, tóc vẫn còn đen, quần, bộ râu đen, bên dưới ẩn một nụ cười mà tôi không bao giờ hiểu nổi. Có lẽ vì quen nói chuyện với các cha cố và những người đi đạo nên phong thái ba tôi rất ung dung, điềm đạm và luôn luôn nhã nhặn. Nhưng mẹ tôi là người biết rõ ông thì nói rằng đó chỉ là do ông rất biết tự chủ.

Tôi đi qua dãy tủ kính bày những đỉnh đồng, vào phòng trong, ở đó có bàn làm việc của ba tôi. Như thường lệ, ba tôi đang căn cứ đuôi ria mép ngồi tính sổ sách. Tôi lúng túng nói:

— Ba ơi, Anhezê bỏ con rồi.

Ông ngược mắt lên nhìn như mỉm cười sau hàng râu — hoặc có thể chỉ là tôi cảm thấy như thế.

— Ba rất tiếc, — ông nói, — quả thật rất lấy làm tiếc... Thế đầu đuôi ra sao?

Tôi kể chuyện lại, và thêm:

— Con thì con buồn lắm... nhưng trước hết con muốn hiểu tại sao cô ấy bỏ con.

Ông hỏi một cách băng quơ:

— Thế con không hiểu tại sao à?

— Không.

Ông im lặng một lát, rồi thở dài nói:

— Anfredô ạ, ba rất lấy làm tiếc, nhưng ba không biết nói thế nào với con cả... Con là con, ba nuôi con, quý con... Nhưng còn chuyện vợ chồng thì tự con, con phải nghĩ lấy.

— Vâng, nhưng tại làm sao cô ấy lại bỏ con mới được chứ? Ông lắc lắc đầu:

— Ở địa vị con thì ba chẳng nghĩ ngợi làm gì cho mệt. Mặc kệ... Biết nguyên nhân đối với con quan trọng lắm hay sao?

— Quan trọng lắm... quan trọng hơn hết.

Giữa lúc ấy có hai vị cố đạo bước vào. Ba tôi đứng dậy, ra tiếp họ và bảo với tôi:

— Lúc khác con lại nhé... ta sẽ lại nói chuyện... Bây giờ ba bận. Tôi hiểu rằng không chờ đợi được gì nữa ở ông, bèn đi.

Nhà mẹ của Anhezê ở gần đấy, trên đại lộ Víchto Emenuen. Tôi nghĩ rằng người duy nhất có thể giải thích cho tôi biết bí mật của sự ra đi đó chính là Anhezê. Thế là tôi đến đó. Tôi lên cầu thang, vào phòng khách. Nhưng ra tiếp tôi không phải Anhezê mà là bà mẹ cô, mà tôi vốn rất ghét. Bà ta cũng buồn bán. Đây là một phụ nữ tóc nhuộm đen, má bôi phấn, luôn luôn tươi cười, kín đáo và giả tạo. Bà mặc áo dài trong nhà, ngực áo đính bông hồng. Trông thấy tôi, bà làm ra bộ đơn đả:

— A, anh Anfredô, tự nhiên hôm nay anh lại đến, thế là thế nào?

— Má biết tại sao con đến đây rồi, — tôi trả lời — Anhezê bỏ nhà đi.

Bà bình tĩnh nói:

— Ủ, nó đang ở đây, con ạ. Biết làm thế nào? Những chuyện như thế ở đời thường vẫn xảy ra mà.

— Lẽ nào đây là tất cả những gì má có thể nói với con? Bà nhìn tôi chăm chú rồi hỏi.

— Anh đã cho gia đình anh biết chưa?

— Có, con có nói với ba con.

— Thế ông cụ bảo sao?

Ba tôi bảo sao thì việc gì đến bà ta mới được kia chứ? Tôi trả lời giống một:

— Má biết tính ông cụ rồi đấy... Cụ bảo mặc kệ, đừng nghĩ ngợi làm gì.

— Phải đấy con ạ... Chả cần nghĩ ngợi làm gì.

— Nhưng mà suy cho cùng, — tôi bắt đầu thấy máu nóng bốc lên, — tại sao cô ấy lại bỏ đi mới được chứ? Con đã làm gì cô ấy? Tại sao má không nói?

Tôi vừa nói những lời giận dữ ấy vừa đưa mắt nhìn lên bàn. Trên khăn trải bàn là một tấm vải móc ren, trên đó đặt một bình hoa anh túc đỏ. Nhưng tấm vải móc nằm hơi lệch, không phải ở chính giữa mặt bàn. Tức khắc, thậm chí không ý thức được mình làm gì nữa, tôi nhắc bình hoa lên, đặt lại tấm vải cho đúng chính giữa, trong lúc bà cứ nhìn tôi mუმ mუმ cười không đáp.

Đến lúc ấy thì bà nói:

— Khá lắm... Bây giờ thì bình hoa ở chính giữa bàn... Tôi cũng không phát hiện ra, vậy mà anh thấy ngay... Giỏi lắm... Thế còn bây giờ thì anh có thể đi được rồi đấy.

Bà đứng dậy, và tôi cũng đứng dậy. Tôi định hỏi liệu có thể gặp Anhezê được không, nhưng lại thôi, vì hiểu rằng vô ích; thêm nữa tôi cũng sợ gặp cô ta tôi mất bình tĩnh, rồi thì sẽ làm hoặc nói những điều thất thố. Thế là tôi đi, và kể từ ngày ấy không gặp lại vợ tôi nữa. Có thể rằng một ngày nào đó cô sẽ quay về, sau khi hiểu ra rằng những người chồng như tôi chẳng dễ mà có được. Nhưng tôi quyết không cho cô bước qua được ngưỡng cửa mà vào nhà, chừng nào còn chưa chịu giải thích cho tôi hiểu tại sao cô đã bỏ tôi ra đi như vậy.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

6 — Người Thừa Hành

Khi tôi bị thất nghiệp vì giảm người, bị mất chỗ chạy giấy ở nhà băng, ban đầu tôi vô cùng bỡ ngỡ và chán nản. Tôi đã quen thừa hành: tiếng chuông reo của thủ trưởng, tín hiệu xanh, đỏ trên bảng màu, yêu cầu của khách, những chỉ thị và mệnh lệnh đủ loại đòi hỏi tôi phải phản xạ lại tất cả những cái đó. Thế mà tất cả đột nhiên chấm dứt. Tôi ngồi vất chân trên đi-văng, khoanh tay yên lặng trong sự trống trải. Nhưng có điều hãy hiểu đúng tôi. Tôi không có việc gì làm nữa không phải vì tôi thất nghiệp, mà vì giờ đây không còn ai ra lệnh cho tôi nữa. Có thể một số người không nhìn ra sự khác nhau giữa hai cái đó. Thế mà có sự khác nhau đây, rất cơ bản nữa là khác. Ít nhất cũng là đối với tôi.

K

Để tôi giải thích cho mà nghe. Cách đây mấy hôm tôi đi tìm việc ráo riết lắm. Và một buổi sáng, tôi đang nằm trên giường tự nhủ là mình còn đang ngủ, thì bỗng giật nảy mình vì tiếng gọi của vợ. Giọng của cô nghe có phần tức bực:

— Hay thật, không biết anh còn oằn oài trên giường đến bao giờ nữa. Dậy mà giúp người ta một tay chứ. Nào, dậy rửa mặt đánh răng đi. Trong khi em mặc quần áo, anh bắc bếp nấu ăn.

Những lời tưởng như bình thường nhất, nhưng đối với tôi có một tác động đặc biệt. Tôi quấn chặt chăn vào người, nằm nghĩ: “Dậy, mặc quần áo vào, bắc bếp nấu ăn... Cô ấy ra lệnh kìa, lệnh thực sự, chẳng kém phần nghiêm khắc và rõ ràng so với ở nhà băng. Đây là mệnh lệnh đây!” Và lúc

ấy, tôi cảm thấy rằng bộ não tôi sau khi nhận được lệnh đã truyền tín hiệu chỉ huy cho đôi chân: tôi tung chăn vùng dậy, mở cửa vào nhà tắm, mở vòi... nói tóm lại là bắt đầu thi hành mệnh lệnh.

Sau đó một lúc, trong khi thực hiện công việc, tôi phát hiện ra rằng những mệnh lệnh đơn giản ấy kéo theo nó nhiều cái khác, gọi là những mệnh lệnh phụ. Này nhé, chẳng hạn một câu bình thường nhất như “bắc bếp nấu ăn đi” có nghĩa là: 1. đi xuống bếp, 2. châm bếp lên, 3. đặt ấm nước, bỏ cà phê vào đun lên, 4. cắt bánh mì, 5. xếp những lát bánh vào đĩa, 6. dọn đĩa chén, lấy bơ, 7. xếp tất cả vào mâm và bưng lên nhà.

Như các bạn thấy, đó là một loạt động tác, mà nếu như tôi không xác định rõ những mệnh lệnh của vợ giao, tôi sẽ rất khó thực hiện chúng... Rồi những mệnh lệnh phụ ấy về phần chúng lại kéo theo những mệnh lệnh phụ nữa, những mệnh lệnh phụ cấp hai. Thí dụ, “lấy bơ” có nghĩa là mở tủ lạnh lấy gói bơ ra, cắt mấy lát, bỏ lên đĩa, vân vân và vân vân. Bằng việc đó tôi muốn nói lên điều gì? Tôi muốn nói rằng tôi cảm thấy mình dần dần trở về với cuộc sống, nghĩa là dần dần lại bắt đầu hoạt động trở lại sau nhiều ngày rồi việc kể từ khi ở nhà băng về. Ở đó tôi có những chức năng nhất định. Thế là bây giờ đây tôi lại làm việc, lại hoạt động.

Vợ tôi là nhân viên đánh máy, cô đến công sở làm việc hàng ngày. Buổi sáng hôm ấy, cô không giao cho tôi việc gì, chỉ vừa chạy đi vừa nói với lại:

— Nếu có ai gọi điện đến, ghi lại cho em tên người gọi nhé!

Đấy chính là cái cần cho tôi: tôi ngồi xuống đi vắng ở phòng khách và bắt đầu đợi. Tôi đợi gì? Đợi những tiếng chuông điện thoại vợ dặn. Nhờ những lần nghe điện thoại ấy mà trong hai tiếng đồng hồ, hoàn toàn không làm gì cả, dù sao cũng có hai mươi, bốn mươi, thậm chí đến sáu mươi giây tôi sống cuộc sống thực sự, nghĩa là hoạt động, mà như thế theo tôi cũng không phải là ít. Nếu chuông điện thoại nhiều hơn nữa, sự tồn tại của tôi trở thành hoàn toàn nhịp nhàng và vững chắc. Sau khi suy nghĩ như vậy, tôi ngước mắt lên, nhìn thấy trên bàn con gân bạc cửa sổ trước mặt chiếc máy chữ tối tối về nhà vợ tôi vẫn làm thêm. Nhìn lên những phím chữ dày đặc nhưng lúc này đang im lìm, câm lặng, tôi bất giác cảm thấy có một sự hao hao giống nhau giữa tôi và cái máy, bởi vì cả tôi cũng như cái máy đều ở

trạng thái không hoạt động khi vợ tôi vắng nhà, và đều hoạt động trở lại khi cô ấy về. Tôi với cái máy chữ — tôi chợt nghĩ — như là anh em, hơn nữa có thể nói cái máy còn có nhiều cái của con người hơn tôi: chẳng hạn như nó còn có một tiếng nói, rõ rệt và sắc bén, trong khi tôi thì hầu như im lặng suốt.

Dù sao thì trong ngày hôm ấy, sự việc không chỉ hạn chế ở trong những tiếng chuông điện thoại. Tôi nhận ra rằng có thể nhận được tín hiệu chỉ huy vào bất kỳ giờ phút nào, chỉ cần để ý một chút. Một tiếng chuông reo ngoài cửa — đó là tín hiệu chỉ huy buộc anh đứng dậy, hỏi “ai đấy” và mở cửa. Ở sân dưới nhà có hai người phụ nữ cãi nhau — đó là tín hiệu buộc anh ngó đầu ra cửa sổ để xem chuyện gì. Nước ở vòi trong bếp chảy tí tách đó là tín hiệu bảo anh vào bếp vặn chặt vòi lại. Vân vân.

Không có gì hơn, tôi đành phải tự thỏa mãn với những cái đó, biến sự cần thiết thành ra niềm vui. Con người không thể tồn tại được chỉ để mà thực hiện một chức năng duy nhất, thí dụ như khóa vòi nước cho đến chặt thì thôi. Anh ta cần một cái gì quan trọng hơn, hay đúng hơn là có hệ thống hơn, chẳng hạn chí ít thì cũng là khóa một trăm cái vòi, mỗi vòi mười phút. Song, cái mà tôi làm cũng đã là một cái gì đó, dù sao như vậy cũng còn hơn là số phận của chiếc máy chữ: nó nằm yên, bất động và cứ phải nằm như thế cho đến khi nào vợ tôi về.

Còn vợ tôi thì dường như đã đoán ra rằng từ nay cô ta thế chỗ của ông chủ nhà băng trong cuộc đời tôi, và do đó những mệnh lệnh của cô bắt đầu đội xuống đầu tôi hết cái nọ đến cái kia, rõ ràng và liên tục: rửa bát, quét nhà, là quần áo, chạy ra chợ mua cái này cái nọ, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa. “Anh chẳng làm nên được trò trống gì cả, anh là anh chàng thất nghiệp thường kỳ, ăn bám và lười biếng, thật chẳng được cái tích sự gì cả...” vân vân. Cô thôi không thuê người ở nữa. Bằng cách đổ lên đầu tôi những mệnh lệnh đủ mọi loại, dường như cô muốn trả thù tôi về việc tôi không tìm được việc và không làm ra tiền mang về nhà. Cô ta không nhận thấy rằng cái đó chỉ làm cho tôi thích thú.

Tôi nói thế nào nhỉ? Vâng, thích thú. Cô tạo điều kiện cho tôi thực hiện những chức năng nhất định, có nghĩa là tồn tại. Buổi sáng, tôi kê ra những

công việc mà cô giao lại cho tôi trước khi đi làm, rồi cả ngày hoàn thành những việc đó như một cái máy, nhưng cẩn thận. Trong những phút rỗi rãi ít ỏi, tôi nghĩ rằng sự sống và hoạt động của cơ thể tôi ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào vợ: cô, và chỉ mình cô là có thể khiến tôi động chân động tay... Và nghĩ như thế, tôi cảm thấy một tình cảm mến yêu sâu sắc xen lẫn với sự biết ơn và tin cậy đối với cô dâng trào trong tôi.

Chúng tôi sống như vậy, có lẽ đến một năm. Sau đó, căn cứ vào nhiều dấu hiệu, tôi nhận thấy mối quan hệ giữa hai chúng tôi, vốn tuyệt đẹp và có ý nghĩa đến như thế, bắt đầu xấu đi. Nếu như trước đây, đó là mối quan hệ (tôi xin nhắc lại sự ví von mà tôi đã dùng) giữa chiếc máy chữ và người đánh máy, thì bây giờ mối quan hệ ấy ngày càng biến thành quan hệ giữa chiếc máy chữ đó và người đi thu nhật sắt vụn. Vợ tôi có lẽ đã hiểu rằng bằng cách đổ việc lên đầu tôi, cô ta đã không phải là trừng phạt tôi, mà trái lại, lại giúp tôi sống, mà cũng có thể đơn giản là cô đã tìm được người nào đó sắp xếp và thực hiện những mệnh lệnh của cô tốt hơn tôi. Vấn đề là sáng sáng cô bắt đầu quên lên giây cót tôi, nghĩa là giao cho tôi nhiệm vụ trong ngày. Do đó tôi ngày càng hay phải ngồi không trên đi-văng vắt chân, khoanh tay trước ngực, y như một con búp bê máy có ổ để cắm chìa khóa ở lưng và lò xo trong ngực. Cảm thấy ở vợ tôi một sự vội vã tất bật và có vẻ khinh bỉ: chẳng hề nói một lời, cô mặc vội mặc vàng quần áo, tự pha cà phê lấy rồi chạy đi, chẳng hề chào tôi một câu. Cô đi vắng hàng mấy ngày liền, có khi không ngủ ở nhà. Chuông điện thoại thôi không reo, ngoài cửa cũng không ai gọi nữa. Vì vợ tôi không bảo, nên nhà cửa tôi cũng chẳng buồn thu dọn nữa, còn ăn uống thì theo sự nhắc bảo yếu ớt và hãn hữu của dạ dày — tín hiệu chỉ huy duy nhất tôi còn đang nhận; tôi ăn đồ hộp.

Căn nhà của chúng tôi ngày càng trở nên u ám và bừa bộn: sàn nhà xỉn đi, bàn ghế cộc cạch, trong bếp đĩa cốc bẩn, xó nhà giấy vụn, trên ghế áo quần vứt ngổn ngang, trên giường nệm chăn không gập. Vợ tôi đã nhìn thấy tất cả cái cảnh đó, nhưng tôi thấy cô không hề tỏ ra bức bối. Có thể bằng sự bừa bãi ngổn ngang kinh khủng đó, cô muốn nhắc nhủ tôi một mệnh lệnh nào đó, nhưng tôi không giải đố được mệnh lệnh đó. Ngày chủ nhật, cô ở

nhà độ một hai tiếng và trong thời gian đó, dọn dẹp qua loa các thứ trong căn hộ hai phòng của chúng tôi.

Một sáng tinh dậy, tôi thấy vợ tôi đã ăn mặc chỉnh tề, đang lặng lẽ xếp đồ đạc vào một cái va ly cho đến lúc, rốt cuộc, cảm thấy rằng những sự sửa soạn ấy tác động đối với tôi như một mệnh lệnh, nhọc nhằn và tha thiết bảo tôi phải hỏi cô như thế là thế nào. Có một cái gì đó trong người tôi bỗng đứng hoạt động, lưỡi tôi rung động và môi tôi cất tiếng nói:

— Em làm gì vậy?

Cô quay lại nhìn tôi, sau đó ngồi xuống giường nói:

— Anh Tunliô ạ, đã đến lúc chúng ta phải chia tay thôi. Em đã bằng mọi cách muốn để cho anh tự hiểu điều đó, nhưng anh làm ra vẻ không nhận thấy, cho nên bây giờ em buộc phải nói điều này với anh. Cuộc sống vợ chồng của chúng mình như thế là hết rồi. Em đã gặp một người yêu em và em yêu người ta. Đã hai tháng nay em sống với người ấy, em không thể ở lại đây hơn nữa. Anh chắc cũng đã nhận thấy rằng ở nhà này hầu như không còn có cái gì là của em nữa, ngoài mấy cái thứ rẻ rách này với chiếc máy chữ. Còn bây giờ thì chúc anh ở lại mạnh khỏe và cần mẫn như bao giờ cũng vậy nhé. Người mà em sẽ cùng đi đang đợi em dưới phố. Em nhờ anh bê cái máy chữ xuống dưới nhà, bỏ nó vào ô tô cho em. Đây là tất cả những gì em cần đến ở anh.

Tôi cảm thấy đau nhói, đúng là đau, và nghĩ rằng một nỗi đau đớn mạnh như thế không thể sinh ra một động lực, một mệnh lệnh. Tôi nói:

— Nhưng anh không thể nào sống thiếu em được.

Đây là sự thật: không có những sự sai khiến của vợ, tôi không thể tồn tại. Còn cô lại hiểu câu nói của tôi theo cách của mình:

— Vậy mà em thì, thật đáng tiếc, hoàn toàn có thể sống không có anh. Đúng là anh có cố gắng để trở nên có ích đối với em. Nhưng trong cuộc sống vợ chồng với nhau cái đó ít quá, cần phải trở thành cần thiết đối với nhau. Em chẳng cần đến anh. Em có thể thay thế anh bằng máy hút bụi, máy giặt, bằng cô thư ký trực điện thoại...

Tôi vẫn tiếp tục nói, vờ chịu sự sai khiến do nỗi đau gây nên:

— Nhưng anh không cho em đi đâu cả. Cô đáp cương quyết:

— Thôi đừng giả ngây giả ngô nữa. Mặc quần áo vào, bê cái máy lên đem xuống dưới nhà rồi bỏ vào ô tô. Còn va-li tôi sẽ tự xách lấy.

Lần đầu tiên kể từ ngày chúng tôi sống với nhau, tôi lâm vào tình huống đứng trước hai mệnh lệnh có phần mâu thuẫn nhau: một mặt, nỗi bực và sự đau đớn sai khiến tôi ngăn không cho vợ bỏ đi, mặt khác vợ lại bảo mang máy chữ xuống nhà. Vừa mặc quần áo vào như vợ bảo, tôi vừa nghĩ xem mình làm gì bây giờ. Vợ tôi đi đi lại lại trong phòng một lúc, và cuối cùng đóng va li lại, đến trước gương, quay lưng lại phía tôi. Đến đây tín hiệu bật ra. Tôi lao vào cô, hét: “Cô không thể bỏ tôi mà đi đâu được đâu!” — tôi lấy tay bóp cổ cô. Tất cả diễn ra một cách rất nhẹ nhàng và giản dị, hoàn toàn tự động. Người cô mềm nhũn đi chân khuỵu xuống khiến tôi chút nữa mất thăng bằng, tôi bèn dìu cô đến bên giường và đặt cô nằm xuống.

Bây giờ cần phải thực hiện mau mệnh lệnh thứ hai. Tôi bỏ máy chữ vào bao, ra khỏi phòng, đi thang máy xuống dưới nhà. Ô tô đỗ ngay trước cửa nhà thật, nhưng cửa kính đong hơi, mờ đi nên tôi không trông rõ người ngồi sau tay lái. Tôi đi vòng ra sau xe, mở nắp hòm sau, đặt máy chữ vào đó. Sau đó tôi quay về nhà, ngồi xuống đi văng trong phòng khách, vắt chân, khoanh tay nhìn vào khoảng trống trước mặt, đợi mệnh lệnh.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

7 — Người Lái Xe Vận Tải

Người tôi gầy gò, tính tình rầu rĩ, tay khăng khiu, chân dài đuồn đuồn, còn bụng thì phẳng lì, khiến thắt lưng luôn trĩ. Tóm lại, tôi chẳng giống một người lái xe vận tải chút nào.

N

Hãy nhìn họ mà xem: toàn là những tay sức dài vai rộng, chân tay lực lưỡng như dân bốc vác, ngực và bụng đều vạm vỡ. Bởi vì đối với người lái xe tải, quan trọng nhất là cánh tay, lưng và bụng. Tay để quay vô lăng, mà vô lăng xe tải đường kính chẳng ngắn hơn chiều dài cánh tay là mấy, hơn nữa đi đường núi thì có khi phải quay hết cả một vòng. Còn lưng thì để nhiều giờ liền ngồi mãi trong một tư thế không thay đổi. Và cuối cùng, bụng là để ngồi vững trên ghế, cùng với ghế xe làm thành một thể thống nhất. Đây là nói về những phẩm chất hình dáng và sức khỏe. Còn về tính tình, thì tôi lại càng ít phù hợp hơn nữa. Người lái xe vận tải phải là con người vô tư, không được nghĩ những chuyện gì ngoài lề hoặc xúc động về điều gì đó. Còn về phụ nữ, thì người lái xe chỉ được nghĩ về họ cũng ít như là người lính thủy; nếu không, những chuyến đi về bất tận sẽ làm anh ta phát điên. Tôi thì luôn luôn bị ám ảnh bởi những suy nghĩ không bình yên. Về khí chất, tôi là một kẻ đa sầu đa cảm. Và yêu phụ nữ.

Nhưng, tuy rằng cái nghề này rõ ràng không phù hợp với tôi, tôi vẫn muốn trở thành người lái xe tải, và tôi đã tìm được việc trong một công ty vận tải. Người ta phân cho tôi một anh bạn cùng lái tên là Palômbi, một con vật thực thụ, có thể nói là như thế. Đó là một người lái xe tải lý tưởng.

Những người lái xe tải thường không lấy gì làm thông minh cho lắm, nhưng Palômbi lại còn có vinh hạnh sinh ra đã là một kẻ ngu đần. Anh ta với xe tạo thành một thực thể thống nhất. Palômbi đã ngoài ba mươi tuổi, nhưng vẫn còn giữ lại rất nhiều nét trẻ con: hai má phúng phính mắt nhỏ tí dưới cái trán thấp và miệng như cái khe ở ống đưng tiền tiết kiệm. Anh ta nói ít và ít khi nói, phần lớn chỉ lầu bầu, lầu bầu. Những tia sáng của trí tuệ chỉ xuất hiện ở anh ta khi nào nói đến chuyện ăn. Tôi nhớ có lần ở Itori, trên đường đi Napôli, cả hai cùng đói và mệt, rẽ vào một cái quán. Trong quán không còn gì cả, chỉ còn món đậu xào mỡ lợn miếng. Tôi thấy khó ngắc, nhưng cố ăn. Vậy mà Palômbi làm luôn hai tô đầy. Xong, ngồi ngả người trên ghế, anh ta nhìn tôi trang nghiêm như đang định nói với tôi một điều gì vô cùng quan trọng. Tay xoa xoa bụng, anh phán:

— Tớ có thể ăn được bốn bát như thế này nữa — đó là cái ý nghĩ vĩ đại mà anh ta muốn nói với tôi.

Với một người bạn đường như vậy, điều dễ hiểu là tôi mừng rỡ ra mặt khi lần đầu tiên chúng tôi gặp Italia. Độ ấy, tuyến đường chúng tôi đi là Rôma — Napôli, và hàng chúng tôi chở gồm đủ thứ: gạch, sắt thép, giấy in báo, gỗ, hoa quả. Thịnh thoảng chúng tôi còn chuyên chở cả hàng đàn cừ từ đồng cỏ này sang đồng cỏ khác. Italia vẫy xe ở Têrachina và xin đi nhờ đến Rôma. Chúng tôi đã có lệnh không được cho ai đi nhờ, nhưng trông thấy Italia, chúng tôi quyết định rằng lần này có thể linh động được. Chúng tôi mời cô ngồi vào ca bin, cô bèn nhanh nhẹn nhảy lên xe, ngồi vào chỗ, nói:

— Những ông tài luôn luôn nhã nhặn muôn năm!

Hình thức và bộ dạng của Italia khiêu khích một cách bất bình thường — phải nói như thế mới đúng. Người cô dài và thon, ngực thì to căng và nhọn như muốn chọc thủng cái áo mút cổ lọ rất đẹp bó sát lấy người cô xuống đến tận hông. Cổ cô cũng cao, đầu nhỏ, mái tóc đen và đôi mắt to xanh biếc. Nhưng chân thì lại cong và ngắn lùn cùn. Nói chung thì cô không phải là đẹp, nhưng còn hơn là xinh đẹp. Cô đã chứng minh điều đó với tôi ngay trong lần đi đầu tiên: khi đến dốc Sixterna, tôi đổi tay lái cho Palômbi và ngồi sang bên, cô cầm lấy tay tôi, và cứ thế nắm chặt cho đến tận Venletori,

khi tôi lái thay Palômbi cô mới bỏ ra. Bấy giờ là mùa hè, bốn giờ chiều, là lúc nóng nhất trong ngày. Hai bàn tay chúng tôi ướt đầm mồ hôi, nhưng cô vẫn lúc lúc lại ngược cặp mắt xanh Digan nhìn tôi, và bây giờ tôi hiểu ra rằng cuộc sống mà suốt một thời gian dài đối với tôi chỉ là con đường rải nhựa xa tắp, thì nay đã bắt đầu mỉm cười với tôi. Tôi đã tìm thấy cái điều mà mình vẫn tìm: một người phụ nữ để có thể nghĩ về người đó. Trên quãng đường từ Sixterna đến Venletori, Palômbi dừng xe lại xuống xem lốp xe. Tôi lợi dụng thời cơ đó để hôn Italia. Đến Venletori, tôi vui vẻ ngồi lên lái thay cho Palômbi — những cái nắm tay và một cái hôn đối với tôi như vậy là đủ cho ngày hôm nay.

Từ hôm ấy, Italia thường xuyên mỗi tuần một lần, có khi hai lần xin chúng tôi cho đi nhờ xe từ Rôma đến Têrachina và ngược lại. Buổi sáng cô đứng đợi chúng tôi, luôn luôn cùng với một cái vali hoặc một cái bọc to, ngồi lên xe, và nếu như Palômbi đang ngồi sau tay lái thì cầm lấy tay tôi cho đến tận Têrachina. Khi chúng tôi từ Napôli về, thì cô đã đứng đợi xe ở Têrachina, trèo lên cabin, và lại bắt đầu những cái cầm tay hồi lâu và thậm chí cả một vài cái hôn lén — dù cô cố quay đi — khi Palômbi không nhìn thấy chúng tôi. Nói tóm lại là tôi đã phải lòng thực sự, có thể còn là vì đã lâu tôi không yêu một người phụ nữ nào, mà như vậy đối với tôi chưa phải là đã quen. Đến mức chỉ cần một cái nhìn nào đó khác thường của cô là tôi đã đắm cảm động suýt ứa nước mắt, y như một đứa trẻ. Đó là những giọt nước mắt cảm động, nhưng tôi cứ thầm nghĩ rằng đó là biểu hiện của sự yếu đuối thật không xứng với đấng nam nhi, nên tôi cố kìm những giọt nước mắt ấy lại. Khi tôi ngồi sau tay lái, hai chúng tôi thừa lúc Palômbi ngủ, khẽ nói chuyện với nhau. Tôi hoàn toàn không nhớ mình đã nói với cô những chuyện gì, chắc là những chuyện vặt, những câu tán vui và nói đùa mà những người đang yêu thường nói với nhau. Tôi chỉ nhớ rằng thời gian đã trôi đi rất mau: cả đến con đường dài dằng dặc từ Têrachina, kỳ diệu thay, cũng đã đi qua từ lúc nào. Tôi giảm tốc độ xuống đến ba mươi, hai mươi cây số giờ, đến nỗi những chiếc xe ngựa cũng chút nữa thì vượt chúng tôi, vậy mà đường vẫn chóng hết và Italia đã phải xuống rồi. Đêm đến lại còn thích hơn: trên đường xe cộ vắng hẳn, tôi một tay cầm vô-lăng, tay kia ôm

ngang người Italia. Khi trong bóng đêm, những ngọn đèn của những chiếc xe ngược chiều mà tôi gặp sáng lên rồi tắt đi, tôi muốn ánh sáng của những chiếc đèn của xe tôi đáp lại tín hiệu của xe họ bằng những lời diễn tả tâm trạng hạnh phúc xiết bao của tôi, thí dụ như: tôi yêu Italia và Italia cũng yêu tôi.

Palômbi hoặc không để ý gì cả, hoặc giả vờ như không để ý thấy gì hết. Anh ta chưa lần nào tỏ ra phản đối việc Italia thường đi nhờ xe chúng tôi. Khi cô ta trèo vào ca bin, anh ta ầm à ầm ừ cái gì đó để chào hỏi, rồi né người nhường chỗ cho cô. Italia lần nào cũng ngồi ở giữa, vì tôi còn phải ngồi trông đường để những khi có xe khác ở phía sau vượt lên thì nói cho Palômbi biết đường đã đi được chưa. Palômbi cũng không phản ứng gì cả khi tôi — mê mẩn vì yêu — muốn viết lên mặt kính một cái gì đó luôn luôn gợi nhớ đến Italia. Suy nghĩ một chút, tôi viết lên cửa kính xe một dòng chữ to “Italia muôn năm!” Palômbi thộn đến mức không hiểu tính chất hai nghĩa của câu ấy, trong khi các ông bạn lái xe cười hỏi chúng tôi đã trở thành những nhà yêu nước từ bao giờ thế. Chỉ khi ấy anh ta mới ngạc nhiên nhìn tôi và khoái chí nói:

— Họ tưởng là Italia, là nước Ý, nhưng thực ra lại là một cô gái... Cậu thông minh đấy, cậu nghĩ ra cái ấy hay thật.

Tất cả những cái đó tiếp diễn trong vòng hai tháng. Một lần, sau khi cho Italia lên xe như thường lệ ở Têrachina, chúng tôi nhận được lệnh ở Napôli là dỡ hàng xong, không ngủ lại mà phải quay ra Rôma ngay. Tôi rất chán, vì đáng lẽ sáng hôm sau tôi được gặp Italia, nhưng mệnh lệnh là mệnh lệnh. Tôi ngồi vào sau tay lái, còn Palômbi lập tức ngáy khò khò. Đoạn đường đến Itori, xe đi tốt, vì có nhiều chỗ ngoặt, mà ban đêm, khi bạn đã bắt đầu mệt, thì chỗ ngoặt là người bạn tốt nhất của người lái xe vì nó buộc anh ta phải mở to cả hai mắt ra nhìn đường. Nhưng từ Itori trở đi, xe đi giữa những vườn cam bạt ngàn. Ở Phônđi, cơn buồn ngủ bắt đầu xâm chiếm tôi, và để xua đuổi nó tôi bắt đầu nghĩ về Italia. Những ý nghĩ ngày càng bện chặt trong tâm trí tôi tựa như những nhánh non trong vườn, lá cành ngày một xum xuê và cuối cùng biến thành một khu vườn dày đặc, tối om, không đi qua nổi. Tôi nhớ rằng mình chợt nghĩ: “May là mình nghĩ về cô ấy, nếu

không đã ngủ từ lâu”. Nhưng lúc đó tôi đã đang ngủ và nghĩ như vậy trong mơ. Chính giấc mơ đã nhắc nhủ tôi ý nghĩ ấy, để tôi ngủ càng được yên hơn, ngon lành hơn. Nhưng đúng lúc ấy, tôi cảm thấy rằng xe đã trượt ra khỏi đường và lao xuống rãnh. Tôi nghe thấy tiếng kêu rắc đặng sau xe và tiếng chiếc rơmoóc đổ ụynh xuống. Xe đi chậm nên cả tôi lẫn Palombi đều không việc gì. Nhưng khi ra khỏi cabin, chúng tôi thấy chiếc rơmoóc đã đổ kênh, còn hàng chở trên xe — những tấm da tươi, đã đổ nhào cả xuống đất. Đêm không trăng tối đen như mực, chỉ có sao lấp lánh trên trời. May thay, sự cố xảy ra ở ngay gần Têrachina: bên tay phải chúng tôi là núi, còn bên tay trái, sau những cánh đồng nhỏ, là biển đen bình lặng.

Palômbi chỉ nói:

— Xem tác phẩm của cậu này! — và nêu ý kiến là vào làng Têrachina gọi người ra giúp.

Từ đây đến Têrachina rất gần, và Palômbi lúc nào cũng chỉ nghĩ đến ăn, tuyên bố rằng anh ta thấy đói rồi. Ô tô cần trục cũng phải vài tiếng nữa mới tới được — anh ta bảo, — còn bây giờ rẽ vào một cái quán nào đấy ngồi cũng hay. Chúng tôi đi tìm một cái quán hoặc nhà nào đó. Nhưng đã hơn mười hai giờ đêm. Trên một vùng đất hồi chiến tranh bị bom cày xới nặng chỉ có mỗi một tiệm cà phê, nhưng nó cũng đã đóng cửa. Chúng tôi rẽ vào một con đường nhỏ hình như dẫn ra biển, đi được mấy bước thì thấy một tấm biển có đèn sáng. Thấp thỏm hi vọng, chúng tôi rảo bước, và thấy quả đúng là một quán ăn thật. Nhưng cửa sắt đã đóng một nửa — vậy có nghĩa là quán đã đóng cửa.

Mặt trước quán là cửa kính, do đó qua nửa cửa để ngỏ, có thể nhìn vào trong.

— Rồi cậu xem, họ không mở đâu, — Palômbi nói, và cúi xuống nhìn vào bên trong.

Tôi cũng cúi xuống xem. Chúng tôi thấy một gian phòng ăn kiểu nông thôn với mấy cái bàn và một cái bệ ngang. Những cái ghế nằm úp trên mặt bàn. Italia đứng giữa sàn cầm một cái chổi cọ đang cặm cụi quét dọn. Mé bên trong, sau cái bệ ngang là một người đàn ông gù. Tôi đã nhìn thấy nhiều thằng gù, nhưng như gã này thì chưa từng thấy bao giờ. Chống hai

tay ôm lấy má khiến cái đầu ngập hẳn trong hai vai còn cái lưng gù thì vồng lên bên trên đầu, hẳn chăm chú nhìn Italia bằng hai con mắt to tướng, đen và dữ tợn. Italia nhanh chóng quét xong sàn, thế rồi thẳng gù nói cái gì đó với cô, và cô đến gần hẳn, dựa cái chõ vào bệ ngang, ôm lấy cổ hẳn và hôn hẳn một cái hôn dài. Sau đó, cô ta lại cầm lấy chõ và chạy đi chạy lại lảng xãng trong nhà. Thằng gù rời khỏi cái bệ ngang bước ra. Hẳn ăn mặc như một dân chài: đi dép, mặc một cái quần đánh cá ống bó màu xanh, ngắn chỉ đến quá đầu gối và một cái áo cổ bẻ. Hẳn bước ra đến cửa, cả hai chúng tôi lùi phắt lại phía sau. Thằng gù mở cánh cửa kính, đóng kín cửa sắt lại. Để giấu tâm trạng bồi hồi, tôi nói:

— Ai có thể nghĩ được là như thế?

— Hừ, — Palômbi “hừ” một tiếng rõ to và dài, trong đó chứa đựng một nỗi buồn khiến tôi sửng sốt.

Chúng tôi đi lại chỗ xe đỗ và suốt thời gian còn lại của đêm hì hục dựng rơ moóc và bốc những tấm da rơi xuống đất lên xe.

Buổi sáng, khi chúng tôi đến gần Rôma, Palômbi nói chuyện, có lẽ là lần đầu tiên từ khi tôi với anh ta quen biết nhau:

— Cậu thấy, cái con phù thủy Italia ấy đối xử với tớ thế có tệ không?

— Cậu nói về cái gì vậy? — tôi ngạc nhiên hỏi.

— Sau tất cả mọi cái, — anh ta nói tiếp, chậm và rầu rĩ, — sau khi cô ta cầm tay tớ đi suốt từ đây vào trong ấy và từ trong ấy ra, và tớ nói với cô ta là sẽ lấy cô ta, sau khi tớ với cô ấy dính hôn với nhau... thì... thế đấy, cậu thấy chưa? Thằng gù!

Tôi ngây người ra. Palômbi vẫn tiếp tục:

— Tớ tặng cô ta những tặng phẩm quý giá như thế: san hô, khăn quàng lụa, dép cao gót... Tớ nói sự thực là tớ đã yêu cô ta, và tớ cảm thấy cô ta đúng là kiểu người mà tớ cần... Thế mà cô ta thì... Thật là bạc bẽo, vô tâm — cô ta là con người như vậy.

Chiếc xe tải của chúng tôi lao như bay trong buổi rạng sáng để đi vào Rôma, trong khi Palômbi vẫn cứ nói mãi về chuyện ấy, chậm rãi, giống một, như nói chuyện một mình. Còn tôi thì nghĩ rằng để tiết kiệm tiền vé đi tàu hỏa, Italia đã lừa cả hai chúng tôi. Những điều Palômbi nói khiến cho

tôi bực, vì lẽ anh ta nói đúng những gì mà đáng lẽ tôi cũng nói, và vì qua miệng anh ta, những cái đó đối với tôi nghe rất nực cười. Cuối cùng tôi cắt ngang lời anh ta:

— Thôi cậu im đi... Tớ buồn ngủ lắm rồi.

— Có những việc nó làm người ta đau lòng, — anh chàng tội nghiệp đáp và thôi không nói thêm câu nào nữa, cho mãi đến tận Rôma.

Mấy tháng liền tôi thấy trong lòng nặng chình chịch. Con đường lại trở lại đối với tôi như nó đã từng là trước kia: một sợi băng đáng ghét dài dằng dặc, bất tận mà ngày hai lần tôi phải nuốt vào rồi lại nhổ ra. Song, điều đã khiến tôi đổi nghề là ngay trên con đường đi Napôli ấy, Italia đã mở một quán hàng ăn dưới cái biển đề: “Nơi nghỉ chân của khách lái xe”. Một nơi nghỉ chân tuyệt thật: để lần được đến đấy phải vượt qua hàng trăm cây số! Lẽ dĩ nhiên không bao giờ chúng tôi dừng lại đấy cả, nhưng dù thế tôi cũng vẫn khó chịu phải nhìn thấy Italia đứng sau quây và thẳng gù chuyển cho cô những cái cốc và những chai bia. Tôi bỏ nghề lái xe. Còn chiếc xe vận tải mang dòng chữ “Italia muôn năm!” do Palômbi lái vẫn như xưa, vẫn tiếp tục các cuộc hành trình bất tận của nó.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

8 — Catêrina

Tôi lấy vợ năm mươi tám tuổi. Liệu lúc bấy giờ tôi có thể thấy trước rằng tính tình Catêrina sẽ đổi khác như thế được chăng? Không, gì thì gì chứ cái đó thì không.

T

Ngày ấy Catêrina là một cô gái không có gì nổi bật, tóc mềm, mượt, để ngôi thẳng. Khuôn mặt cô đều đặn, các nét cân đối, nhưng không gợi cảm, vô vị và nhợt nhạt. Toàn bộ vẻ đẹp của cô là ở đôi mắt: hai con mắt to, hơi ánh lên nhưng mềm dịu. Các đường nét cơ thể cô không phải đẹp lắm, nhưng tôi ưng eo người cô: bộ ngực to, mông nở, còn chân tay và vai mảnh dẻ và mềm mại như một cô bé gái. Giá trị nhất ở cô không phải là sắc đẹp, mà là tính dịu hiền, nhu mì, và tôi nghĩ là tôi yêu cô vì thế.

Ai không biết Catêrina những năm ấy sẽ không tưởng tượng được đây đã từng là một con người dễ thương đến chừng nào. Những động tác của cô nhẹ nhàng, uyển chuyển, trông cũng đã đủ thấy yêu. Không bao giờ có một câu to tiếng, một cái nhìn thiếu thiện ý. Trong mọi lúc và mọi việc cô đều chiều ý tôi, tin tưởng ở tôi, trước khi làm cái gì thường bao giờ cũng nhìn tôi như để xin phép. Thậm chí đôi lúc cái đó làm tôi bối rối. Đôi khi tôi trộm nghĩ: không, tôi không xứng đáng có người vợ như thế. Một người phụ nữ biết nhẫn nhục, chịu nhịn, chung thủy, và biết đối xử, niềm nở biết bao!

Cả khu nhà đều biết tính nết dịu hiền, đoan trang của cô. Ở chợ, các bà nói chuyện với mẹ tôi:

— Con trai bà thật có phúc... lấy vợ tiên.

Đến nỗi đôi lúc tôi muốn cô đừng hiền quá như thế. Tôi hỏi đùa cô:

— Catêrina, lẽ nào trong đời em chưa hề nói một câu thô tục hoặc làm một việc gay gắt bao giờ sao? — Có những khi tôi muốn cô cứ nói một cái gì hay làm một cái gì khác thường xem sao.

Sau khi cưới, hai chúng tôi ở ngay tại ngôi nhà mẹ tôi ở trong ngõ Chinquê. Ở đó có mấy cái gác xép bỏ không. Mẹ tôi ở phòng dưới. Còn ở tầng một là hiệu bán bánh mì và mì sợi của chúng tôi. Như vậy là tất cả nhà cùng sống và làm việc trong một ngôi nhà. Hai năm đầu Catêrina hiền lành và ít nói như những ngày chúng tôi quen nhau, có khi còn hiền hơn nữa kia, bởi vì cô yêu tôi, và biết ơn tôi đã lấy cô, đã cho cô nhà ở và lo tạo cho cô những điều kiện tốt nhất để sống.

Cô hiền lành với tôi và cả với mẹ chồng, kể cả khi cô chỉ có một mình, không ai trông thấy cô cả, cô cũng không hề đổi khác. Những buổi trưa, tôi từ cửa hàng về, đi rón rén thẳng vào trong bếp xem cô dọn dẹp, sắp xếp các việc trong bếp, trên nhà ra sao. Tôi thích đứng ngắm cô thông thả, khoan thai đi những bước nhỏ nhỏ, nhẹ nhàng trong bếp, nấu nướng mọi thứ không hề hấp tấp, không hề nhăn nhó, tức bực, luôn luôn cẩn thận, tỉ mỉ và lặng lẽ. Như không phải cô đang đứng trước bếp ga trong bếp, mà đang đứng trước bàn thờ thánh trong nhà thờ. Tôi bèn bất ngờ chạy vào ôm chầm lấy cô. Cô hôn tôi, mỉm cười và nói bằng một giọng thanh thanh dịu dàng pha chút trách móc: — Anh làm em sợ quá!

Hai năm sau khi chúng tôi cưới nhau, thấy rõ là Catêrina không có con. Bây giờ tôi khẳng định như vậy, còn khi đó thì chưa kết luận ngay được như vậy. Hai chúng tôi mong có một đứa con, mà mãi chẳng có. Lúc đầu chúng tôi bàn cãi mãi về vấn đề này trong gia đình với nhau, sau đó bảo nhau đi khám bác sĩ, hết bác sĩ này đến bác sĩ khác.

Catêrina chữa chạy ít lâu, tốn kém khá nhiều tiền, nhưng rốt cuộc chúng tôi thấy rằng tất cả những cái đó đều vô hiệu. “Thôi đành vậy, tôi bảo, làm thế nào cho được... Chẳng ai có lỗi cả... Có lẽ số phận nó như vậy”. Một thời gian có cảm tưởng là Catêrina cũng đành lòng với việc đó. Nhưng mà ở đời không phải bao giờ cũng làm được như mình muốn — có thể cô cũng

muốn “đành vậ” nhưng không được. Chính do đó mà tính tình cô bắt đầu thay đổi.

Có lẽ, trước hết là sự thay đổi bề ngoài. Cái nhìn của cô, trước đây âu yếm là thế, nay trở nên cau có, môi hơi trề ra, và bên cạnh miệng xuất hiện hai nếp nhăn nhỏ trông ang ác. Giọng nói trước đây vang như tiếng nhạc, nay thành gay gắt. Có thể cô cũng có cố tự kiềm chế, nhưng thường thế, những thay đổi bên ngoài thể hiện lại cả ở trong tính cách. Không còn dấu vết gì còn lại của cái tính dịu dàng, nhu mì ngày trước, rồi thì ở cô sinh ra tính thù hằn, độc địa, hung hăng. Có những lúc đột nhiên câu trả lời của cô khiến tôi giật thót mình: “Anh thích hay không thích đối với em cũng thế thôi”. “Quý tha ma bắt...”. “Thôi, em chán lắm rồi”. “Hãy để cho em yên”. Thời gian đầu, dường như chính bản thân cô cũng ngạc nhiên về sự thô bạo của mình, nhưng rồi sau đó tự thả mình đến mức hầu như chỉ toàn nói năng kiểu như thế. Cô bắt đầu có thói quen hể động có chuyện bực mình gì dù nhỏ nhặt, là đóng cửa đánh sầm. Trong nhà chúng tôi chốc chốc lại nghe tiếng đóng sầm cửa. Và mỗi lần như vậy tôi có cảm giác như bị một cái tát. Trước kia cô gọi tôi bằng đủ thứ từ ngữ âu yếm mà những người phụ nữ thường dùng khi họ yêu: nào “anh thân yêu”, “anh yêu quý của em”, “cục vàng của em”. Còn bây giờ thì còn thấy “vàng” với “bạc” gì đâu nữa! Chỉ thấy: ngốc, khờ thật, đồ đểu, đồ ngu, có khi còn tệ hơn thế. Cô không chịu nổi bất cứ sự phản đối nào, có khi tôi chưa kịp mở miệng, cô đã bồi luôn.

— Thôi im đi, đồ ăn hại, chẳng hiểu cái gì cả.

Khi đang yên lành, chẳng có cái gì để mà cãi cọ nhau, cô cũng lại kéo tôi vào chuyện cãi cọ. Thật uyển chuyển và phong phú biết bao những lời lẽ xóc móc ác độc của cô! Nếu những lời lẽ ấy của cô không có tính chất xúc phạm đến như thế, có lẽ tôi đã chỉ ngạc nhiên mà nghĩ: ở đâu ra cái tinh xảo, cái sắc bén như thế trong ngôn ngữ của cô. Cô biết — như người ta thường nói — bắt đúng mạch: đã bao nhiêu lần tôi tự nhủ: “Cẩn rằng lại, đừng đối đáp gì cả, vờ như cái đó đối với mình không có nghĩa lý gì cả”, nhưng cô đều tìm được một câu nào đó đánh đúng chỗ đau của tôi, khiến tôi giận tím mặt, buộc phải nói lại.

Khi thì cô nói chuyện về gia đình nhà tôi: cứ theo lời cô nói thì gia đình tôi chỉ là loại “cuối hạng”, còn cô là con nhà công chức (thực ra mà nói, bố cô chỉ là một người cạo giấy ở hội đồng thị chính, cả đời chỉ kiếm đủ ngày ba bữa ăn). Khi thì cô quay sang bình phẩm hình thức bên ngoài của tôi. Một mắt tôi không nhìn rõ, có vết gì ở trong con mắt, như máu tụ — vậy mà cô dấu môi lên bảo tôi:

— Đừng có lại gần tôi... Trông cái mắt đến phát ghét, y như quả trứng ung vậy.

Mà không có gì khó chịu hơn khi người ta bị soi mói chuyện gia đình hoặc bị đả động đến chứng tật nào đó của cơ thể. Thật vậy, tôi đã mất hết bình tĩnh, quát tướng lên. Cô đáp với nụ cười cay độc trên đôi môi nhợt nhạt:

— Đây, thấy chưa, chưa chi đã quát tháo rồi... Không thể nào nói chuyện được với anh. Anh chỉ biết quát tháo thôi. Một khi không biết cư xử cho đúng mực, thì đó không phải lỗi của tôi.

Tôi không còn cách nào khác là đi khỏi nhà. Tôi đi lang thang một mình trên bờ sông Têverơ, uất ức và lủi thủi.

Nhưng tôi không thể căm ghét cô. Tôi còn thương hại cô, vì tôi hiểu rằng điều đó mạnh hơn cô, ngoài ý muốn của cô, và chính cô là người khổ vì nó trước tiên. Cô đau khổ vì bệnh tình của mình, và do đó mà hay cáu bẳn. Điều đó đặc biệt thể hiện rõ ở dáng đi và ánh mắt của cô: cái nhìn của cô trở nên nặng trĩu lo âu, tham lam, hung dữ như cái nhìn của một con thú đang tìm kiếm một cái gì đấy mà không thấy. Khi cô đáp lại tôi bằng sự thô bạo, trong giọng nói của cô không phải chỉ có sự giận dữ và oán ghét; không, giọng nói ấy giống với tiếng gầm gừ của con thú bị đau mà không biết vì sao đau, đem trút tất cả sự hung dữ vào những người không có tội tình gì với nó.

Sự phỏng đoán của tôi về việc tính tình Catêrina thay đổi do không có con đã được bà mẹ cô xác nhận. Một lần nọ, sau khi nghe tôi phàn nàn, bà kể với tôi rằng hồi nhỏ trò chơi yêu thích của Catêrina là ru búp bê ngủ, và cô cứ khăng khăng đòi để cho cô trông mấy đứa em nhỏ. Khi Catêrina lớn lên, cơ thể cô phát triển đúng với tính chất một người phụ nữ phải có nhiều

con, Catêrina cũng biết điều đó và chờ đợi. Nhưng mãi chẳng có con, và thế là cô không tự chủ được nữa.

Chúng tôi sống với nhau như vậy được năm năm nữa. Công việc buôn bán của chúng tôi phát đạt, mọi việc đều trôi chảy, nhưng tôi thì bất hạnh: tôi đâu có phải là sống. Catêrina ngày một tệ, nói năng với tôi bây giờ chỉ là nhiếc móc, xúc phạm. Hàng xóm láng giềng không còn bảo tôi lấy được vợ tiên nữa, mà bây giờ ai cũng thấy không phải là người ngợm, tiên phật gì mà là tôi rước quỷ về nhà. Bà mẹ tội nghiệp của tôi cố tìm cách an ủi tôi: có thể rồi đây — bà bảo — đứa con sẽ ra đời, và Catêrina sẽ trở lại hiền dịu như xưa. Nhưng tôi không hy vọng điều đó. Nhìn cô đi lại trong nhà, mặt nghênh nghênh, ủ dột và dữ tợn, tôi sờ sợ và nghĩ bụng một lúc nào đó cô ta có thể giết tôi, như giết một con chó dữ hóa điên xông vào cắn chủ.

Tất cả cái cảnh đó như một con đường dài mà cuối đường còn chưa thấy. Tôi thường đi vợ vẫn một mình dọc theo bờ sông, nhìn xuống dòng sông và nghĩ: tôi, hai mươi năm tuổi, có thể nói là còn trẻ, hoàn toàn trẻ, mà cuộc đời tôi hầu như đã hết, không còn một niềm hy vọng nào đối với tôi cả... Có lẽ số tôi là phải sống những ngày còn lại của đời mình với quỷ. Tôi biết rằng tôi sẽ không thể nào lìa bỏ cô ấy được, vì tôi yêu cô, và cô, ngoài tôi ra cũng không có ai khác cả; đồng thời tôi lại cũng cảm thấy rằng nếu tôi cứ ở lại với cô thì sống cũng sẽ không ra sống.

Từ những suy nghĩ ấy, lòng tôi trĩu nặng đến mức muốn nhảy xuống sông tự tử...

Một đêm, tôi trở về nhà cũng không nhớ là như thế nào nữa. Tôi đi theo những bậc thang dẫn xuống bờ sông Têverơ, chọn một chỗ khuất dưới chân cầu, cởi áo vét, cuộn lại bỏ xuống đất, rồi hí húi trong tối viết mấy chữ vào một mảnh giấy nhét vào bên trong áo vét. Tôi viết: “Tôi tự tử vì vợ” và ký tên.

Bấy giờ là vào đầu mùa đông. Nước sông Têverơ đênh lên, trông phát sợ: dòng nước đen ngầu, lẫn rác và tạp chất các loại, gió lạnh thổi lại như từ trong hang. Tôi đã định nhắm mắt nhảy ùm xuống sông, nhưng bỗng thấy sợ. Tôi bật lên khóc. Và vừa khóc vừa quay lại, lên cầu thang chạy một

mạch về nhà. Tôi vào thẳng buồng ngủ, nắm lấy tay Catêrina. Cô đang ngủ. Tôi lay cô dậy và nói:

— Đi với tôi.

Lần này cô hoảng, đi theo tôi không có một tiếng. Có thể cô nghĩ rằng tôi định giết cô, vì đến cầu thang cô cố gỡ ra khỏi tay tôi. Nhưng trời tối đen, xung quanh không một bóng người, tôi dùng sức ép cô xuống. Chúng tôi đi trên bờ sông — cô đi trước, tôi chỉ mặc áo sơ mi và gilê, đi sau. Đến chân cầu, tôi cho cô xem cái áo vét, lấy mảnh giấy ra, đưa cô đọc và nói:

— Xem đây này, cô đã đưa tôi đến nông nổi này đây... Catêrina, tại sao em thay đổi quá làm vậy? Trước kia em hiền, tốt như thế mà bây giờ thật chẳng khác gì quỷ dữ... Tại sao vậy?

Nghe tôi nói, cô cũng thốt nhiên khóc òa lên, ôm lấy tôi và nhắc đi nhắc lại mấy lần rằng sẽ cố tự kiềm chế. Sau đó, cô giúp tôi mặc áo vét vào, rồi hai chúng tôi đi về nhà.

Tôi kể điều đó để nói rằng tôi đã tuyệt vọng đến mức nào. Nhưng Catêrina vẫn không sửa đổi tí nào. Trái lại, từ ngày ấy cô ấy còn cười giễu tôi là đã không đủ can đảm tự kết liễu đời mình.

Năm 1943. Sau những trận ném bom đầu tiên bà cụ tôi quyết định phải đóng cửa cửa hàng, đi về quê ở Vanlêcôrxơ, vùng Chôcharia. Catêrina, vẫn như mọi bận, khi thì đồng ý đi, khi thì lại bỗng dưng không đồng ý. Những ngày ấy, cô thật làm tôi phát điên. Tuy vậy, cuối cùng cả gia đình tôi cũng đã lên đường; chúng tôi đi nhờ một chiếc xe tải chở bột mì và thực phẩm khác đem bán ở chợ đen.

Chúng tôi ngồi trong khoang sau xe, vali xếp ngay dưới chân. Năng gay gắt. Qua Phrôzinônê, xe đến vùng đồng bằng, núi đồi đã ở lại tí phía sau, bốn bề là cánh đồng trải rộng. Nóng bức làm tôi mệt lử, và cứ thế thiu thiu ngủ. Bỗng xe dừng phắt ngay lại, tiếng người lái xe kêu to:

— Máy bay... Xuống bờ ruộng tất cả đi.

Còn chưa trông thấy máy bay, nhưng tiếng rít đầy sắt thép, khốc liệt, xé tai nghe đã rất gần đâu đây rồi. Ven đường có trồng một hàng bạch dương và những cây gò to cao, tiếng máy bay từ phía ấy dội lại — có nghĩa là máy bay đang ở phía sau rặng cây.

Tôi bảo Catêrina:

— Xuống mau lên.

Nhưng cô nhún vai trả lời:

— Tôi cứ ở lại đây.

— Ở kia, xuống đi, — tôi quát lên, — cô muốn chết hả?

— Tôi thế nào cũng được.

Tôi nghe câu trả lời của cô, khi tôi đã đang đứng ở dưới đường. Tôi nhảy ào xuống bờ ruộng... Và tự nhiên bầu trời như bị một đám mây đen che khuất: chiếc máy bay hiện ra. Tiếng rú của động cơ chói tai như tiếng sấm. Trong tiếng rú rít, tôi phân biệt ra được tiếng một tràng liên thanh. Chiếc xe vận tải đỗ giữa đường, và trên đó là Catêrina. Tràng súng liên thanh làm bốc lên một đám bụi trên đường rồi mau chóng tản đi. Chiếc máy bay bay đi, khuất sau lùm cây. Bây giờ nó lấy độ cao và, như một con chuồn chuồn trắng, bay tít về xa giữa vòm trời nóng bỏng.

Còn chiếc ô tô vẫn đỗ trên mặt đường. Catêrina ở trong khoang xe đơn độc một mình. Tôi chạy lại, gọi cô, cô không trả lời. Tôi trèo lên xe... Cô đã chết.

Thế là hai mươi năm tuổi đầu, tôi là người góa vợ. Cuộc đời tự do, rộng mở mà tôi hằng mơ ước những lần đi lại trên bờ sông đang trải rộng trước tôi. Nhưng tôi yêu Catêrina và rất lâu không nguôi nhớ thương. Tôi thường nghĩ: cô đã đau khổ như thế nào, đã từng khắc khoải vươn tới một cái gì, tìm đến một cái gì mà tự mình cũng không biết và vì không tìm thấy nên trở thành ác nghiệt, dù không muốn thế. Nhưng cô nào có tội lỗi gì. Cuối cùng, thay cho cái mà cô đi tìm, cô đã tìm thấy cái chết. Và chúng ta đã không thể làm gì được. Catêrina đã thay đổi và đã chết vì những nguyên nhân không phụ thuộc vào cô, và vì chính những nguyên nhân mà lúc đầu tôi đã đau khổ rồi sau đó được giải thoát khỏi nó. Sự hiền dịu mà tôi đã từng yêu say đắm ở cô, cô đã nhận được như một món quà, cũng giống như tính ác nghiệt, và như cái chết.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

9 — Hai Nửa Đầu Nhau

Tôi lập tức quen với không khí ở căn nhà mới. Hộ ba phòng, trên tầng ba của một ngôi nhà xây theo kiểu hiện đại khang trang ở vùng ngoại ô yên tĩnh. Và điều chủ yếu nhất, tôi tin rằng đây không phải là một căn hộ như trăm nghìn căn hộ khác, mà là căn hộ của tôi, dành cho tôi và chỉ cho tôi mà thôi, hơn nữa tôi vẫn cho rằng trên đời này không bao giờ có hai người giống nhau, mỗi con người là một thế giới độc nhất vô nhị.

T

Gần hai tháng trời tôi dành cho việc kê dọn, trang trí, chọn lựa một cách tỉ mỉ nhất từng vật dụng. Hai tháng tiếp sau, tôi ngắm nghía cách bố trí trong nhà đó với cảm giác khoái trá vô hạn như khi tôi vẫn thường đứng trước gương soi ngắm diện mạo của chính mình và do đó là cái diện mạo độc nhất.

Chẳng những tôi thích căn phòng, mà thích cả ngôi nhà — không cũ lắm cũng không mới lắm, một ngôi nhà điển hình của những nhà tư sản bậc trung, được xây dựng không theo một phong cách nhất quán nào. Tôi thích dãy phố với những hàng trúc đào đang lên, những tủ kính bày hàng ở tầng một và những tấm biển sặc sỡ của các quầy bán thuốc lá, hiệu cắt tóc, hàng tạp phẩm, cửa hàng thực phẩm, cửa hàng bánh mì. Ngay bên dưới cửa sổ nhà tôi nhìn thẳng sang bên kia đường là một cửa hàng hoa. Bên trong tủ kính cửa hàng là những bó hoa tươi, những lọ hoa, bồn hoa, chậu cảnh. Người bán hàng hoa là một cô gái trẻ, đẹp, tóc đen, người to cao với những đường nét đậm, động tác bình tĩnh chậm rãi, tuổi khoảng chừng hai lăm,

không hơn. Cô bán hàng một mình, sáng đến, cất rèm, đi đi lại lại một lúc sau quỳ, sắp đặt, sửa sang những bông hoa, rồi ngồi chờ khách. Phần lớn thời gian trong ngày, cô ngồi sau quầy đọc truyện. Cô cũng hay ra đứng ở bậc cửa nhìn ra phố hồi lâu, mặc dù ngoài phố chẳng có cái gì đáng xem và chẳng bao giờ xảy ra chuyện gì hấp dẫn.

Tháng chín vừa mới bắt đầu. Bạn bè tôi đều đi nghỉ chưa về, nên tôi hầu như chỉ quanh quẩn ở nhà, chẳng đi đâu cả. Do vậy mà chẳng những tôi để ý ngay đến cô hàng hoa xinh xắn mà sau đó còn bắt đầu dành cho cô khá nhiều thời gian...

Tôi bận viết báo cáo công tác, nhưng ngồi trước bàn cứ mười phút tôi lại đứng dậy để nhìn xuống cửa hàng hoa. Cô gái vẫn ở nguyên chỗ cũ. Cô ngồi sâu trong quầy, say sưa đọc truyện, hoặc đứng tựa vào khung cửa. Tôi nhìn cô một lúc, rồi lại ngồi viết tiếp.

Một ngày kia tôi chợt nảy ra ý nghĩ: để thu hút sự chú ý của cô gái, thử lấy gương soi ánh mặt trời vào cô xem sao. Tôi thấy ý nghĩ ấy thật là mới mẻ, độc đáo. Và thế là tôi cầm chiếc gương con trong tay, bắt ánh mặt trời rọi xuống cửa hàng hoa. Đầu tiên tia sáng lay động trên tủ kính, rồi trên tấm biển và cuối cùng — như đầu sợi chỉ sau hồi lâu xâu đã vào đúng lỗ kim, — nó lọt vào khe cửa và dừng lại trên mái đầu đang cúi của cô gái. Tôi giữ tia sáng lại trên mái tóc, rồi đưa xuống phía dưới dọc theo cánh tay trần của cô, lên trang sách, rồi lay lay gương. Cô vẫn tiếp tục đọc nhưng rồi bỗng ngừng đầu nhìn ra phía cửa. Như sợ hãi sự táo bạo của chính mình, tôi lùi vào trong phòng.

Vài giây sau, tôi lại trở lại cửa sổ. Cô gái bán hoa đang đứng ở cửa nhìn ra đường. Tôi bắt ánh nắng dọi về phía cô, tia sáng từ từ bò theo chân cô lên trên và ngưng lại ở ngực. Từ đấy, bất ngờ đối với chính mình, tôi đưa ánh nắng lên mặt cô. Lần này cô nhìn lên, trông thấy tôi và mỉm cười. Tôi cũng mỉm cười, và kèm theo nụ cười là một động tác ra hiệu: “Xin mời cô lên nhà chơi”. Do dự một lát, cô gái cũng ra hiệu đáp lại: “Vâng, được, nhưng mà sau đã”. Tôi không ngờ thu được một thắng lợi nhanh chóng đến thế, người lằng lằng sung sướng, chỉ tay lên mặt đồng hồ, hỏi: “Bao giờ?”. Cô gái lấy tay viết lên không khí: “Mười hai rưỡi”. Lúc bấy giờ là mười một

giờ. Tôi vẩy vẩy cô, trở vào phòng, đi một vòng, vừa đi vừa xoay tay, soi gương ngắm nghía hình bóng mình.

Tôi làm việc mà không có hiệu quả, cứ năm phút lại đứng dậy, đến bên cửa sổ: cô gái vẫn đấy, đang ngồi đọc truyện. Một trong những lần bước lên đài quan sát như vậy, tôi thấy cô lấy hoa cho khách, thân hình đẹp đẽ của cô vươn về trước, cánh tay trần khỏe mạnh chìm vào giữa những bông hoa. Cô ngắt một bông hồng, rồi lại vươn về phía những bông hoa khác. Tôi thầm nghĩ cô gái thật là duyên dáng, và trong việc cô nhận lời mời của tôi một cách dễ dãi có cái gì thần bí khiến tôi rung động.

Mười hai giờ hai mươi năm, tôi lại bên cửa sổ lần cuối cùng, thấy cô gái chậm rãi và cung kính đi đi lại lại trong cửa hàng, sửa lại những bông hoa trong các bình. Sau đó cô bước ra, thong thả hạ rèm. Tôi nhìn theo cô đi qua đường và biến mất vào cửa lớn của ngôi nhà tôi ở.

Hồi hộp, tôi ra đứng ở trước cửa phòng mình. Tôi khoái trá nhìn chậu cây cảnh tôi mới mua hôm trước bày rất đẹp giữa hai bên cánh cửa. Tôi đưa mắt nhìn phòng khách trang trí hoàn toàn hiện đại, theo phong cách Thụy Điển. Tất cả đều rất sang trọng và lịch sự, chắc chắn sẽ gây ấn tượng mạnh mẽ đối với cô gái.

Cuối cùng tôi nghe thấy tiếng thang máy đỗ lại ở tầng một, tiếng cánh cửa mở ra và đóng vào, rồi tiếng dép cao gót đi đến gần chỗ tôi. Ắng đi một phút, tiếng chuông vang lên. Để cô không biết là tôi đứng sẵn ở sau cửa, tôi rón rén đi vào phòng khách để rồi lập tức quay lại, đi lệt bệt gây tiếng động thật to, và mở cửa.

Cô gái tóc đen làm tôi hơi thất vọng. Từ xa, tôi tưởng cô là người đẹp. Nhìn gần, hóa ra cô chỉ được cái trẻ và dáng người hấp dẫn. Mặt cô hơi thô, miệng rộng, mũi hơi khoằm, mắt to. Vừa bước vào, cô vừa nói, giọng hồ hởi, pha tiếng địa phương:

— Nhẽ ra em chưa đến nhà anh ngay hôm nay đâu. Nhưng mà em ghé qua một chút để chào anh thôi. Chúng mình là hàng xóm láng giềng với nhau mà, cho nên em nghĩ là lúc nào cũng phải làm quen với anh mới được.

Tôi trả lời:

— Xin lỗi, nhưng mà anh không hình dung được làm thế nào chúng mình quen nhau nếu như anh không nghĩ ra cái trò chiếu gương ấy.

Cô khẽ nhún vai:

— Lúc đầu em cứ tưởng là ông kỹ sư. Nhưng sau nhìn ra, thì hóa là anh.

— Kỹ sư nào kia?

— À, cái anh kỹ sư ở phòng này trước anh. Anh ấy cũng bắt đầu như thế, chiếu gương vào em. Nhưng, hay là chính anh ấy mách anh cách đùa như vậy để gọi em?

— Không, anh không hề biết anh ta.

— Em xin lỗi, nhưng mà anh cũng biết đấy, một sự trùng hợp tình cờ.

Cô gái đi xem qua chỗ ở của tôi. Vừa đi cô vừa nói chuyện một cách tự nhiên, nhưng đến cửa phòng thì dừng lại:

— Em thấy mọi thứ ở đây vẫn nguyên như xưa. Hình như giữa tôi và cô gái vừa xen vào một cái gì xa lạ, một vật cản nào đó mà tôi không biết gọi là gì. Cuối cùng tôi nói:

— Không, căn hộ này lúc đầu để không. Anh đã tự tay bày biện tất cả.

— Ồ, lạ nhỉ, một sự trùng hợp đến là khéo: ở đây, gần cửa ra vào, trước cũng có một chậu cây cảnh y như thế này. Đây là cây si phải không anh, nếu em không nhầm?

— Phải, cây si.

— Anh kỹ sư chăm chút nó ghê lắm, anh ấy nói với em là mỗi tuần anh ấy tưới nước cho nó hai lần.

Cô ta lại tiếp tục:

— Chao ôi, hay thật! Cái tranh hệt như thế này trước cũng treo ở đây.

— Các tác phẩm nghệ thuật trừu tượng tưởng như cái nào cũng giống cái nào, cùng một khuôn mặt, nhưng thực ra không phải thế — tôi đáp, giọng bực tức.

Bước vào phòng khách, cô vỗ hai bàn tay vào nhau reo lên:

— A, lại cả phòng khách cũng chả khác gì của ông kỹ sư cả. Cũng bộ bàn ghế như thế, chỉ cách sắp xếp có thể hơi khác.

Lần này thì tôi im lặng, không nói gì cả. Cô gái ngồi xuống đi văng, chân nọ vấp lên chân kia, mở khuy áo khoác trên bộ ngực nở nang. Rõ ràng

là cô bằng lòng với mọi thứ và khao khát chờ đợi ở tôi những dấu hiệu mới thể hiện sự quan tâm đối với cô. Tôi đi về phía máy quay đĩa định mở một bài nhạc gì đó để nghe, nhưng nghĩ thế nào lại thôi. Tôi quay sang tủ đồ ăn lấy ra một chai rượu nhẹ khai vị với hai cái chén. Nhưng nghĩ thế nào, tôi cũng lại thôi, và ngồi xuống trước mặt cô gái, hỏi:

— Em cho phép anh hỏi vài câu được không?

— Bao nhiêu câu tùy thích?

— Lần đầu tiên em đến đây ông kỹ sư có mở máy quay đĩa cho em nghe không?

— Vâng, hình như có.

— Sau đó mời em uống một chén rượu nhẹ?

— Phải rồi, anh ấy rót cho em một chén véc-mút.

— Thế rồi ngồi xuống đi-văng cạnh em, phải không?

— Vâng, có ngồi. Thế sao cơ?...

— Gượng đã. Và bắt đầu âu yếm em? Câu hỏi này làm cô bối rối. Cô hỏi:

— Xin lỗi, anh hỏi những cái đó làm gì?

— Yên trí, — tôi vẫn tiếp — anh sẽ không hỏi những câu bất nhã đâu. Anh chỉ quan tâm đến, như người ta nói, những tình tiết phụ. Như vậy là anh ta bắt đầu âu yếm em. Hãy công nhận đi, — đến đây, tôi nghĩ ngợi giây lát — Và để tiến gần đến mục đích mà không làm em lúng túng, anh ta đã bảo để anh ta xem bói tay cho em?

Cô cười to:

— Chính thế. Làm sao mà anh đoán ra được? Anh là thầy tướng à?

Tôi suýt trả lời: “Là vì đấy chính là những điều mà anh cũng đang định làm” nhưng tôi không đủ can đảm để thú nhận điều đó. Tôi nhìn cô, và giờ đây tôi cảm thấy có một đường ranh giới vô hình đang bao quanh cô, vượt qua đó là nguy hiểm, cũng như khi người ta đến gần cột dây điện cao thế. Thật thế, tôi không thể nói gì hoặc làm điều gì mà trong hoàn cảnh tương tự anh kỹ sư đã nói và làm. Và anh chàng kỹ sư ấy, về phần mình, đã không phải là cái gì khác ngoài chiếc gương đầu tiên trong cả cái vòng vô tận những chiếc gương, trong đó, dù có nhìn đi nhìn lại chán chê tôi cũng vẫn chỉ thấy độc bản thân mình.

— Này, thế anh kỹ sư trông có giống anh không?

— Về phương diện gì?

— Về bề ngoài ấy.

Trước khi trả lời, cô nhìn tôi một lúc lâu.

— Anh cũng có nét gì đó hao hao giống anh ấy. Cả hai đều bình thường như hai nửa đều nhau.

— Hai nửa đều nhau?

— Vâng. Tức là không xấu trai, nhưng cũng không đẹp, không cao không thấp, không trẻ không già, thường thường vậy.

Tôi không nói gì cả, chỉ nhìn cô, và nghĩ với một sự giận dữ bất lực, rằng vở kịch có thể coi như kết thúc: cô gái bán hoa đối với tôi đã biến thành một điều cấm kỵ, và việc duy nhất còn lại mà tôi phải làm là một cái cố nhả nhận nào đó để mời cô về.

Cô gái đã nhận thấy sự chuyển biến đột ngột diễn ra trong tôi, bèn hỏi với vẻ lo ngại:

— Anh làm sao thế? Có cái gì không ổn chẳng? Tôi cố tự kiềm chế:

— Vậy theo ý kiến em, có nhiều người đàn ông giống như anh và anh kỹ sư không?

— Các anh... nói thế nào đây nhỉ... có thể gọi là một điển hình khá phổ biến, như người ta thường nói.

Tôi khẽ thật mình, và cô gái liền hiểu ra:

— À, em hiểu rồi, — cô reo lên — Anh tự ái vì em cho rằng anh bình thường, rằng những người như anh vô khối, đúng vậy không nào?

— Không phải là tự ái, — tôi đáp — mà anh cảm thấy bất lực.

— Tại sao vậy?

— Thế đấy. Anh thấy rằng mình làm đúng những điều mà người khác cũng đều làm, và do đó anh muốn thà không làm gì cả còn hơn.

— Với em thì anh không nên tự cảm thấy bất lực. Và lại, thề với anh rằng em thích những người đàn ông như anh hơn, rất bình thường, không có gì đặc biệt so với những người khác. Bởi vì với những người như thế, ngay từ đầu đã có thể biết họ sẽ nói gì và sẽ làm gì.

— Đấy, thế là chúng ta đã làm quen với nhau, — tôi đứng dậy, tuyên bố
— Còn bây giờ thì, xin lỗi, tôi bận việc gấp.

Hai chúng tôi đi ra phòng ngoài. Tôi không thể nói về mặt của cô gái là về mặt chứng hững. Cô ta mỉm cười.

— Đừng nên giận như thế. Chẳng có anh lại hoàn toàn giống anh kỹ sư.

— Anh kỹ sư của cô còn làm gì nữa?

— Chả là có một lần em nói với anh ấy rằng anh ấy là một người đàn ông như trăm nghìn người đàn ông khác, một điển hình phổ biến, có thể gọi là như thế đấy, thế là anh ấy liền nổi cáu, đúng như anh thế này này, và đuổi em về.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

10 — Những Ý Nghĩ Nói Thành Tiếng

Ở cái khách sạn “Rôma” điển hình ở hữu ngạn sông Têvơ mang tên “Marfôriô” này, ban đầu mọi việc đối với tôi đều tốt đẹp cả. Đầu tôi rỗng và âm vang giống như cái vỏ sò thường gặp trên bờ biển. Khi khách đặt món “mì ống xào mềm”, trong đầu tôi vang lên một tiếng vọng hiền hòa: “mì ống xào mềm”, khi họ đặt “bích qui Anh” trong đầu tôi cũng rung lên: “bích qui Anh”, ngoài ra không có gì nữa cả. Nói tóm lại, tôi không nghĩ gì ráo, cả bên ngoài lẫn bên trong tôi là một anh bồi bàn trăm phần trăm, chính cống và thực thụ đến mức tối tối trước khi ngủ, trong đầu tôi vẫn còn tiếp tục vang vọng những “mì ống xào mềm” và “bích qui Anh” mà cả ngày tôi đã bưng ra bàn cho khách.

Tôi bảo rằng đầu tôi trống rỗng, nhưng đúng hơn thì phải nói là đông cứng, như những vũng nước ở trên núi, đến mùa xuân băng tan lại biến thành nước, và một buổi sáng kia bỗng nhiên xao động, gợn sóng lăn tăn trước gió.

Nói chung lại, dù là đầu óc trống rỗng hay đầu óc đông cứng, thực sự tôi là một người bồi bàn kiểu mẫu. Có một lần, buổi tối trong khách sạn, một cô gái thậm chí đã phải nói với anh bạn ngồi cùng về tôi:

— Anh nhìn mà xem kìa... Cái anh chàng này có bộ mặt bồi bàn biết chừng nào! Ngoài bồi bàn ra, anh ta không thể là ai khác được... Sinh ra làm bồi bàn, chết cũng làm bồi bàn.

Ai biết được bộ mặt bồi bàn là thế nào? Có thể là một khuôn mặt mà khách đến ăn ưa thích chẳng? Bản thân họ thì chẳng cần phải có “bộ mặt

khách” làm gì, vì họ không cần phải lựa ý hay lấy lòng ai. Thế nhưng nếu anh bồi bàn muốn là bồi bàn, thì anh ta phải có một bộ mặt riêng, bộ mặt bồi bàn...

Thôi được, cứ tạm cho là như vậy. Cả năm, tôi không nghĩ một điều gì cả, chỉ biết thực hiện những món đặt của khách. Thậm chí nếu có thằng cha thô lỗ nào đó quát tôi:

— Ở hay, ngộ thật hay là giả vờ giả vệt thế? — thì đầu óc tôi cũng ngoan ngoãn nhắc lại: “Ngộ thật hay là giả vờ giả vệt thế?” ... ngoài ra không có gì hơn.

Ông chủ khách sạn đương nhiên lấy làm hài lòng về tôi và thường nói với những anh phục vụ khác.

— Tôi không muốn để xảy ra những việc đáng tiếc ở trong khách sạn... Các anh hãy lấy Anfredô mà làm gương: không bao giờ có một câu nào thừa nhé. Thật là một người bồi bàn thực thụ.

Mọi sự bắt đầu vào một buổi tối, cũng giống như lớp băng tan ra dưới nắng mặt trời, trở thành nước và đột nhiên xao động, gợn sóng... Tôi gặp phải một ông khách, đã già rồi, nhưng cố làm ra vẻ trẻ trung, tóc lốm đốm bạc như điểm tuyết, mặt hơi quắt. Mới bắt đầu, ông ta đã thét lác, chắc là muốn tỏ vẻ trước mặt cô bạn đi cùng — một cô gái tóc vàng nhạt, xấu xí, chắc là làm văn thư đánh máy hay gì đấy. Cái gì ông ta cũng không bằng lòng. Khi tôi mang món ăn đến, ông ta bắt đầu quát tháo:

— Món gì trông dễ sợ thế này? Chúng mình vào đây thật là sai lầm.

Chẳng nhẽ tớ lại đổ toàn bộ cái thứ này lên đầu cậu chứ lại!...

Ông ta thật là ngang trái: đặt thịt bò, thì đấy, tôi mang cho thịt bò. Nhưng lần này, đáng lẽ ngoan ngoãn nhắc lại trong đầu những câu ông ta nói, thì tôi bỗng nghĩ: “Cái thằng cha này, mặt quắt bằng ngón tay chéo”. Chính cả tôi cũng phải ngạc nhiên. Cái ý nghĩ ấy nào phải vĩ đại gì, tôi biết, nhưng đối với tôi ngay đến cái đó cũng là quan trọng, bởi vì từ ngày tôi phục vụ ở khách sạn này, đây là lần đầu tiên tự bản thân tôi nghĩ một điều gì đó. Tôi đi xuống bếp, đặt lại, rồi bưng lên hai suất thịt bò rán và lại nghĩ: “Này, tọng đi!”. Các bạn thấy, đấy đã lại là một ý nghĩ khác, cho dù đó là ý nghĩ như thế nào mặc lòng, nhưng mà là ý nghĩ.

Kể từ buổi tối hôm ấy tôi bắt đầu nghĩ, nghĩa là tôi muốn nói rằng tôi bắt đầu làm một đấng mà nghĩ một nẻo. Theo tôi, chính cái đó gọi là nghĩ. Chẳng hạn, tôi khom người hỏi: “Dạ thưa, các quý ông dùng món gì ạ?” còn trong bụng nghĩ: “Cái thằng này cổ dài như cổ ngỗng ấy”. Hoặc tôi nhã nhặn hỏi: “Bà dùng phở-mát chứ?”, nhưng nghĩ thầm: “Bà có ria mép, bà bạn ạ, bà đã cố đánh phẩn cho hết, nhưng làm sao hết được”. Nhưng thường thường, len vào đầu tôi là những câu chửi, những lời thô bạo, thậm chí có tính chất xúc phạm, như: “Tiên sư... thằng ngu, đồ vô lại, cầm ngay cái mõm đi”, và vân vân. Cái đó mạnh hơn tôi — muốn hay không muốn cũng không làm thế nào được, — những từ ngữ, lời lẽ cứ sôi lên trong đầu tôi, như đậu ninh trong nồi. Rồi cuộc tôi bắt đầu nhận thấy rằng tôi nói nốt trong ý nghĩ những câu mình đã nói ra mõm. Thí dụ: “Quý ông có muốn dùng bơ, dùng chanh không?” và thầm kết thúc câu: “hở đồ con lợn?”. Hoặc tôi hỏi: “Quý ông, quý bà biết những món đặc sản của khách sạn chúng tôi rồi chứ ạ?” còn tự mình thì thêm: “Nấu tời, tiền lãi lại cao”. Và thốt nhiên tôi chợt nhận ra rằng, những đoạn sau của câu tôi nói không còn là ở trong ý nghĩ nữa, mà đã được nói ra thành tiếng thực, chỉ có điều nói rất nhỏ, rất thầm thì, không ai nghe thấy. Tóm lại là tôi đã bắt đầu nói, dù là rất thận trọng. Có nghĩa là mọi việc đã xảy ra theo trình tự: đầu tiên là hoàn toàn không nghĩ gì cả, sau đó bắt đầu ngẫm nghĩ, rồi thì bây giờ là nghĩ thành tiếng, tức là nói ra.

Tôi nhớ rất rõ lần đầu tiên tôi đã nói ra thành tiếng như thế nào. Một buổi tối thứ bảy có một đôi ngồi vào bàn thuộc phạm vi tôi phục vụ, một đôi như thường thấy vào những chiều, tối thứ bảy: cô ta bình thường như trăm nghìn cô gái khác, người hơi cao, tóc màu sáng, mặt kiêu kỳ, trát đầy son phấn, ngực độn; anh ta tóc đen, mũi nhọn, mặt đỏ, người thấp, vai rộng, áo vét màu xanh, còn giày da màu vàng. Cô ta hình như người miền Bắc, còn anh ta phát âm chữ “u” kéo dài như người vùng Vitecbô. Anh ta chộp lấy bảng ghi món ăn y như đó là tờ tin về việc tuyên bố chiến tranh, rồi chúi mũi đọc một cách bực bội, rất lâu không thấy quyết định chọn món gì. Sau đó tự đặt cho mình những món nặng nặng một tí: mì ống, thịt bò rán khoai tây, bánh gối. Cô ta thì ngược lại, chọn mấy món nhẹ nhẹ, thanh cảnh. Tôi

ghi lấy, và quay xuống bếp. Nhưng ngay lúc đó, tôi ngược nhìn anh ta một lần nữa và cảm thấy hai môi tôi rung rung, phát ra những tiếng rất nhỏ, nhưng rõ:

— Trông cái mặt lác cắc chưa kìa!

Anh ta vẫn còn đang đọc thực đơn, không để ý thấy gì cả. Nhưng cô ta, cũng như tất cả mọi phụ nữ, rất thính. Cô ta đang ngồi trên ghế khê bật dậy, giương đôi mắt nhìn tôi: cô ta nghe thấy rồi. Tôi xuống bếp, kêu rõ to:

— Mì ống một, xa-lát một! — rồi quay ra đứng dựa tường cách chỗ họ ngồi không xa.

Tôi thấy cô ta cười rử. Cười hồi lâu, tay giữ lấy ngực, mặt đỏ rừ vì cười. Còn anh ta ngồi vể tức bực, cúi cúi lại gần cô, chắc là hỏi cô ta cười cái gì. Nhưng cô vẫn tiếp tục cười, lắc đầu và tay ôm lấy ngực. Cuối cùng cô mới ngou cơn buồn cười, nghiêng đầu về phía anh ta, nói cái gì đó, vừa nói vừa chỉ tay về phía tôi. Anh ta quay lại nhìn tôi. Tôi đưa mắt ra chỗ khác, sau đó lại nhìn lại và thấy: cô ta lại cười, còn anh ta thì nhìn tôi bằng cặp mắt náy lửa, đầu hơi cúi xuống như con trâu chực húc. Cuối cùng anh ta gọi tôi:

— Bồi bàn!

Cô ta thôi không cười nữa, và tôi từ từ đi lại phía anh ta. Tuy tôi có hơi sờ sợ, nhưng tôi vẫn trấn tĩnh được và lại lăm bắm một cách đầy tự tin:

— Đúng thật là một bộ mặt lác cắc. Tôi đến gần, nói:

— Dạ thưa, quý ông cần gì ạ?

Anh ta nhìn tôi trừng trừng và nói giống hăm dọa:

— Anh bồi, anh vừa tự cho phép mình phát biểu một ý kiến... Tôi hỏi như người từ cung trăng rơi xuống:

— Ý kiến gì ạ?... Tôi không hiểu.

— Phải, anh có phát biểu một nhận xét... Tiểu thư đây đã nghe thấy.

— Hẳn là tiểu thư nghe lầm.

— Tiểu thư nghe rõ.

— Tôi chả hiểu gì cả. Nếu quý ông không thích mì ống, thì tôi có thể đem đổi.

— Anh bồi, anh đã nói một nhận xét và anh thừa biết tôi muốn nói gì.

Đến đây cô ta dướn người về phía trước, bảo anh ta:

— Em bảo này, thôi tốt nhất là để mặc kệ anh ta. Nhưng anh ta không chịu:

— Mời ông chủ ra đây.

Tôi cúi đầu, đi gọi ông chủ. Ông này ra, nghe hết tất cả, nói nói gì đó, tranh luận một hai câu, trong khi cô gái tiếp tục cười, còn anh chàng lại càng nổi cáu. Cuối cùng ông chủ đến gần tôi, nói khẽ:

— Thôi, phục vụ họ đi cho xong... Nhưng mà liệu hồn, nếu còn như thế này nữa, tôi đuổi cổ.

— Nhưng mà tôi... Thôi đủ rồi!... Đi mau!

Cả buổi, tôi tiếp cơm cho họ, không nói một câu nào nữa. Nhưng cô ta vẫn cứ cười suốt, còn anh ta thì ăn rất ít. Cuối cùng, không hề gọi món tráng miệng và không để lại tiền “puộc-boa”, họ ra về. Cô gái ra đến cửa vẫn còn cười.

Sau lần đầu, đáng lẽ tôi phải giữ gìn, thì ngược lại, mọi việc càng tồi tệ hơn. Bây giờ hầu như tôi không nghĩ trong óc nữa, mà nói cả ra mồm. Những hôm ít khách, đi đi lại lại hoặc đứng dựa tường, tôi lại càng hay nói một mình, khẽ mấp máy môi, nhưng mọi người xung quanh đều nhận thấy cả, và họ trêu tôi:

— Thế nào, cậu tụng kinh đấy à? Lăn tràng hạt đấy à?

Không, tôi không tụng kinh, cũng không lăn tràng hạt. Tôi đứng nhìn, chẳng hạn, một gia đình năm người: bố, mẹ và ba con nhỏ đang ăn, miệng lẩm bẩm:

— Chồng thì không muốn đặt nhiều món, hoặc là vì anh ta hà tiện, hoặc không có tiền thật... Chị vợ thì rõ thật chẳng biết cái gì cả, cao hứng lên đặt toàn những thứ đắt tiền: nào rau đậu mùa, sò, nấm, bánh ngọt... Anh ta tức điên người, cổ trấn tĩnh... Nhưng chị vợ oái ăm, thấy chồng tức thì lại càng làm già, mà mặt cứ tỉnh khô, lại thêm mấy đứa con cứ vòi vĩnh, thật khổ cho anh chồng...

Hoặc tôi ngắm nhìn một ông khách có cái bấu ở trán, trên đó mọc một túm lông:

— A, anh chàng này có cái búi khoai tây mọc ở trước cửa nhà... Có cái đó ở trên đầu, sờ thấy nó chắc phải lạ lắm nhỉ?... Mà làm thế nào anh ta đội

mũ được? Đội lên trên hay là vuốt ra đằng sau gáy cùng với tóc?...

Tóm lại, càng ngày tôi càng hay nói một mình và ít nói chuyện trong hội đồng. Ông chủ không còn lấy tôi ra làm gương nữa, mà bắt đầu nhìn tôi nghi ngại. Tôi nghĩ rằng ông ta cho tôi là thẳng hơi tâm thần và đợi dịp thuận lợi đầu tiên để sa thải tôi.

Dịp ấy đã tới. Một buổi tối nọ trong khách sạn hầu như không có một ai. Dàn nhạc chơi bài “Mặt trời của tôi” đang phổ biến hồi đó cho những cái bàn vắng tanh nghe, còn tôi ngáp ngáp dài bên cạnh một cái bàn lớn dọn cho mười người. Những người đặt cái bàn này không thấy đến, nhưng tôi biết đó là những ai rồi, và chẳng chờ mong điều gì tốt lành ở họ cả. Và đây, cuối cùng họ đã bước vào gian phòng chan hòa ánh điện: những phụ nữ mặc áo dài buổi tối, ồn ào và hiếu động, vừa đi vừa ngoái lại đằng sau nói chuyện với những người đàn ông đi cùng với họ, những người này tay rút túi, tất cả trong những bộ com-lê tối màu, xanh hoặc đen, bụng đi trước người đi sau, ục ịch và đầy vẻ tự mãn. Nói tóm lại là những người mà người ta quen gọi là một cử tọa tốt bụng. Nhưng nói cho cùng thì tốt hay xấu, do nhiều nguyên nhân tôi không thích họ, mà chủ yếu là vì họ trong xưng hô với tôi thường gọi tôi là “cậu” hoặc gọi trống không “Này, bưng cái ghế lại đây... Đem thực đơn lại đây... Nào, nhanh nhanh lên một tí cậu ơi”. Họ gọi tôi là “cậu” như họ là đàn anh, trong khi tôi chẳng hề cảm thấy anh em gì cả, đặc biệt là với họ. Của đáng tội, ai họ cũng gọi là “cậu”, cả với các bạn phục vụ khác, và thậm chí cả với ông chủ. Nhưng đối với tôi thì họ thích gọi ai là “cậu” thì gọi, cho dù với cả ông trời nữa cũng chẳng sao, miễn là đừng với tôi.

Như vậy là họ đã đến, và tiết mục đầu tiên phải là một màn kịch sắp xếp chỗ ngồi: Giulia ngồi sang đây, Phabritxiô ngồi kia, Lôrenxô ngồi cạnh tớ, tớ sẽ ngồi với Pietrô, Giôvanna ngồi giữa hai chúng tôi, Mariza ngồi chính giữa bàn. Cuối cùng, lạy trời, họ đã ngồi cả xuống. Lúc bấy giờ, tôi mới đến, đưa bảng thực đơn cho người ngồi giữa bàn: một gã béo, đầu hói, mắt đùng đục, mũi gãy, cổ trắng, rắc phấn nhè nhẹ. Hắn ta cầm lấy thực đơn, lật lật mấy trang, hỏi:

— Nào, thế cậu khuyên chúng tớ đặt món gì nào? Tôi nghe thấy hẳn chỏ tay vào tôi, bèn lẩm bẩm:

— Đồ súc sinh.

Nhưng may thay, hẳn không nghe thấy, vì xung quanh đang huyên náo cả lên để bàn cãi thực đơn. Người thì đòi đặt mì ống xpaghetti, kẻ thì đặt đồ nguội, người thích cái món nấu theo kiểu Rôma, kẻ thì không, số này thích rượu vang đỏ, số kia thích vang trắng. Đặc biệt là đám phụ nữ, cứ lú lú lú lú như gà buổi tối lên chuồng. Tôi không nhịn được, lẩm bẩm qua kẽ răng:

— Đúng là một lũ gà vịt!

Chắc hẳn anh ta nghe thấy, vì thấy anh ta nhồm người lên hỏi:

— Cậu bảo cái gì? Gà à?

— Vâng, — tôi giải thích, — có thịt gà tần đấy ạ.

— Gà tần làm cái gì! — ai đó nói to — Chúng ta ăn theo kiểu Rôma: đậu xào mỡ và paliata.

— Thế paliata làm bằng gì?

— Paliata, — gã cầm thực đơn giải thích, — là món thịt lợn sữa đem rán cả con, cùng với cả lòng ruột bên trong.

— Cả lòng ruột!... Úi, sợ quá!

— Chính đó là thứ dành cho các anh, — tôi nghĩ, hay đúng hơn là tôi cúi xuống nói lẩm bẩm.

Lần này thì hình như hẳn ta hơi hiểu ra, vì thấy hẳn hỏi về nghi hoặc:

— Cái gì?

— Tôi có bảo gì đâu.

— Không, cậu vừa nói cái gì đó, — hẳn ta nói giọng cả quyết nhưng không giận dữ.

Đúng vào lúc này, không hiểu sao tất cả bỗng trở nên yên tĩnh, không phải chỉ ở bàn này, mà trong cả khách sạn. Cả đến dàn nhạc cũng dường như cố ý, không chơi nữa. Và trong cái không khí yên ắng ấy, tự tôi nghe thấy tiếng mình nói, thậm thì nhưng rõ:

— Gọi là “cậu” hở, đồ súc sinh? Hẳn giật nảy người, giận tím mặt:

— Bảo tao là đồ súc sinh?... Mà có biết mày đang nói với ai không, hả?

— Tôi chả nói gì cả.

— Tao là đồ súc sinh... À, thẳng đếu, thẳng vô lại, tao sẽ dạy cho mày biết, ngay bây giờ!

Hắn nhồm dậy, túm lông cổ áo tôi ấn sát vào tường. Tất cả những người khác cũng đều đứng cả dậy, người thì nói cho hắn nguôi, kẻ thì ngược lại, hùa vào mắng mỏ tôi. Tôi cũng phát cáu, giằng tay hắn ra, kêu:

— Tôi không nói gì hết... Buông tay ra!

— À, mày bảo mày không nói gì cả à? Thật chứ?

— Chả nói gì hết, — tôi nhắc lại, rồi khề bồi thêm: — đồ súc sinh ạ.

Lần thứ hai, cái từ đó buột khỏi miệng tôi...

May thay, ông chủ vừa chạy đến. Ông bèn vừa nhũn như con chi chi, vừa ngọt như mía lùi.

— Thôi, tôi xin ông, tôi xin ông, ông bạn đáng kính ạ!

Mà ông bạn đáng kính vẫn rống lên như thẳng cha khuân vác ở ngoài ga:

— Để đấy, tao đánh cho nó một trận vỡ mật! Cuối cùng, ông chủ phải cầm lấy tay tôi lôi đi:

— Còn cậu này thì đi theo tôi. Lại “cậu”!

Ông chủ và tôi đi qua cả gian phòng, và mọi người ngồi sau cái bàn đứng dậy, để nhìn tôi rõ hơn, còn tôi không thể không nghĩ thành tiếng:

— Lại thêm một thẳng súc sinh nữa gọi mình bằng “cậu”.

Lúc ấy ông ta không nói gì, nhưng khi đã vào đến trong bếp rồi, ông ta thét vào mặt tôi:

— Thế là đầu tiên mày gọi khách là súc sinh, còn bây giờ gọi cả tao nữa đấy hả?

— Tôi có gọi gì đâu... đồ súc sinh.

— Đấy, lại thế. Vậy là mày đồ súc sinh, bạn thân mến ơi... Đi đi, cút đi mau lên, cút ngay!

— Thôi được... Tôi đi... Đồ súc sinh.

Nói chung là môi tôi rung lên không phụ thuộc vào ý muốn của tôi nữa, và tôi không làm thế nào được cả. Ra đến đường tôi mới định thần, tôi đứng lại và nói to lên những lời phản kháng:

— Họ lại gọi mình là “cậu” ... như mình là anh em với họ không bằng... Họ là người thế nào, ai biết? Tại sao họ lại không biết cư xử cho nó nhũn

nhận?

Đúng lúc ấy, thấy tôi nói chuyện bâng quơ một mình, một viên cảnh sát đến gần, gọi:

— Này, say rồi phải không? Rượu vang đỏ hay rượu ngang thế? Đi lên hè đi, mau lên, không được đứng ở đây đâu.

— Say gì mà say? — tôi cãi. Và ngay lập tức từ miệng tôi lại buột ra cái từ mà vì nó tôi đã bị đuổi khỏi khách sạn “Marphôriô”. Tôi định bắt lại nó như bắt một con chim vừa sổ khỏi lồng. Nhưng biết làm sao, nó đã buột ra ngoài rồi, không làm thế nào được nữa... Nói tóm lại, tôi bị bắt vì tội xúc phạm cảnh sát, bị nằm một đêm ở đồn, rồi sau đó bị ra tòa xét xử... Khi tôi ở tù ra, tôi nhận thấy rằng đầu tôi lại đông cứng lại. Tôi sang đường ở đầu cầu Vihôriô, suýt nữa thì bị ô tô đâm phải. Tôi đứng, run lẩy bẩy, còn lái xe ló đầu ra quát tôi:

— Ngủ gật đấy à?

Tôi nhìn theo anh ta và trong đầu tôi lại ngoan ngoãn dội lại, như xưa: “Ngủ gật đấy à... Ngủ gật đấy à... Ngủ gật đấy à?”.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

11 — Đẹp Hơn Em

Ngày tôi còn bé, có lẽ là để tôi khỏi đoán ra được rằng nhà tôi nghèo và con búp bê của tôi — “búp bê của con nhà nghèo” — xấu xí, mẹ tôi dạy tôi một bài hát, trong đó có câu:

N

“Búp bê ơi! Búp bê của em đẹp làm sao! Gần đẹp hơn cả em!”

Đó là điều không đúng sự thật, nói đúng ra là nói dối để tự an ủi. Chúng tôi đúng là nghèo thật, nhưng về sắc đẹp thì ông trời thương gia đình tôi.

Năm này sang năm khác, tôi không xấu đi mà trái lại ngày càng đẹp ra: mười lăm tuổi trông xinh hơn lúc mười tuổi, mười tám tuổi xinh hơn lúc mười lăm. Tôi đẹp lắm, đến nỗi một mùa hè gia đình tôi đi nghỉ mát ở biển, tôi được chọn làm hoa hậu. Trong số thành viên của ban chấm thi sắc đẹp có một nhà tư bản, một người đàn ông trung niên. Tôi cho rằng nếu tổ chức một cuộc thi xấu xí thì ông ta chắc chắn chiếm giải nhất.

Ngày hôm sau ông ta ra bãi biển chúc mừng tôi. Ông ta mặc không rõ là một cái quần bơi hay quần đùi, chân đi tất ngắn cũn cỡn đến mắt cá. Hai cái thứ ông ta mặc trên người đó lập tức đập vào mắt tôi, trông không ra làm sao cả.

Trong lúc ông ta đang tung ra một tràng những lời ca tụng, ngợi khen, tôi nhìn ông ta và nghĩ: tại sao trông ông ta xấu xí đến thế nhỉ? Ông ta xấu, cái đó rõ, nhưng tại sao? Cuối cùng tôi hiểu ra: ông ta gây cảm giác về một cái gì được tạo ra một cách vụng về, không thành công, thiếu một hình thù hoàn chỉnh. Không hói, cũng không có mái tóc, ánh mắt không sáng cũng

không tối, mũi không thẳng cũng không khoằm, môi không mỏng không dày, vai rộng như người cao lớn vạm vỡ, nhưng chân lại ngắn cùn như một anh chàng lùn. Cả đến ngôn ngữ ông ta nói cũng là một cái gì đó giữa thổ ngữ và tiếng Ý văn chương, một thứ ngôn ngữ ngọng nghịu.

Sau vài lần đến thăm, con người quái đản ấy dám xin cưới tôi, người đẹp được ghi sổ, làm vợ! Tôi biết rằng ông ta rất giàu, nhưng không phải điều đó đã khiến tôi nhận lời. Vấn đề là ở chỗ ông ta nói bằng một giọng đầy quyền uy, còn tôi tính tình dễ bảo, nhẹ nhàng và thụ động. Khi ông ta cầm lấy tay tôi, bảo: “Tôi muốn em trở thành vợ tôi” (hãy để ý mà xem: không phải “mong sao”, “ước gì” ... mà là “tôi muốn”), tôi đã không thể từ chối và trả lời luôn: “vâng”.

Và cứ thế: ông ta luôn luôn nói “tôi muốn” còn tôi thì nhất nhất là “vâng”. Ông ta muốn rằng tôi yêu ông ta, và tôi đã yêu. Ông ta muốn tôi sống ở tòa biệt thự cách Rôma năm mươi cây, bên cạnh nhà máy của ông ta, và tôi không phải đổi. Ông ta muốn tôi sống cùng với họ hàng gia đình nhà ông: ông, bà, bố mẹ, hai bà chị chưa chồng, một ông em — tóm lại là cả nhà ông ta — tôi cũng chấp nhận. Cuối cùng, ông ta muốn rằng chúng tôi có con, và tôi sinh cho ông ta hai đứa.

Như tôi đã nói, ông ta giàu, đúng hơn là rất giàu. Thí dụ cái biệt thự của chúng tôi, theo như ông nói, xây mất hơn năm trăm triệu. Đây không phải là kiểu nhà cổ mà các nhà giàu thường xây để đua tranh với các nhà quý tộc dòng dõi ở địa phương. Không phải thế, chồng tôi mê hiện đại, và biệt thự của chúng tôi có thể gọi là một cái “máy để sống” thì đúng hơn là nhà: một tầng, toàn bằng kính, đá hoa và kim loại, nằm xoài giữa nền cỏ xanh như một con côn trùng có cánh khổng lồ chỉ chực tung cánh bay đi.

Cảm giác đó lại càng tăng khi nhìn đến cách bố trí trong nhà. Tòa biệt thự được bố trí, sắp đặt sang trọng, nhưng trong nhà không có một đồ vật nào do bàn tay người thợ làm ra, dù là hay hay dở nhưng với tấm lòng. Mọi thứ ở đây được làm bằng máy, với sự chính xác tự động tuyệt vời của máy móc. Cả đến màu vải nền cũng giống với màu sơn dân dụng trong công nghiệp hơn là những gam màu dịu nhẹ mà các họa sĩ ưa dùng.

Cái cỗ “máy để sống” không chê vào đâu được đó dĩ nhiên là được trang trí bằng những cái “máy sinh hoạt” cũng không kém hoàn hảo. Chồng tôi say mê cơ khí hóa, nên biệt thự của chúng tôi biến thành một bảo tàng máy móc đủ mọi loại. Có những máy để tiêu khiển: vô tuyến truyền hình, đài, máy quay đĩa, máy chiếu phim. Có những máy để ăn: bếp ga, nồi hấp, tủ lạnh, máy làm kem; những máy để giữ sạch sẽ: máy giặt, máy cọ sàn, máy cạo râu. Tầng dưới có một phòng thể thao với đủ thứ dụng cụ thể thao cần thiết, còn đằng sau nhà có một cái phòng đặc biệt: ga-ra ô tô, trong đó chồng tôi để chín chiếc: ba ô tô “lux” ba ô tô con gia đình và ba ô tô con kiểu “Fiat” Ông ta thường xuyên thay đổi xe — loại nào cũ thôi không đi nữa, mua loại mới. Theo tôi biết, ông ta thậm chí cũng không đi hết chừng ấy ô tô, chỉ say sưa đứng nhìn ngắm chúng hồi lâu, giỏi lắm chỉ đi thử một hai lần trong công viên mà thôi.

Tôi muốn nhấn mạnh rằng những chiếc ô tô, trái lại với những điều đã nói ở trên, có một hình thù hoàn chỉnh, ít nhất cũng là tôi cảm thấy như thế, do đó chúng đẹp. Mà bản thân hình thù, về phần nó, lại xuất phát từ những tính toán về sự hợp lý, về tính hiệu quả. Nói một cách ngắn gọn, những chiếc ô tô ấy không phải là thứ đồ sơ chế dở dang, mà là cái mà chúng phải có.

Trong cái biệt thự sang trọng này, nơi mà mọi vật sáng loáng, mọi thứ đều hợp lý, không chê vào đâu được, ngay bên cạnh tôi là cả một loạt những con người nửa người nửa ngợm vụng về, xấu xí — đó là họ hàng nhà chồng tôi. Cũng như ông ta, họ xấu xí không phải là vì họ xấu (xin bỏ quá cho tôi cách nói ngược đời) mà là vì họ không có hình thù. Nhìn họ, có thể nghĩ rằng thiên nhiên đã chuẩn bị tạo ra những thực thể con người toàn vẹn, nhưng rồi không hiểu vì sao bỗng thôi không thực hiện ý định đó đến cùng, mà tung chúng đi khắp bốn phương dưới dạng chưa hoàn chỉnh như vậy.

Tôi đã có nhắc đến thứ ngôn ngữ ngọng nghịu, nửa thổ ngữ của họ; có lẽ nó phản ánh phương thức suy nghĩ không hoàn chỉnh của họ. Cũng là một sự dở dang, không xác định như vậy trong cách ăn mặc của họ: chẳng ra tỉnh chẳng ra quê, dở dở ương ương.

Đáng buồn là hai đứa con tôi — một trai, một gái — giống bố, giống những người trong họ nhà ông hơn giống tôi.

Một hôm chồng tôi dẫn một người bạn học cũ của ông từ Rôma về nhà chơi. Chồng tôi, như người ta thường nói, là người biết làm ăn. Ít nhất thì ông cũng đã giàu to. Còn ông bạn ông thì ngược lại, không biết làm ăn xoay sở gì cả, nên nghèo vẫn hoàn nghèo như hai mươi năm về trước, vẫn dạy trung học. Tôi không nghĩ rằng chồng tôi thực sự có những tình cảm thân hữu gì với con người này mà trong thâm tâm, ông coi là một kẻ khờ khạo, xúi quẩy. Chắc ông chỉ nghĩ: “Anh ta đã thấy lúc mình bắt đầu có cái gì. Hãy để anh ta xem xem đến bây giờ mình đã đạt được những gì”.

Người giáo viên ấy trông như thế nào? Nếu tôi gặp ông ở một nơi nào khác, có lẽ tôi đã không bao giờ chú ý đến ông: một con người bình thường, không có gì đặc biệt. Nhưng khi tôi bước vào phòng khách, trông thấy ông giữa những con người nửa người nửa ngợm kia, những người họ nhà chồng, tôi thăm thốt lên: “Một con người đẹp làm sao!”. Nhìn gần thì thấy cái tính từ “đẹp” đó không được chính xác lắm. Ông không đẹp, ông chỉ như một con người bình thường.

Chồng tôi giới thiệu ông với họ hàng nhà mình rồi dẫn ông đi xem biệt thự. Chúng tôi đi một vòng khắp nhà, chồng tôi mở cửa các phòng, ông bạn thì cứ luôn mồm: “Đẹp quá, đẹp quá, tuyệt vời”. Nhưng giọng nói của ông chứa đựng một cái gì giấu cợt. Sau khi đã đi khắp các phòng ngủ, phòng khách và nhà bếp, cuối cùng chúng tôi ra sân và đi về phía ga-ra. Vừa đứng vài hôm trước chồng tôi mới mua một chiếc xe nhãn hiệu Anh tuyệt đẹp. Thế là cả ba người ngồi lên xe, đầu tiên đi vòng quanh công viên, sau đó ra đường cái. Ông giáo thì cứ cố nhấn đi nhấn lại: “Đẹp quá, đẹp quá, đẹp quá”, khiến đến một lúc tôi muốn quát vào tai ông ta: “Thôi đủ rồi, đừng có nhạo nữa! Xe đúng là đẹp quá đi chứ!”

Nhưng liền ngay đó, đập vào mắt tôi là đôi tay thô kệch, to xù của chồng đặt trên tay lái, và suy nghĩ của tôi bèn theo một hướng khác. Tôi tự hỏi mình: “Mà có thể giữa cái xấu xí của đôi bàn tay này và vẻ đẹp của xe có một mối liên hệ nào đó chăng?”.

Chúng tôi quay về nhà. Mọi người trong gia đình đã tản về các phòng. Chồng tôi bảo ông cần đến nhà máy, và cáo biệt. Chúng tôi ở lại với nhau: ông giáo, hai đứa con và tôi. Rõ ràng ông giáo có một cái gì đấy không được vui. Ông nói:

— Một ngôi nhà tuyệt vời. Bao nhiêu là thứ đẹp... Nhưng chị có biết trong đó cái gì là đẹp nhất, đáng ngưỡng mộ nhất không?

— Cái gì?

— Đấy là chị!

Lời khen hơi cổ, và thậm chí có thể không hoàn toàn thành thật, nhưng đối với tôi nó vụt gây một ấn tượng như ánh chớp trong đêm. Tôi luôn luôn ngạc nhiên rằng tại sao có một biệt thự như thế này nhưng tôi không bao giờ cảm thấy sung sướng. Đột nhiên nghe cái chữ “thứ” mà ông giáo dùng kể ra không được thích hợp lắm đối với tôi đó, tôi bỗng tỉnh ngộ: tôi không sao có thể sung sướng, hãnh diện về những đồ vật đẹp đầy dẫy trong nhà, chính là vì bản thân tôi cũng là một thứ đồ vật, một trong nhiều đồ vật — ít nhất cũng là đối với chồng tôi! Tôi nhớ lại chiếc ô tô sang trọng mà tôi vừa ngắm nghía và chợt nghĩ: không, tôi không phải là người nhà của tất cả những em chồng, chị chồng, cô bác, ông bà, cha mẹ, anh em họ chị em họ này. Mái tóc đen mượt của tôi, đôi mắt xanh lơ rất đẹp, cái miệng có duyên và dáng người tuyệt diệu của tôi nói lên rằng tôi không phải là người nhà của họ, mà tôi chỉ có quan hệ họ hàng với chiếc ô tô đẹp này, tôi với nó cùng chung một giống (suýt nữa tôi nói là chung một giòng máu).

Trong lúc đó, ông giáo bối rối nhìn những đứa con tôi. Tôi nói:

— Hai cháu giống bố, không lấy gì làm đẹp lắm. Ông không đáp, có lẽ đồng ý với tôi. Tôi nói tiếp:

— Trong nhà này đầy những đồ vật đẹp và những con người xấu. Ông giáo thở dài, lặng im một lúc rồi nói:

— Tiếc rằng đặc điểm của nền văn minh của chúng ta là những đồ vật do nó tạo ra đẹp hơn nhiều so với những người sở hữu và sử dụng chúng.

— Nhưng trên đời cũng có những người đẹp chứ!

Tôi nghĩ về mình. Còn ông, chắc rằng cũng đang nghĩ về tôi, trả lời:

— Thì những người ấy sẽ thôi không là người, mà trở thành đồ vật.

Đưa con gái xấu xí của tôi lại gần ông. Trong tay nó là con búp bê hiện đại áo váy diêm dúa như một bà quý tộc: mặc mini-jip, chân đi giày cao gót, cổ cài nơ.

Con bé khoe với ông giáo:

— Cháu có con búp bê đẹp không này!

Và tự nhiên, ông cũng không ngờ rằng chính ông đã nhắc lại câu hát ngày xưa của tôi:

— Đẹp, đẹp lắm! Đẹp hơn cả cháu!

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

12 — Cái Tủ

Tôi giết chồng vì nhầm lẫn, đúng hơn là vì đùa nghịch: tôi giơ súng lục lên nhắm vào anh, tưởng là súng không lên đạn, và bóp cò. Thậm chí tôi còn dọa:

T

— Em bắn anh này: bùm!

Cô ở gái ngồi sau bàn nhìn tôi tùm tùm cười, còn chồng tôi thì cười phá lên. Hóa ra, khi người ta bị bắn trúng tim thì phản xạ đầu tiên là cười phá lên. Như thế là chồng tôi cười và từ từ tụt xuống khỏi ghế, rời rã như thân hình bị chia thành nhiều mảnh.

Lẽ tất nhiên là tôi bị bắt. Người ta điều tra rất lâu về quan hệ lai lịch giữa hai chúng tôi, rồi sau đó, khi xác định rõ là chúng tôi yêu nhau, thì cho tôi trắng án vì “thiếu cơ sở luận tội”.

Tôi đi về tỉnh ở với bố mẹ. Tôi là con gái độc nhất. Đời tôi như thế là hỏng, một bất hạnh kinh khủng đã xảy đến với tôi... Bố mẹ tôi nói thế và nghĩ bụng thế. Mà thế là đúng. Quả thực là tôi đã gặp một bất hạnh khủng khiếp, cuộc đời tôi thực sự đã hỏng, nhưng nỗi bất hạnh không phải bây giờ mới đến, nó đã đến từ nhiều năm trước, và chính bố mẹ tôi đã làm hỏng đời tôi.

Từ thuở bé tôi đã có tính rất đa sầu đa cảm. Tôi đã quý yêu ai là quý yêu ngay từ phút đầu, yêu như điên như dại. Cái cột thủy ngân đo tình cảm của tôi vọt lên cao như người lên cơn sốt. Tôi yêu hết mình, giữ trọn trái tim mình cho người mình yêu quý.

Ngày ấy người tôi yêu quý là mẹ tôi. Nói là tôi yêu mẹ vẫn còn là ít, phải nói là tôi hòa tan trong mẹ, đôi khi cảm thấy như tôi với mẹ là một, và trên đời chỉ có mình mẹ mà thôi.

Khi ấy tôi cho rằng mẹ tôi là người rất bất hạnh. Trên thực tế bà là người hạnh phúc — tất nhiên là theo cách riêng của mình, — vì cuộc sống vợ chồng của bà gồm toàn những cuộc cãi cọ và làm lành xen kẽ nhau liên tục, mà cả hai đều diễn ra dữ dội như nhau.

Tôi không hiểu gì cả, và khi cả nhà đang ngồi ăn bỗng nổ ra cãi nhau, thì tôi run lên vì giận và lập tức đứng về phía mẹ. Có một lần bố tôi tát mẹ tôi ngay trước mặt tôi. Cả hai mẹ con chạy ra khỏi phòng ăn vào phòng chơi của tôi ngồi với nhau. Mẹ tôi vừa khóc nức nở vừa ôm ghì lấy tôi. Thốt nhiên bà kêu lên:

— Thu xếp quần áo rồi mặc áo bành tô vào đi con! Mẹ đi lấy va li.

Hai mẹ con mình sẽ đi khỏi đây, mãi mãi!

Và bà ra khỏi phòng. Tôi thấy xốn xang cả người, vội vã thu chọn mấy thứ đồ chơi quý nhất của mình cùng với một ít quần áo bỏ vào túi, mặc áo bành tô rồi chạy đến với mẹ. Cửa vào phòng ngủ của bố mẹ khép hờ hờ, qua đó tôi trông thấy bố mẹ tôi đang nằm trên giường, áp sát người vào nhau. Bằng một giọng ảm đạm, yếu ớt và không vui, mẹ tôi gọi tôi vào.

Tôi sững sờ, cảm thấy bị hạ thấp và bị xúc phạm. Thật nặng nề trong lòng khi hiểu ra rằng tôi đã tự trao mình cho những bàn tay không xứng đáng một cách mù quáng, không suy nghĩ.

Không biết điều gì đã xảy ra với tôi, chỉ biết rằng tôi không hề cố làm như thế, nhưng tự nhiên tôi dường như bị chia làm đôi: từ một người tôi trở thành hai. Cô Xinvia thực sống riêng rẽ ra, còn cô Xinvia thứ hai, sự mô phỏng thành công của cô thứ nhất thì được tôi dành để giao tiếp với thế giới bên ngoài. Từ nay không ai có thể lạm dụng tính đa sầu đa cảm thái quá của tôi để lôi cuốn và nuốt chửng tôi được. Từ nay không phải tôi yêu nữa mà là người khác — cô Xinvia kia — yêu. Sẽ là cô ta thất vọng, còn tôi đứng ngoài, đóng vai trò người quan sát khách quan, lãnh đạm.

Từ ngày ấy, tôi không đau khổ nữa. Sự thật thì mỗi năm trôi qua, tôi càng cảm thấy rõ rệt nỗi cô đơn của mình, vì tôi hoàn toàn không hề giao

thiếp với ai cả: người giao thiệp là cái cô Xinvia khác kia do tôi nghĩ ra và dành cho mục đích ấy.

Cần phải công nhận là cô ta thực hiện chức năng của mình một cách xuất sắc. Kiên trì, năng nổ, cô ta xử sự một cách tự nhiên trong mọi tình thế.

Còn phải nói! Rõ ràng hành động mà làm người đứng ngoài quan sát — đó là hai việc hoàn toàn khác nhau. Để tránh cho bản thân khỏi gặp phải những sự sỉ nhục như kiểu sự sỉ nhục mà mẹ tôi đã từng bắt tôi phải chịu, tôi tự làm tê liệt mình bằng cách chỉ quan sát xem con người khác kia sống như thế nào, còn bản thân mình thì không sống. Tôi càng ngày càng cảm thấy cô đơn, gò bó, bất lực. Cái pháo đài do tôi dựng nên để tự bảo vệ ngày càng trở nên giống với nhà tù.

Một hôm tôi được mời đến chơi một biệt thự ở ngoại ô. Trong số khách khứa có một thanh niên vẻ mặt rất nghiêm túc, một kỹ sư vận hành điện. Anh bắt đầu tỏ ra săn sóc tôi một cách rụt rè. Nhiều năm nay tôi sống như một tu sĩ, không quan hệ với con người. Đến lần này tôi bảo với con người kia rằng tôi không cần đến cô ta nữa: tôi muốn không dùng người làm trung gian, người được “ủy nhiệm” mà trở lại là chính mình, muốn yêu và được yêu. Chỉ cần cứ vào mỗi một điều là tôi đã “đốt cháy giai đoạn”, làm rung động người bạn tình rụt rè là đủ thấy lòng khao khát yêu đương trong tôi lớn đến mức độ nào. Sau khi ăn tối, anh ở lại nhà ngoài chơi bi-a. Tôi đi về phòng mình, mặc lên người bộ quần áo ngủ đẹp nhất, rồi lên vào phòng anh, ngồi vào trong tủ quần áo. Tôi ngồi trong tối, giữa những áo vét và cravat của anh, tim như ngừng đập, nín thở chờ đến lúc anh về và nằm xuống giường ngủ.

Không loại trừ là về mặt tiềm thức, cái tủ này đối với tôi tượng trưng cho một cái hầm tối tâm lý mà tôi tự chôn sống mình trong đó. Tôi biết rằng tôi cần phải thoát ra khỏi cái hầm tối ấy cũng như ra khỏi tủ và òa vào vòng tay của anh. Và sự việc đã xảy ra như vậy. Cũng trong năm ấy chúng tôi cưới nhau.

Tôi yêu anh mãnh liệt. Còn anh, vốn là con người chín chắn và mực thước, yêu tôi... vừa phải. Sau một năm sống với nhau, tôi bắt đầu lo cho tình yêu của mình. Số là trong quan hệ với chồng, sự việc diễn ra với tôi

cũng y như với mẹ ngày nào: tôi yêu quên mình và dần dần hòa nhập vào anh. Tôi trở thành tiếng vọng của anh, nói giống anh, cũng hơi pha giọng Milan (bản thân tôi là người Tôxcana), động tác cử chỉ cũng bị ảnh hưởng của anh, tôi mặc quần phẳng chứ không mặc váy nữa và ăn mặc cũng tựa tựa giống anh. Nhìn đằng sau, người ta có thể tưởng chúng tôi là hai anh em sinh đôi: cả hai tóc đều màu sáng cắt như nhau — tóc anh để dài hơn mức thường một chút, còn tóc tôi thì ngắn hơn một chút.

Giả sử nếu bây giờ chồng tôi — mà tính chín chắn, dè dặt được tôi tiếp nhận như là sự lạnh lùng — bỗng diễn lại đúng cái vở của mẹ tôi hồi nào thì sao? Tôi sẽ còn lại cái gì? Điều gì sẽ xảy ra với tôi? Thế là tôi quyết định cầu cứu con người kia, bảo cô ta: “Cậu hãy đứng vào chỗ tớ và hành động đi. Tớ sợ”. Đương nhiên là cô ta không để phải nài, lập tức nhảy bổ vào chồng tôi như ma đói, Còn tôi tự nguyện quay về cái hầm tối của mình mà tình yêu đã gọi tôi ra khỏi đấy một thời gian.

Cô ta và chồng tôi yêu nhau, còn tôi chỉ còn có việc ngồi nhìn họ. Tôi giống như một người phụ nữ bất hạnh bị đuổi ra khỏi nhà mình, đứng áp vào kính cửa sổ trong đêm tối lạnh lẽo nhìn vào các phòng cũ của mình đang sáng trưng, ấm áp, đầy đủ tiện nghi.

Tôi chịu đựng tình cảnh đó một thời gian, sau đó quyết định: thế nào thì thế, mình phải thanh toán với cái con người kếp của mình và khôi phục lại mối quan hệ trước đây với chồng! Lần này tôi không thực hiện được ý định của mình, vì cô kia ngay cả đến nghe nói nói đến chuyện phải rút lui cũng không muốn nghe. Tôi cố lấy giọng tử tế thuyết phục cô ta, đánh vào lương tri của cô — không được, hăm dọa — cũng không ăn thua.

Cô ta đứng giữa tôi và chồng tôi, mà không cạnh tranh được với cô ta, vì cô ta thật là lão luyện trong việc bày tỏ những mối cảm tình nồng nhiệt. Còn tình yêu của tôi dù là chân thật nhưng tế nhị, rụt rè.

Một đôi lần cô ta ranh mãnh nói:

— Thôi được, tớ rút lui, để cậu muốn làm gì tùy ý!

Tôi run run trong một cố gắng yếu ớt, vụng về để nhích lại gần chồng, nhưng chồng tôi, đã quá quen với sự trơ trẽn của con người kia của cô ta, nên không để ý thấy gì sất. Cô ta đắc thắng:

— Bây giờ thì cậu thấy sự chân chất của cậu đối với anh ấy chẳng có nghĩa lý gì cả rồi chứ? Sự giả tạo của tớ thế mà hay! Cho nên, thôi, hãy để mặc hai chúng tôi!

Vào một trong những ngày ấy, chồng tôi nói chuyện điện thoại với mẹ anh, có nói với bà rằng anh đang chuẩn bị đi Pari. Tôi đang ở phòng bên, nghe thấy anh nói:

— Vâng, tất nhiên rồi, Xinvia sẽ cùng đi với con. Cô ấy quyến luyến con lắm... Lẽ nào con có thể để nhà con ở lại một mình? Cô ấy sẽ buồn nhớ và có thể đi đến chỗ tuyệt vọng mất.

Đúng là tôi đang ở một tâm trạng thất vọng không lối thoát: anh ấy đi Pari với cô ta! Còn tôi ở lại một mình một bóng, thậm chí không được cả nhìn thấy họ, quan sát họ yêu nhau.

Tôi lấy hết can đảm, gọi cô ta ra nói chuyện riêng một cách thẳng thắn, yêu cầu cô ta để cho tôi đi Pari với chồng.

— Đối với cô như thế là đủ rồi! — tôi nói — Bây giờ đến lượt tôi.

Tôi sẽ không thuật lại chi tiết cuộc tranh chấp giữa hai chúng tôi, chỉ muốn nói rằng cô ta mềm mấp lắm và cãi cọ rất ghê, tôi phải thua xa. Do vậy mà hoàn toàn là điều bất ngờ đối với tôi khi bỗng nhiên cô ta chịu đầu hàng:

— Thôi được, đi đi. Nhưng hãy nhớ rằng tớ chỉ nhường cậu trong thời gian đi Pari thôi đấy nhé. Về đến nhà cậu sẽ phải trả anh ấy lại cho tớ!

Một tuần lễ ở Pari đối với hai vợ chồng tôi như là một cuộc du lịch sau ngày cưới thứ hai. Và các bạn có biết làm thế nào tôi thiết lập lại được sự gần gũi trước kia không? Rất đơn giản, tôi lặp lại cuộc gặp gỡ yêu đương lần đầu tiên của chúng tôi. Chúng tôi vừa đặt chân đến Pari, thuê khách sạn xong, tôi bèn kiểm soát bảo anh đi vào phố làm gì đó, còn mình thì cởi hết quần áo, mặc bộ quần áo ngủ đẹp nhất vào người rồi chui vào trong tủ. Và lại hồi lâu ngồi trong cái tủ tối om, ngọt ngào, treo đầy quần áo, cái tủ bốc lên một mùi cũ kỹ khiến tôi cảm thấy có một ý nghĩa rất tượng trưng, gợi nghĩ về cái hầm tối tâm lý mà tôi đã chôn sống mình trong đó. Tôi ngồi trong tủ khá lâu. Sau đó tôi nghe tiếng chồng tôi về, gọi tôi. Tôi reo lên

sung sướng, mở toang cửa tủ, lao ra ôm lấy cổ anh. Tôi hiểu rằng mình đã được cứu thoát.

Nhưng chúng tôi vừa về đến Ý, khi cô kia chạy ra sân bay, vừa đi bên cạnh tôi trên máy bay vừa nài:

— Trả tớ chồng đây!

Tôi khăng khăng từ chối.

Thế là cái con phù thủy độc ác ấy (đã đến lúc đáng phải gọi cô ta như thế) sáng hôm sau trước khi ra khỏi nhà đã nói một câu mà tôi nghe thấy có chứa đựng sự hăm dọa trong đó. Tôi theo gót cô ta và thấy cô rẽ vào một cửa hiệu bán súng mua một khẩu súng lục. Tôi lập tức đoán ngay ra âm mưu của cô ta và quyết tâm phá vỡ âm mưu đó.

Khi cô ta đi vắng, tôi lẻn vào phòng, tìm lấy khẩu súng, rút đạn ra đem giấu đi, sau đó mới yên tâm ngồi xuống ăn cùng với chồng.

Mọi việc xảy ra sau đó các bạn đã biết. Chúng tôi ngồi sau bàn ăn, tôi không rời cặp mắt đăm đũa khỏi chồng, còn cô ta, con người kia nhìn chúng tôi và tức điên lên vì ghen. Thế rồi cô ta rút súng lục ra nhắm vào anh, nói:

— Em bắn anh bây giờ đây này: bùm!

Tôi thậm chí chẳng cần ngước mắt lên. Cô ta giả vờ đùa, nhưng tôi thì tôi biết rõ là thật, nhưng tôi không lo vì yên trí rằng súng không có đạn. Nhưng cô ta láu cá hơn tôi: để cho chắc chắn, phòng xa mọi sự tình cờ, trước đấy cô ta đã lên sẵn một viên đạn vào nòng.

Súng nổ, và chồng tôi ngã xuống sàn chết ngay.

Tôi bảo rằng phát súng nổ đó là ngẫu nhiên, ngoài ý muốn, và bằng cách đó để cứu cô kia khỏi sự trừng phạt nặng nề. Tại sao tôi lại cứu cô ta? Tại vì tôi không tin ở bản thân mình: ai biết được rồi đây tôi chẳng sẽ lại yêu ai đó nhiều hơn mức cần thiết! Khi ấy tôi sẽ lại cần đến cô ta. Nhưng, cứu cô ta rồi, tôi tự gắn mình với một kẻ giết người, trở thành tông phạm của kẻ đó. Tôi biết chắc rằng vụ giết chồng tôi chỉ là khâu đầu của cả chuỗi xích dài những tội lỗi. Con người kia gây nên tội mà chẳng bị tội vạ gì.

Trong khi đó, bố mẹ tôi kiếm cho tôi một người chồng mới. Còn chưa biết mặt nhau mà tôi đã run cho anh ta. Bởi vì tôi sẽ lại phải nhường anh ta

cho cái con mụ phù thủy kia, còn bản thân mình thì chịu cảnh cô đơn hoặc lại sống trong nỗi lo sợ nơm nớp rằng một ngày kia anh sẽ bị giết ngay trước mắt tôi.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

13 — Đứa Con

Các bà làm ở hội từ thiện hôm đem tiền cứu trợ đến cho gia đình tôi cũng hỏi vợ chồng tôi: sao anh chị đẻ nhiều con thế? Vợ tôi ngày hôm ấy đang lúc bực dọc, nghe hỏi thế bèn trả lời thẳng tuột: ” Có tiền có của thì tối tối người ta kéo nhau đi chơi, đi xem. Nhưng tiền không có, chúng tôi chơi một tí rồi lên giường đi ngủ, thế là cứ sòn sòn”. Nghe cách nói suồng sã kiểu đó, bà giận, bỏ đi không buồn chào. Bà đi rồi, tôi mắng vợ, rằng không phải lúc nào nói thật cũng là tốt cả, rằng trước khi nói ra cần phải xem xem mình đang nói chuyện với ai đã.

C

Ngày tôi còn trẻ, chưa vợ, tôi thường đọc trên báo mục tin tức Rôma, kể về đủ thứ tai họa xảy đến với người ta: ăn cướp, giết người, tự sát, tai nạn xe cộ. Lúc ấy tôi nào có thể tưởng tượng ra được là bản thân mình sẽ phải lâm vào một cảnh mà trên báo thường viết là một hoàn cảnh đáng cảm thông, khi con người ta bất hạnh đến mức khiến những người khác phải thương hại mà không phải vì gặp những tai nạn bất thường nào, mà chỉ vì là tồn tại ở trên đời. Nhưng tôi đã nói, khi ấy tôi còn trẻ nên chưa hiểu thế nào là nuôi một gia đình. Còn bây giờ tôi kinh ngạc nhận ra rằng dần dà mình đã lâm vào chính cái “hoàn cảnh đáng cảm thông” kia. Đây, bạn hãy đọc mà xem: “Họ sống trong cảnh túng bần cùng cực”. Thì chính tôi hiện đang ở trong cảnh túng bần cùng cực đó, liệu có thể túng bần hơn được nữa chăng? Hoặc: “Họ ở trong một cái không đáng gọi là nhà”. Còn tôi sống ở vùng ngoại ô Tôrmaranchô với vợ và sáu con trong một cái phòng chỉ vừa đủ kê

giường, không còn chỗ quay ra quay vào, mùa mưa thì dột chẳng khác gì ngoài trời. Hoặc như thế này nữa: “Người phụ nữ bất hạnh sau khi biết là mình có mang, bèn có một quyết định tội lỗi là từ bỏ kết quả tình yêu của mình” (1). Thì đây, vợ chồng chúng tôi hoàn toàn nhất trí nếu phải có một quyết định như thế khi biết rằng đứa con thứ bảy của chúng tôi sắp ra đời. Hai chúng tôi quyết định rằng hôm nào ấm trời sẽ đem đứa bé đến bỏ vào một nhà thờ nào đấy, hy vọng vào lòng từ thiện của người nào đó trông thấy nó đầu tiên.

Nhờ sự hỗ trợ của các bà ở hội từ thiện nọ, vợ tôi được để ở bệnh viện. Ra viện, vợ tôi bế con về Tormaranchô. Vừa vào đến trong nhà, cô ta bảo tôi:

— Anh biết không, tuy là ở bệnh viện chẳng sung sướng gì, nhưng mà em sẵn sàng ở lại trong ấy, miễn là để khỏi phải về nhà.

Đứa bé dường như hiểu câu nói đó nên khóc tướng lên. Thằng bé xinh xẻo, bụ bẫm, lại to tiếng làm sao: nó mà khóc đêm thì đừng có ai ngủ được với nó.

Tháng Năm đã đến, trời trở nên ấm áp, đã có thể ra đường không cần mặc áo bành-tô. Chúng tôi từ Tormaranchô lên xe đi vào Rôma. Vợ tôi ôm chặt đứa bé vào lòng sau khi đã quần lên người nó rất nhiều áo quần, tã lót như thể định đem bỏ nó ở ngoài đồng tuyết. Khi xe đã đến thành phố, như để đánh át nỗi đau khổ, cô bắt đầu nói không nghĩ, thở hển hển, mắt mở to, đầu tóc rối bời...

Đầu tiên, cô nói về chuyện những nhà thờ nào có thể để con lại, luôn luôn nhắc nhở rằng cần phải chọn nhà thờ nào mà những người giàu có hay đến, bởi vì nếu đứa trẻ rơi vào tay nhà nghèo, thì thà cứ để nó ở lại với mình còn hơn. Rồi cô nói rằng cô muốn chọn một nhà thờ Thánh mẫu nào đó, bởi vì Thánh mẫu cũng từng có con trai, cô nói, Người có thể hiểu và thực hiện ước nguyện của chúng mình. Nghe những chuyện đó, tôi đã mệt cả người, và bắt đầu thấy bực bời tôi cũng nào có vui thú gì và đâu muốn làm điều đó. Nhưng tôi tự nhủ mình phải bình tĩnh, không nên cáu giận và phải động viên vợ. Tôi tranh cãi một câu gì đó, chỉ là để cắt đứt luồng từ ngữ của cô, và đề xuất:

— Ta để nó ở trong nhà thờ thánh Pi-e vậy.

Cô lưỡng lự một lát, rồi nói:

— Không, ở đây cái sàn rộng quá, người ta không để ý thấy mất. Thử để ở trong một nhà thờ nhỏ trên phố Cônđôtti, ở đấy xung quanh toàn là các cửa hiệu sang... nhiều nhà giàu qua lại... Thật là một chỗ thích hợp.

Hai chúng tôi lên ô tô. Trước đông người, cô yên không nói nữa, chỉ quần thẳng bé chặt hơn vào tấm lót và chốc chốc lại khẽ mở mảnh tã che mặt ra xem. Thằng bé ngủ, chúi cái mặt đỏ hồng vào tấm lót. Thằng bé ăn mặc cũng xoàng xĩnh, xấu xí như chúng tôi, chỉ có đôi tất tay là đẹp — đan bằng len xanh, và lúc nào nó cũng giơ giơ tay lên như để khoe.

Chúng tôi xuống xe ở gần nhà hát Gônđôni, và vợ tôi lập tức lại bắt đầu nói như máy. Cô dừng lại trước cửa hiệu vàng bạc, chỉ cho tôi xem những đồ trang sức quý giá trưng bày trên nền nhung đỏ ở tủ kính và bảo:

— Xem này, đẹp chưa kìa... Mọi người đến phố này chỉ để mua vàng bạc và những thứ hàng quý giá khác... Ở đây làm gì có dân nghèo... Giữa lúc đi mua bán, họ rẽ vào nhà thờ để cầu nguyện... Họ đang trong tâm trạng vui vẻ... trông thấy đứa bé và bế nó lên.

Cô nói tất cả những cái đó, mắt vẫn dán vào những vòng vàng, kim cương và ôm chặt đứa bé vào lòng hơn, dường như cô đang nói một mình, mắt như dại đi, làm cho tôi không dám tranh cãi gì nữa cả.

Chúng tôi vào nhà thờ. Nhà thờ này nhỏ, tường lát đá hoa cương vàng, có trụ thờ chính. Vợ tôi bảo rằng trước kia cô cảm thấy nhà thờ này khác cơ. Bây giờ không hiểu sao cô không thích nó lắm. Tuy thế, cô vẫn nhúng ngón tay vào nước thánh và làm dấu. Sau đó, ôm sát đứa bé vào ngực, cô đi chậm chậm khắp nhà thờ, vừa đi vừa nhìn quanh một cách không hài lòng và không tin tưởng. Từ trên vòm nhà thờ, qua những ô cửa sổ, dội xuống ánh sáng rực rỡ và lạnh lẽo. Vợ tôi vẫn đi khắp quanh nhà thờ, hết gian này sang gian khác, nhìn ngắm những bệ thờ, những bức tranh và những hàng ghế như để kiểm tra xem có đáng để đứa bé ở lại đây không. Tôi đi theo sau cô, cách có mấy bước và cứ nhìn ra cửa hoài. Một tiểu thư, người cao, mặc áo đỏ, tóc vàng óng bước vào. Cô quỳ xuống — cái váy ngắn bị kéo căng

— làm dấu thánh giá và khấn một lúc rồi ra khỏi nhà thờ, không buồn nhìn chúng tôi.

Vợ tôi thấy vậy, nói:

— Không, ở đây không được đâu... Vào đây chỉ toàn là những người kiểu như cô tiểu thư này, chỉ biết vui chơi và đi cửa hiệu này cửa hiệu kia suốt ngày. Ta đi khỏi đây đi, — và vợ tôi bước ra luôn.

Chúng tôi đi bộ gần như chạy đến phố Corxô, vợ đi trước, tôi theo sau, đến gần quảng trường Vơnidơ thì rẽ vào một nhà thờ khác. Nhà thờ này to hơn nhà thờ trước nhiều, rèm cửa sang trọng, mạ vàng, còn trên tường bên dưới lớp kính là rất nhiều trái tim bằng bạc lấp lánh trong bóng tranh tối tranh sáng. Ở đây khá nhiều người đến lễ, xem chừng toàn là khá giả cả: những người đàn bà đội mũ, đàn ông ăn mặc tử tế. Cha cố đứng trên điện thờ giảng đạo, còn con chiên đứng dưới hướng cả về phía ông. Tôi nghĩ bụng: “Đúng thật là thuận tiện, không còn ai để ý thấy cả!” và bảo khẽ vợ:

— Thử ở đây xem.

Cô ta gật đầu. Chúng tôi lên sang gian bên. Ở đây không có ai cả, và lại tối quá, đến nỗi chúng tôi cũng chỉ lơ mờ trông thấy mặt nhau. Vợ tôi kéo tã che bớt mặt đứa bé, đặt nó lên ghế như một cái gói cho nó khỏi chòi tay ra. Sau đó cô quỳ xuống, cầu kinh, hai tay ôm lấy hết mặt. Còn tôi không biết làm gì, đứng xem hàng trăm quả tim lớn nhỏ gắn trên tường. Vợ tôi đứng dậy, nét mặt cô ủ rũ. Cô làm dấu và nhẹ nhàng rời khỏi giảng đường và tôi theo sau. Đúng lúc ấy, cha cố nói to:

— Và Chúa Giê-su đã nói: “Quo vadis?” (Con đi đâu vậy? (tiếng latin)). Tôi có cảm tưởng đây là ông hỏi tôi.

Vợ tôi đã sắp bước ra đến cửa, thì bỗng từ trong có tiếng gọi cô. Cả hai chúng tôi giật nảy mình.

— Bà ơi, bà để quên cái gói ở trên ghế đây này.

Chúng tôi quay lại, thấy một người phụ nữ mặc đồ đen, một trong những bà đạo đức giả suốt ngày khi thì ở trong nhà thờ, khi thì ở ngoài quảng trường.

— Vâng, phải rồi, — vợ tôi nói — Cảm ơn bà, tôi quên khuấy mất.

Chúng tôi cầm cái bọc, ra khỏi nhà thờ, đờ đẫn như người mất hồn. Ra đến đường, vợ tôi nói:

— Không ai thèm lấy con tôi, không ai cần đến nó cả, ôi con trai tội nghiệp của tôi...

Như thế một người bán hàng mong mua bán được chóng vánh, nhưng ở chợ không có ai mua hàng của bà ta cả.

Và cô lại lao về phía trước, đầu tóc rối bời, ngực thở dốc, như hai chân tự đưa cô đi vậy. Chúng tôi đến quảng trường Đức Thánh. Một nhà thờ mở sẵn cửa. Chúng tôi vào, thấy bên trong rộng rãi, quang đãng, ít ánh sáng. Vợ tôi thì thào:

— Đây đúng là nơi thích hợp.

Cô cả quyết đi thẳng vào gian bên, đặt đứa bé lên một chiếc ghế dài, rồi không làm dấu không khẩn vái gì cả, thậm chí cũng không hôn lên trán con, quay ngay ra cửa như thể đất dưới chân đang cháy bỏng. Nhưng cô vừa đi được mấy bước thì một tiếng khóc to vang lên khắp nhà thờ. Đã đến giờ cho bú, đứa bé khóc vì đói. Vợ tôi như mất trí vì tiếng khóc to đó: cô lao ra cửa, rồi lại chạy ngược trở lại, rồi, cũng chẳng cần nghĩ là cô đang ở đâu, ngồi ngay xuống chiếc ghế dài, nâng đứa con lên tay, vạch vú ra cho nó bú. Nhưng khi cô vừa mới đưa vú ra và thẳng bé liền ôm chặt với cả hai tay và bắt đầu bú lấy bú để thì có tiếng quát:

— Trong nhà thờ không ai người ta làm như thế đâu nhá... Đi ra khỏi đây mau, ra ngoài đường đi!

Đó là một ông già có chòm râu bạc, giọng nói rần rỏi hơn chính bản thân ông. Vợ tôi đứng dậy, kéo áo xuống, lấy tã đậy lại đầu cho thẳng bé, đoạn nói:

— Thế mà Đức Mẹ ở trong các tranh... bao giờ chả cho con bú. Ông kia thì:

— Lại dám ví với Đức Mẹ nữa, rõ không biết xấu hổ!

Tóm lại, chúng tôi từ giã nhà thờ ra ngồi ở vườn hoa trên quảng trường Vonidơ. Ở đó, vợ tôi lại giở vú ra cho con bú, lần này thẳng bé bú no, nên ngủ tít.

Trời đã về chiều, bắt đầu sấm sấm tối. Các nhà thờ đóng cửa, còn chúng tôi ngồi đây, mỗi một, ủ rũ, đầu óc không nghĩ ra được cái gì cả. Chúng tôi cảm thấy tuyệt vọng hẳn cứ nghĩ đến việc chúng tôi đã bỏ phí mất bao nhiêu thời gian vào một việc mà nhẽ ra không nên làm. Tôi nói với vợ:

— Này em, đã muộn rồi đấy, cứ thế này nữa anh không chịu được đâu, phải xem thế nào mà quyết định đi.

Cô trả lời chua cay:

— Đây là con anh, giọt máu của anh... Anh muốn thế nào: đem vứt nó đi, quẳng vào một xô như một cái bọc cho mèo nó tha ư?

— Không, không, — tôi nói, — Nhưng mà những chuyện như thế này hoặc là phải làm ngay, không đắn đo chần chừ gì cả, hoặc là hoàn toàn không làm.

Thế mà cô ta đáp lại:

— Anh chỉ sợ tôi nghĩ lại rồi mang nó về nhà chứ gì?... Đàn ông các anh đều hèn tất!

Tôi hiểu rằng lúc này không cãi lại cô được nên giảng hòa:

— Anh hiểu lắm chứ, hãy bình tĩnh, nhưng em xem: dù có thế nào đi nữa cũng vẫn còn hơn là giữ con lại mà nuôi trong căn nhà dột nát không có bếp và nhà vệ sinh ở Tômaranchô của chúng mình, mùa đông thì rét mướt, mùa hè thì ruồi nhặng.

Lần này thì cô không nói gì cả.

Chúng tôi lại đi, cũng không biết là mình đi về đâu, dọc theo lộ Naxiônâlê lên phía tháp Nê-rông. Đằng sau tháp có một cái phố nhỏ, vắng người. Và một chiếc ô tô con màu xám đang đỗ, bên trong không có người. Tôi lại gần chiếc xe, vặn nắm đấm cửa, cửa xe mở ra. Tôi bảo vợ:

— Mau lên, tiện quá này, đặt con lên ghế sau đi.

Cô nghe theo, đặt đứa bé vào trong xe, còn tôi đóng cửa xe lại. Tất cả chúng tôi chỉ làm trong nháy mắt, không có ai trông thấy. Thế rồi, tôi cầm lấy tay cô, cả hai chạy ào về phía trước quảng trường Quyrinalê (Cung điện hoàng gia cũ, nay là nơi chính phủ Ý đóng trụ sở) sáng một vài cây đèn, và đằng sau cung điện đêm đêm là những ngọn đèn thành phố của Rôma. Vợ

tôi lại gần đài phun nước cạnh tượng đài, ngồi xuống một cái ghế đá, nét mặt buồn bã, rồi quay mặt đi khỏi tôi, bỗng khóc lên hu hu.

Tôi nói:

— Gì mà em khóc dữ thế?

— Bây giờ em bỏ nó đi rồi, em thấy trống trải quá, em thấy thiếu đi ở đây này, nơi ngực em mà nó vẫn nằm, em vẫn bế nó.

Tôi nói:

— Anh hiểu, tất nhiên... Nhưng rồi sẽ qua đi thôi.

Cô nhún vai và vẫn tiếp tục khóc. Rồi bỗng nhiên nước mắt cô chợt khô đi như mặt cầu sau cơn mưa, gió thổi. Cô vùng dậy kêu toáng lên như người điên tay chỉ về phía cung điện hoàng gia cũ:

— Tôi sẽ đến đấy, gặp vua, sẽ kể hết cho vua nghe!

— Dừng lại! — tôi quát, giữ lấy tay cô, — Cô điên rồi sao?... Cô không biết là đã từ lâu không có vua sao?

— Có vua hay không có vua cũng được. Tôi sẽ nói cho người nào đang ngồi đấy biết. Phải có ai đó ở trong ấy chứ?

Cô lao về phía cửa cung điện, và chắc hẳn đã làm om sòm lên nếu như tôi không kịp thời hét to:

— Này, anh nghĩ lại rồi, hay là thế này... Ta quay lại ô tô lấy con đi... Thôi cứ để nó lại mà nuôi, chẳng nào chả thế — thêm một đứa, bớt một đứa, có vấn đề gì đâu.

Cái ý nghĩ ấy mà rõ ràng là vẫn quanh quẩn ở trong óc cô, lập tức lẫn át mất ý nghĩ về vua.

— Liệu con nó có còn ở đấy không? — cô hỏi và lao nhanh về phía phố kia.

— Làm gì chẳng còn, — tôi nói, — chưa đầy năm phút mà.

Thật thế, chiếc xe vẫn còn đỗ ở đó. Nhưng đúng vào lúc vợ tôi mở cửa xe ra, thì từ trong nhà, một người đàn ông trung niên, thấp, béo tốt, hồng hào chạy ra, quát:

— Này, này! Bà làm gì ở trong xe tôi đấy?

— Tôi lấy cái này của tôi, — vợ tôi trả lời, không hề ngoái lại, chỉ hơi khom khom người để bế đứa bé từ ghế xe ra.

Nhưng người đàn ông vẫn làm căng:

— Bà lấy cái gì ở đây đây? Đây là xe của tôi... có hiểu không? Xe của tôi!

Ôi chao, phải trông thấy vợ tôi khi ấy mới được! Cô dướn thẳng người lên, cho anh ta một tràng:

— Ai người ta thềm lấy cái gì của nhà ông? Đừng lo, không ai lấy gì của ông cả đâu. Còn tôi thì tôi nhõ toẹt vào xe của nhà ông, tôi thềm vào... Đây này.

Và cô nhõ toẹt vào cửa xe thật.

— Thế cái bọc này là cái gì?... — người đàn ông đã hơi bị lúng túng.

— Đây không phải là cái bọc gì... mà là con trai tôi... Ông xem này.

Cô mở mảnh tã che mặt đứa bé, đưa ra cho ông ta xem rồi lại tiếp:

— Ông với vợ ông cả đời cũng chả đẻ được đứa trẻ xinh như thế này... đừng hòng giữ tôi lại mà làm rầy rà, chả có tôi đi gọi cảnh sát báo là ông định đánh cắp con tôi cho mà xem.

Nói tóm lại là cô đã cho ông ta một thôi một hồi, đến nỗi ông ta chỉ còn biết há hốc miệng ra và tức đỏ mặt. Cuối cùng thì vợ tôi cũng thôi, quay ra và đuổi kịp tôi ở ngã ba.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

14 — Cô Gái Điểm Mệt Mỏi

Anh ta dùng vai đóng sập cánh cửa lại rồi vừa nhìn chăm chăm về phía cô tình nhân vừa thông thả đi vào phòng. Trên đường đi tới đây, anh ta cố hình dung ra Maria Têrêza da nhọt nhọt, vú trể, bụng xệ đi rung rung, và bộ móng đầy phè. Tóm lại là một Maria Têrêza bắt đầu hết thời, không có gì đáng tiếc nếu phải bỏ đi lúc này, khi mà anh ta không còn tiền để nuôi cô ta nữa. Trong khi anh ta hai tay rút túi quần không còn một xu, chán nản đi trên phố, cái hình ảnh được trí tưởng tượng ác độc của anh ta thêu dệt về người tình nhân tàn héo ấy đem lại cho anh thêm quyết tâm.

A

Nhưng lúc này, ngồi trên chiếc đi-văng êm trong phòng khách, tay choàng qua người cô tình nhân đang ngồi trên lòng, anh hiểu ra rằng cái bức tranh do anh tự vẽ ra ấy chỉ nhằm mục đích làm cho anh dễ từ giã với người tình hơn. Trong khoảnh khắc, sự ác cảm đối với thân thể cô mà anh ta cố hình dung một cách ác độc là nhẽo và mất dáng, và quan trọng nhất là quyết tâm đoạn tuyệt một cách lạnh lùng với cô, đột nhiên biến mất. Mà anh ta thì đã chuẩn bị từ trước tất cả: “Maria Têrêza ạ, anh đến đây để nói với em rằng...”. Và cũng như trước, lần này anh ta lại muốn; anh ta cứ nhìn mãi, nhìn mãi khuôn mặt nghiêm nghị với những đường nét mảnh dẻ của cô, và thấy rằng mình đã nhầm... Khuôn mặt ấy không hề có nét gì của sự mệt mỏi, húp híp. Maria Têrêza quấn khăn mặt quanh đầu, khuôn mặt hình trái xoan hơi dài của cô hơi ửng đỏ. Cô vừa tắm xong, đang khoác lên người một cái áo choàng ướt vì bị thấm nước, y như cái áo khoác lên người

một lực sĩ đánh bốc sau trận giao chiến... Nét mặt hiền hòa của cô rạng lên một vẻ đắc thắng kín đáo... Rõ ràng cô không e thẹn về sự lố lờ của mình, cũng không sợ tạo một ấn tượng bất lợi cho mình. (Chiếc áo choàng tụt xuống khỏi vai, nhưng cô cũng không sửa lại. Đầu hơi cúi xuống, cô hút một điếu thuốc lá và không ngờ gì về những ý định đáng thương của anh cố tình hình dung ra cô như một bà già còn xuân). Sự trơ trẽn, không hề cảm thấy e thẹn là gì ấy của cô dường như muốn nói rằng năm tháng cũng bất lực trước một thân thể chứa đựng ngàn ấy ngọc ngà và từng được biết bao người yêu chuộng. Cô ít giống với cái hình ảnh do anh cố tình tạo nên đến nỗi anh chợt cảm thấy mình thật là bất hạnh. “Mình bên cạnh cô ta lần này là lần chót”, — thốt nhiên anh nghĩ một cách buồn rầu và khao khát ôm chặt vào lòng tấm thân ngoan ngoãn của cô.

Mặc dù không tự nhận với lòng như vậy, nhưng chắc hẳn anh sẽ còn yêu cô hơn, tha thiết hơn nhiều đồng thời thương hại hơn nhiều (em già đi rồi, Maria Têrêza tội nghiệp của anh ạ, nhưng em còn có anh), nếu anh cảm thấy dưới bàn tay mình một làn da nhăn nheo, dúm dỏ hơn.

Bấy giờ anh sẽ dồn cả tình yêu của mình cho người phụ nữ bất hạnh mà anh ôm trong lòng và ghì vào ngực một cách hơi khó chịu. Và thật thế, bộ ngực lép mà mỗi một hơi thở lại dường như muốn lấy lại sự nở nang ngày trước, cái mông mềm mại đang đề lên đùi của anh ta, cái lưng rộng, lẳn lẳn thịt — tất cả đều xác nhận rằng đối với Maria Têrêza, những tháng năm đẹp nhất đã qua rồi, sắc đẹp và tuổi trẻ của em đã đến lúc tàn rồi — anh nhìn cô và nghĩ. Nhưng chỉ cần dứt cái nhìn ra khỏi thân hình mềm nhẽo của cô là anh thấy rõ trong tranh tối tranh sáng khuôn mặt sắc nét, nghiêm nghị, có điểm những vết ửng hồng của cô... Lúc ấy anh không tin vào mắt mình nữa và lại bỗng cảm thấy một cơn giận ngốc ngếch, trẻ con khi nghĩ rằng sẽ phải trao lại cho những người tình nhân khác một người phụ nữ còn rất đáng mong muốn này... Mọi mệt, thất vọng, anh khẽ đẩy cô ra và bảo:

— Thôi. Mặc quần áo vào đi.

Cô đứng ngay dậy và bằng một động tác rất kịch tính, hất tung tấm áo choàng ra như đó là tấm áo bào của nữ hoàng.

— Không, em sẽ không mặc, — cô đáp, đoạn nói chậm lại. Tối nay chúng ta ăn tối ở nhà... Rồi thì...rồi... em sẽ có một tin mới để báo với anh. Cô mỉm cười và cảm thấy như mừng vui trước về một điều gì đấy. Nụ cười hơi ngượng nghịu, nhưng đồng thời lại có vẻ thâm trầm, như là cô đi trước anh một bước, cho anh “nghĩ” trước. Anh không tìm được, vội hỏi với giọng lo âu xem chuyện gì đã xảy ra với cô vậy. Sau khi do dự một lúc, cô trả lời rằng cô đang đợi một cú điện thoại cực kỳ quan trọng.

“Chỉ có thể thôi ư” — anh thở phào, nghĩ, như thể đúng thực là anh đã hoảng hốt rằng người tình mà anh quyết định bỏ sẽ từ già anh trước.

“Thế cái người sẽ phải gọi điện thoại cho em là ai?” Im lặng một lúc anh hỏi. “Một người đàn ông đã từng có thời rất yêu em” — Maria Têrêza không trả lời ngay. “Bao giờ?”. “Nhiều năm về trước”. Và cô cho biết thêm là hôm qua hai người tình cờ gặp nhau ngoài đường, nhận ra nhau và nhắc lại chuyện cũ. Cô được biết rằng ông ta rất giàu có, do được thừa hưởng gia sản hay do tự mình làm nên, cô không được rõ lắm. Nhưng anh đã không còn nghe cô kể nữa, vì bị chi phối bởi một sự ghen tuông dữ dội và vô nghĩa. Nghĩa là anh nghĩ, đã từng có một cô Maria khác, một thiếu nữ trẻ, e thẹn, không có cái nụ cười mệt mỏi này trên môi, cái áo choàng này trên người, và những người khác đã yêu cô trước anh từ lâu!

Anh bỗng giật mình, nghe tiếng cửa đóng sập: Maria Têrêza ra khỏi phòng. Anh ngồi bàng hoàng chừng mười phút, mười phút ấy là mười phút chờ đợi nặng nề, khắc khoải.

Cuối cùng cô đã quay lại, bưng vào một khay nước chè... Trong lúc cô đặt tách chén và bỏ bánh quy ra bàn, anh không hề nói năng nửa lời. Anh lặng im, mắt vẫn không rời cô và vô tình mỉm cười, cảm thấy vụt lên trong lòng một tình cảm trù mến do chỗ cô đã làm tất cả mọi việc một cách chu đáo, cẩn thận — không phải là một cô nhân tình nhân ái, mà là một người nội trợ đảm đang. Cô hỏi anh thích pha mấy thìa đường, và anh bỗng cảm thấy rất muốn ôm chầm lấy cô. Nhưng anh chỉ đáp:

— Hai thìa, em ạ, hai thìa!

Nước chè đặc, nóng, làm già cái lạnh siết chặt quanh người anh. Anh nhai bánh mì rán và uống nước chè từng ngụm to, mắt không rời Maria

Têrêza đang cúi xuống bên ấm nước chè bốc hơi nghi ngút... Anh và cô tiếp tục im lặng, và cũng giống như những giọt nước trên tấm áo choàng thấm ướt mỗi lúc một bay hơi đi, trước sức nóng của bếp lò, cơn bực mình của anh cũng dần dần tan biến.

Khi hai người uống chè xong, thì trời đã tối hẳn. Nhưng họ vẫn ngồi im lặng trong cảnh tranh tối tranh sáng xam xám, với những cái cốc không trước mặt. Rồi Maria Têrêza đứng dậy, châm đèn và chuyển sang ngồi bên cạnh điện thoại mà từ đó, như từ trong cái mồm đen ngòm của con nhân mã, sẽ vọng ra giọng nói thời thanh xuân của cô.

Anh cũng đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng. Góc phòng có một cái tủ đứng, anh rút một ngăn kéo ra, lơ đãng nhìn vào. Trong ngăn kéo là một tập ảnh lộn xộn như những quân bài sau khi hết ván, khi mọi thứ đã được tính toán, xong xuôi. Tỏ ra thích thú, anh ngồi xuống bên cạnh.

— Này, nhìn này, xem này: bao nhiêu là người đàn ông đã đi trước anh, — anh cầm tập ảnh đã ố vàng lên, nói, mắt ngược nhìn Maria Têrêza.

Lặng im, không hề tỏ ra là cô khó chịu với sự thô bạo đó, Maria Têrêza tiếp tục nhìn anh một cách bình tĩnh, thờ ơ làm anh đau đớn chẳng kém gì bị mũi dao chọc vào vết thương còn mới. “VẬY mà, lẽ ra cô ấy không được tỏ ra hoàn toàn bình thản như vậy” — anh bực dọc nghĩ bụng. Người khác ở địa vị cô đã giăng những tấm ảnh khỏi tay anh, vội vã cất vào ngăn kéo. Bởi vì tất cả những khuôn mặt nhợt nhạt ấy đang nhìn cô như những anh tù bị giam trong ngục tối, nay được ra ánh sáng. Cô muốn chôn giấu tất cả trong cái tủ này và trong ký ức, nhưng không được. Giờ đây, đối với Maria Têrêza, những anh chàng chết trôi sống lại đó gắn liền với những năm họ đã từng ở bên cạnh thân thể trẻ trung của cô. Tất cả — những năm đã qua và những người đàn ông ấy — bây giờ đang nằm trên tay anh và kết tội cô, Maria Têrêza. Tội gì? Tội cô đã không còn như xưa. Các quan tòa và nhân chứng đã có mặt, có thể bắt đầu xử được rồi.

Bị cáo, cô có nhận ra người này không? Ngày ấy, khi cô gặp anh ta, cô mới mười tám tuổi. Mái tóc quăn thành làn sóng của cô chải cao bên trên trán, cổ còn đứng của chiếc áo ôm khít lấy cổ và cằm, bộ ngực trẻ trung, xinh đẹp bó chặt và gọn trong chiếc coóc-xê, thậm chí qua rất nhiều viền

đăng-ten của chiếc áo mỏng của cô vẫn để lộ ra vẻ hồng hào, sung túc. Mông cô rung rung, đánh qua đánh lại dưới những nếp váy. Dáng đi cô nhanh nhẹn và rắn rỏi, những con mắt lơ đãng trên không nhìn quá lên phía trên đôi giày cao cổ của cô. Trong khi đó, trong các tiệm cà phê đặc khổi, dưới điệu nhạc buồn buồn và nao người, các vũ nữ vung những cặp chân đi tất đen lên đến tận trán. Và khi ấy, cảm thấy rõ ràng rằng những đường viền đăng-ten dày, trắng bóc cũng không tài nào che đậy được cái đẹp của đôi chân quấn những dải băng đỏ ở sát hông. Mười tám tuổi! Má cô lúc bấy giờ còn chưa biết đến những nốt ửng đỏ, má chỉ hồng lên vì e thẹn. Cặp môi căng mọng còn chưa đánh son, nhưng vẫn đỏ, quyến rũ các chàng trai. Đôi mắt vô tư còn chưa biết đến atropin (một loại thuốc làm giãn đồng tử) và lông mi giả, chỉ có những quầng tối bên dưới mắt để lộ ra ngoài nét mệt mỏi đầu tiên của sự yêu đương... Với người đàn ông này, cô đã nhảy điệu van cuối cùng và bài tăng-gô đầu tiên. Thế còn với người này? Và người này nữa?

Anh cầm lên mấy bức ảnh và lần lượt giơ ra cho Maria Têrêza, hỏi cô tên người và năm. Anh ta hành động lúc này như thể trước mặt anh ta là một bị cáo không chịu thú tội, cần phải đưa ra những tang vật để buộc tội. Và Maria Têrêza, đúng như một kẻ tội phạm không muốn thú tội, nhìn chăm chăm vào những khuôn mặt đã phai màu thời gian, đã quên rồi và lần lượt nói từng tên một bằng một giọng chán chường và buồn tẻ. Đây là B., một diễn viên sân khấu, bây giờ làm nghề đóng phim, kia là một bá tước đã chết trong chiến tranh, còn đây là một chủ nhà băng không biết đã phá sản hay chết rồi, không rõ. Sau cùng anh rút từ trong tập ra ảnh một người đàn ông phì nộn, mi mắt sùm sụp, mặc áo đuôi tôm. Thế còn đây là ai? Một người bồi bàn?

Trên khuôn mặt lãnh đạm, hờ hững của cô giờ mới thấy hiện lên một thoáng bồi hồi.

— Đây là một nhà tư bản ở Milan, — cô trả lời, vẻ luyện tiếc. Giàu nhất trong số đó. Và nhìn về phía xa một cách mơ mộng, cô nói thêm:

— Ông ta tặng tôi một tòa biệt thự đẹp, hai tầng, có vườn... Cô mơ màng nhìn trước mặt, như trông thấy những đường nét, hình thù mỗi lúc

một rở của tòa biệt thự cũ — Vâng, vâng, nếu tôi biết giữ gìn tất cả những gì người ta đã tặng tôi, bây giờ tôi đã giàu có lắm, — cô nói như tự nói một mình sau khi im lặng một lát.

Anh không nói gì với cô cả... Những lời tiếc nuối sự giàu có đã mất đi đó anh cảm thấy thật là kinh khủng. “Cả đời chỉ biết tiêu vung cho những khoái lạc, — anh nghĩ, — chỉ tiếc mỗi một điều là đã thiển cận và keo cú”. Đột nhiên cô đứng dậy, kêu “Rét quá”, và co ro đi lại gần bếp lò, cúi lom khom bên bếp.

Phiên tòa kết thúc. Bị cáo, cô có muốn nói thêm gì nữa không? Không. Vậy thì hãy đi ra đi. Cô bị xử án, phải, bị xử án phải chịu sự già nua khắc nghiệt với da mặt nhăn nheo, tóc bạc, những nhiệt tình và lạc thú tàn héo và những ký ức phôi phai. Tất cả đối với cô thế là hết: biệt thự, những tình nhân, những cuộc hội hè, những bộ quần áo mới và những nụ cười. Cô sẽ bị ngập trong đồng tro tàn của quá khứ, Maria Têrêza ạ, như con tàu chìm đắm trong đêm.

Anh lại lục tìm trong ngăn kéo. Có những cái ảnh Nhật trơ trên một cách tự nhiên do đó mà sự trơ trên ấy trở thành một thứ chuẩn mực bình thường, những bức ảnh khỏa thân loại thường thấy bán ở các bến cảng và những chỗ kín đáo ở ngoại ô các thành phố lớn, những tấm bưu thiếp màu đã cũ có hình những đường phố và quảng trường ở Pari, Beclin, Viên, Pêtecbuga, ảnh của rất nhiều người mà năm tháng qua đi đã hóa điên, phá sản, mất tích hoặc bị giết hại. Còn trong ảnh, trông họ còn trẻ, đầy sức sống, họ đang đi dạo trên đường phố, đội mũ, che ô, hoặc đi xe hai ngựa. Và cuối cùng, trong ngăn kéo có một tập thư tình viết bằng nét chữ nắn nót, cầu kỳ và bằng một thứ mực gì mờ nhạt rất lạ, tập thư được gói bằng một sợi băng vải cũng đã phai màu.

Đối với những di vật ấy, anh chỉ liếc qua, còn khẩu súng lục, nhỏ xíu thì anh rút khỏi ngăn kéo, cầm trên tay.

— Còn cái này của cô dùng để làm gì? Anh hỏi.

— Để tự vệ, — cô đáp không do dự, từ từ quay đầu sang bên tránh nòng súng mà anh dí đưa vào thái dương cô. — Hơn nữa, em tin chắc rằng em sẽ

chết không phải vì già, — cô nói thêm, với một vẻ phẫn khởi cam chịu số phận.

Trong giọng nói của cô có một sự tin tưởng chắc chắn. Rõ là cô, con người đi tìm kiếm các cuộc phiêu lưu nay đã mệt mỏi, thất vọng, muốn chết như những nữ nhân vật của các vở bi kịch hiện đại. Cô chỉ còn lại cái đó: chết, như trong các tiểu thuyết trinh thám: một phòng ở một khách sạn hạng ba, rạng sáng, bàn ghế đồ liếng xiêng, chăn gối không gập, lỗ chỗ những giọt máu, mùi nước hoa và mùi ngọt ngọt qua đêm, những vết tay, một cái chết cưỡng bức. Sau đó là những dòng tin ngắn trên báo. Một kết cục như thế chờ đợi cô.

Trong lúc kể những điều đó, Maria Têrêza đang nhìn người tình chuyển sang nhìn khẩu súng lục, và cặp mắt long lanh, quyến rũ của cô tưởng như muốn cảm dỗ cả bản thân cái chết... Cuối cùng cô thôi không nói về mình nữa mà kể một câu chuyện về một người bạn gái của cô cách đây hai năm bị giết chết trong một tình huống rất bí ẩn.

Cô cúi thấp đầu, nhìn xuống chân, rồi thở dài thườn thượt, nói bằng một giọng sầu não:

— Em nữa rồi cũng sẽ phải chịu một số phận như vậy.

— Nghĩ gì lạ vậy, Maritê! — Anh thốt lên và, đút khẩu súng vào trong ngăn tủ, ngồi xuống cạnh cô, khoác tay ngang người cô. Không, anh nói, cố an ủi cô nhưng lại xói vào lòng cô một cách sâu cay hơn, cô sẽ chết không phải một cái chết cưỡng bức, mà sẽ chết trên giường bệnh của mình, già nua, cô quạnh. Chẳng cần tự lừa dối làm gì, cô không phải là người phụ nữ bạc mệnh, những người đàn bà bạc mệnh thời nay không có, có chăng chỉ còn gặp ở trong phim. Anh tìm cách xúc phạm cô bằng những lời lẽ ác độc và định ôm lấy cô, nhưng cô cố gắng giấu nổi tức giận, cương quyết gạt anh ra.

— Bây giờ anh lại còn nói những điều nhảm nhí, — cô nói rít quan kể rằng.

Cô đứng dậy, lấy ở trong tủ ra một chai cô-nhắc và một cái chén.

— Phải, phải, già nua và cô độc, — anh cố tình nhắc lại.

Đáp lại, cô chỉ bình tĩnh nhún vai, nheo mắt cho khói từ điều thuốc lá dính chặt vào môi cô khói bay vào mắt, và mở chai rượu ra, tự rót lấy một chén, uống. Đúng lúc ấy có tiếng chuông điện thoại nhỏ và thanh.

Maria Têrêza thông thả đặt chén rượu xuống và nhắc ống nghe lên.

— Ai đấy? — Cô lập tức hỏi và liền thất vọng: “À, thư ký của ông ta à. — Sau đó cô im bật và nghe một cách lơ đãng, lo lắng như đang suy nghĩ để tìm những lý lẽ để thuyết phục. — Có nghĩa là tôi không thể gặp ông ta trực tiếp để nói chuyện được ư? — Cuối cùng cô hỏi. — Thậm chí chỉ một lúc, một phút thôi cũng không được à? — Nhưng, hình như người thư ký đã bỏ máy xuống. Chỉ một phút thôi mà. — Và cô từ từ hạ ống nghe, tư lự nhìn về phía trước mặt.

— Thế nào, đã đạt được cái mà cô muốn chưa? Anh hỏi.

Maria Têrêza rùng mình và ngỡ ngàng nhìn anh như mới gặp lần đầu, nhưng không trả lời gì cả. Trong chén còn lại một ít rượu, Maria Têrêza uống nốt và nhìn xuống đáy chén, nói: “Phải làm cái gì ăn tối mới được”, — và đứng dậy. Cả hai người, đầu tiên là cô, sau đến anh, ra khỏi căn phòng nồng nặc khói thuốc lá.

Trong hành lang tối, anh ôm lấy vai cô, siết chặt vào mình và hôn cô. Anh cảm thấy người cô như tan ra một chút và cô trả lại cho anh cái hôn nếu không phải với tình yêu mến thì cũng là với sự dịu dàng, như một con người đang cần được an ủi tìm đến những cử chỉ mà mình quen thuộc nhất. Anh thậm chí cảm thấy rằng người cô run run. Nhưng khi họ xuống bếp và cô cúi xuống châm bếp, khuôn mặt cô thể hiện một vẻ bình thường, tư lự và nghiêm khắc.

Lần đầu tiên họ ăn tối ở nhà, và anh, vốn không biết tài nấu nướng của Maria Têrêza, đành nhìn rằng sẽ được ăn một bữa ăn lạnh lẽo với những món đồ nguội mua ở cửa hàng. Thật ngạc nhiên, anh thấy Maria Têrêza xắn tay áo nấu ăn. Hình như là ở cái bếp này không nấu nướng gì bao giờ. Tường lát đá hoa trắng không có chỗ nào bị ố và rạn, bếp lò bên dưới chưa từng biết đến ngọn lửa là gì. Không có ai lấy muối, đường, hạt tiêu, ớt hạt cải từ những cái lọ sứ đặt thành hàng trên giá; và những xoong, nồi, sanh, chảo bằng đồng... nhôm còn bóng loáng treo trên những cái móc như mũ

treo trên mắc áo. Bếp sạch bong và lạnh lẽo. Đây là một cái bếp lý tưởng có thể đem triển lãm ở các cửa hàng đồ dùng gia đình. Chỉ còn thiếu mỗi người máy nấu ăn với khuôn mặt bất động di chuyển những bước nhỏ tí từ chỗ này sang chỗ khác.

Maria Têrêza tối hôm ấy sửa soạn bữa ăn tối một cách bình tĩnh, bằng những động tác thành thục, tự tin của người nội trợ. Một món súp rau thái nhỏ, bí tết rán, khoai tây, và tráng miệng là món bánh kem sôcôla mà cô làm từ sáng để tủ lạnh. Ngồi sau bàn, anh lơ đãng nhìn Maria Têrêza, nét mặt tập trung, nghiêm túc hồi hả đi từ bếp này sang bếp kia. Cô nhón mấy hạt muối bỏ vào nồi canh, rồi lấy thìa gỗ múc đưa lên miệng nếm thử, thử bằng chính đôi môi bôi son mà mấy phút trước vừa quyện chặt lấy môi anh ở hành lang. Trong lúc cô nấu bếp, cái áo choàng buộc hồ thỉnh thoảng lại tung ra. Anh nhìn người phụ nữ trần truồng khoác mỗi chiếc áo trên người ấy cúi xuống bên các nồi, một tay cầm thìa, một tay cầm đĩa, dí ngực vào luồng hơi bốc lên nghi ngút, những vệt sáng hồng từ cái bếp đang cháy dội lên bụng cô. Ngọn đèn chiếu sáng khoảng giữa phòng, còn những viên gạch lát nền dường như thu về mọi tia sáng phản chiếu. Căn phòng như một cái hộp vuông màu trắng có hai người yêu ở trong giống như hai cái xác chết được giữ nguyên vẹn trong một tảng băng. Maria Têrêza đến và đi, còn anh vẫn ngồi sau bàn và không rời mắt khỏi cô. Anh sửng sốt và thậm chí cảm thấy bị xúc phạm. Từng lúc, anh nhìn xuống sàn nhà với những ô gạch hình quân cờ. Và anh thoáng có ý nghĩ rằng trên cái bàn cờ này, anh đã đánh mất quân nữ hoàng có khuôn mặt đẹp nghiêm nghị. Anh không phải là người đưa thư hay bác gác cổng để có thể tự rót rượu vào cốc mình cười vui và đặt bà nấu bếp mặc tạp dề trắng, tay cầm thìa nấu ngồi lên lòng. Không, đây không phải là người phụ nữ mà anh yêu. Nhưng Maria Têrêza bỗng ngồi vào bàn và không quên tự khoe tài nghệ nấu ăn của mình.

Họ ngồi ăn, không nhìn nhau và hoàn toàn im lặng. Cứ xem cô nấu ăn, thì có thể nghĩ rằng cô chỉ chuyên nấu nướng chứ không làm gì khác, rốt cuộc anh nói:

— Có việc gì mà em chưa làm trong đời! — Maria Têrêza đáp bằng một giọng trầm, sâu, đầu không ngẩng lên. Ngực áo choàng ngoài của cô lại bị

tung ra. Với mỗi một cử động của cô, hai vú lại động đậy như một con thú con có cuộc sống riêng của nó.

Lại một lúc lâu im lặng.

— Em đã nói với anh rằng cái ông mà lúc nãy em gọi điện ấy, trước kia đã từng có thời say em lắm, — cuối cùng cô nói, lấy khăn lau mồm rồi đặt khăn lên trên hai đầu gối để trần. — Nói đúng ra, ông ta đã là người đầu tiên... lúc ấy em mới mười sáu tuổi.

Đến đây anh lại cảm thấy một nỗi ghen tuông âm thầm, lần này có xen lẫn với một tình cảm thương hại sâu xa nhói lên. Vậy là, điều đó dù sao cũng là sự thật. Maria Têrêza mười sáu tuổi, và cô đã biết đến cái thời kỳ nở hoa của tuổi thanh niên: đã cười, đã khóc, đã nhảy, đã yêu, đã sung sướng, tận hưởng tuổi trẻ của mình. Còn lúc này cô đang thu dọn những mẩu bánh mì bằng những ngón tay run rẩy và trông cô có vẻ mệt mỏi.

— Ông ta giàu không thể tả được, — cô nói thêm, — nhưng từ chối không cho em thậm chí một số tiền ít ỏi mà em hỏi xin.

Anh nhìn cô và cảm thấy rằng anh phải lấy làm buồn, đúng như một tai họa đã xảy ra, có điều không biết là tai họa gì.

— Thế có nghĩa là em cần tiền à? — Im lặng một lát, anh âu yếm hỏi.

Cô phá lên cười, cười to giọng khàn khàn, khinh bỉ.

— Em cần tiền à? — Cô nhắc lại và cười to. — Tất nhiên là cần... cần quá đi chứ!

— Nhưng để làm gì? — Anh gặng hỏi. — Để mua quần áo, để đi du lịch?

Cô lắc đầu: không, cô cần tiền để đi khỏi thành phố đến một nơi nào đó sống giữa thiên nhiên. Cô đã mệt mỏi phải sống cuộc sống hỗn độn này, giữa hàng đồng người rồi. Cô muốn ở hẳn ở một thành phố nhỏ hoặc thị trấn, chẳng hạn như nơi cô sinh ra, sống một mình, trong một căn nhà nhỏ có vườn. Cô cúi đầu, lấy má quạt ngang vai trần.

Nghe đến tiếng “vườn” anh cắt ngang cô và mỉm cười ngờ vực: Vườn à? Thế thì có cả hoa nữa chứ? Vâng, cô trả lời, có cả hoa, thế sao?

— Không, không sao cả, — anh nói, đoạn đứng dậy, đi đi lại lại trong bếp.

— Nhưng một khi ông ấy không muốn cho em tiền, thì thôi, đành chịu không có tiền vậy, — cô kết luận bằng một giọng run run và vang.

Bữa ăn đã xong. Maria Têrêza cũng đứng dậy, thu dọn bát đĩa, thả vào chậu sứ kêu loảng xoảng... Anh đứng, buồn rầu nhìn người yêu, còn cô bẻ một cành lá nhỏ xia răng và nhìn dòng nước làm trôi khỏi đĩa những mẫu thức ăn thừa.

Sau đó, đã khuya, anh chợt thấy cô nằm quay mặt vào tường, áp người về phía tủ như để chuẩn bị ngủ. Anh chúc cô những giấc mơ đẹp và đứng dậy, định ra về. Cô đã thuộc về anh hơn hai tháng, và bây giờ, khi anh đã hết cả tiền, anh chỉ còn có cách là chia tay với cô. Nhưng đúng lúc anh bỏ tay và rút chân ra khỏi chần, anh bỗng nhận thấy là cô khóc. Cô không nằm co lưng nữa mà nằm ngửa, như một cô bé bé bỏng hồn dỗi, lấy tay che mắt. Bóng tối không cho anh nhìn thấy rõ nước mắt, nhưng một vệt sáng dọi lên khóe miệng rung rọng nhăn nhó vì đau đớn. Cô khóc không có tiếng, đều đều và dịu êm, và nước mắt chảy giàn giụa như máu chảy từ thân thể một người bị tử thương.

Anh nhìn cô, rồi gỡ tay cô ra khỏi mắt, hỏi cô làm sao vậy. Không làm sao cả, cô trả lời, cô hoàn toàn không làm sao cả, cô chỉ nghĩ lại về cuộc nói chuyện điện thoại ban tối. Cô gục đầu xuống vai, bằng một động tác của người yếu đuối, suy sụp phục tùng số phận, và bướng bỉnh nhắc lại:

— Không sao, hoàn toàn không có gì xảy ra cả. — Nhưng một giây sau, nhắm mắt lại như nhìn thấy mình đang đứng ở góc phố giờ tay xin tiền bố thí, cô nói thêm: — Nhưng dù sao cũng thật là chua chát, lần đầu tiên trong đời phải ngửa tay xin xỏ để mà sống.

Anh không biết trả lời cô thế nào. Anh nhìn lên khuôn mặt cô đã lại trở nên nghiêm nghị, đanh sắc như tạc bằng đồng, nhìn đôi mắt nhắm như đang gọi giấc mơ, nhìn bờ vai đầy, trắng, che phủ bởi mấy đọn tóc ngắn sau gáy... Anh tưởng như cô vừa rồi không hề nói gì cả, anh không tin vào mắt mình và tai mình, anh muốn lại nhìn thấy nét nhăn đau đớn, nghe tiếng khóc của cô. Anh nhìn cô, và cảm thấy rằng mình nhìn thấy khuôn mặt của chính cuộc đời trong khoảnh khắc thoát lên tiếng nói, để lộ ra mình, còn bây giờ lại câm lặng và ngưng đọng.

Anh nhìn cô một lúc. Sau đó, uể oải đứng dậy, đi vào buồng tắm, mặc quần áo rồi rón rén trở vào phòng.

— Anh đi đây, Maritê, chào em, — anh nói to.

— Chào anh, cô đáp, mắt vẫn nhắm nghiền.

Anh bước ra khỏi phòng ngủ, ra hành lang và xuống cầu thang. Đến trước cổng tòa nhà anh dừng lại, do dự, lắng nghe tiếng chuông nhà thờ gần đây đây vang trên những đường phố vắng. “Mười rưỡi, — anh nghĩ thầm, — còn có thời gian để kịp xem xi-nê”. Anh thấy thú vị, thậm chí khoái trá với cái ý định đó, mà tự mình không biết rõ lý do. Giờ đây anh cảm thấy một nhu cầu khao khát chạy mau vào ngồi trong phòng tối, xem những thiên tình sử và phong cảnh những miền đất xa xôi. “Quý tha ma bắt, kệ xác cái cô Maria Têrêza này”, — anh nghĩ và cố nén một nỗi buồn sâu lắng chốc chốc cứ nhói lên, anh đóng cổng lại và rảo bước đi về phía trung tâm thành phố.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

15 — ĐỒ GỖ

Tháng Mười, sau khi quay xong bộ phim trong đó tôi lồng tiếng một vai, tôi quyết định nghỉ lại ít ngày ở nhà bố mẹ. Người tôi gầy gò, tóc sáng, mắt xanh, vẻ ngoài của tôi nom vẻ quý tộc, mặc dù tôi xuất thân từ một gia đình nông dân bình thường nhất ở Măccarêzê. Ở đó, trên bìa rừng thông gần Frétgiêna có một khu nhà rộng — nơi tôi sinh ra và đến nay bố, mẹ, chị và hai em trai tôi hiện vẫn đang sống, tất cả đều là nông dân.

T

Vào một buổi sáng, đẹp trời, tôi ngồi lên xe máy và chỉ sau một giờ đã phóng trên con lộ Aurêlia trên đường đến nhà bố mẹ. Trong nhà, mọi thứ vẫn nguyên như cũ, nếu không kể bà chị đã đi lấy chồng và cái giường của tôi đã đem cho anh rể nên tôi phải nằm dưới sàn ở trong phòng ăn. Đã hai năm tôi không gặp lại những người trong gia đình, nhưng đừng vội nghĩ rằng tôi đã được mọi người ôm hôn và đón tôi với vòng tay rộng mở. Tất cả đều đã quen nghĩ rằng như vậy là trong nhà bớt đi một miệng ăn và nói chung thì ai chả biết tính người nông dân. Đáng lẽ phải mừng rỡ vì tôi về thì mọi người lại đi phàn nàn rằng mùa màng năm nay không được tốt lắm và dự trữ trong nhà khó lòng mà kéo được đến sang xuân. Cả đến mẹ tôi khi ôm hôn tôi cũng nói:

— Mà nhất định phải ở đây với bố mẹ một tháng nhé...

Tôi hiểu rằng một tháng — đó là hạn tối đa, mẹ nói thế có nghĩa là “không quá một tháng”, nên tôi vội nói để cả nhà yên tâm, rằng tôi sẽ chỉ ở chơi chừng một, hai tuần. Câu trả lời của tôi làm mọi người yên lòng ngay,

và thái độ đối với tôi khác hẳn. Còn bà chị — chuyên môn đãi bôi — cố gượng bảo:

— Cậu chỉ ở chơi ít thế thôi à?

Tôi còn giả vờ khéo hơn, làm ra vẻ tin những lời bà nói là thật lòng.

Lý do thật sự khiến tôi về đây không phải là sự nhớ nhà mà tôi đã quen từ lâu, hay nhớ cảnh đồng quê mà tôi khó chịu đến phát ghét, mà là cô Glôria, diễn viên đóng vai phụ cùng với tôi ở Chinê — chita. Glôria là một cô gái to cao, khỏe mạnh, tóc đen và mắt xanh lơ. Điểm yếu duy nhất của cô là cái mũi hơi to và đỏ như màu da anh chàng nghiện rượu. Nhưng cô không phải nghiện rượu, tự nhiên mũi cô như thế thôi.

Có một thời tôi tán tỉnh cô, nhưng sau đó cô thôi không đến nơi hẹn gặp với tôi nữa vì, như cô tuyên bố, tôi không có địa vị. Biết nói thế nào về điều này nhỉ? Địa vị thì tôi có chứ: tôi làm ở ngành điện ảnh; nhưng cô không cho đó là địa vị. Chịu khó lắng nghe thì thấy: theo cô, có địa vị, về thực chất, nghĩa là có tiền để mà có thể sống sung sướng không cần gì địa vị. Khi chia tay nhau, tôi nói với cô:

— Nào, chúng ta thống nhất với nhau nhé: cô cho rằng địa vị là tiền chứ gì?

Cô ta đáp:

— Vâng thì đã sao? Giả sử là như thế thì anh bảo sao nào? Đến đây tôi bèn bảo:

— Còn sao nữa!... Xin chào. Hay nói đúng hơn là vĩnh biệt!

Sau đó một thời gian, tôi được biết rằng một gã Mômricôni nào đó đáng tuổi cha chú cô, nhưng giàu, đã đón cô về ở biệt thự của hắn ở Frétgiêna hoặc là vì hắn có gia đình ở Rôma, hoặc là vì hắn thích thỉnh thoảng lại ra biển chơi. Mà Măccarêzê lại ở sát ngay Frétgiêna, còn tôi thì vẫn yêu Glôria, nên tôi muốn gặp cô, chỉ để mà gặp lại nhau, thăm hỏi, xem xem bây giờ cô thấy sống thế đã bằng lòng chưa.

Buổi sáng, khi mọi người trong nhà ra đồng hết, tôi men theo con đường mòn nhỏ ra biển, dạo quanh quần dọc bờ biển. Lúc đó là tháng Mười, nhưng là một ngày tháng Mười tuyệt đẹp mà không ai nhớ nổi có ngày nào đẹp hơn thế không. Bầu trời không một gợn mây, bỗng lên trong buổi sớm,

mặt trời nhô lên trên mặt biển tươi cười và phẳng lặng như gương, bãi biển chan hòa ánh sáng, còn đằng sau bãi biển là những bụi cây xanh im phẳng phắc. Tôi vừa đi vừa nhìn những mẫu gỗ đen, những cành cây tươi, những rễ cây vàng, những vỏ ốc trắng mà sóng dồn để lại trên cát. Thỉnh thoảng tôi lại nhìn ra mặt biển vắng lặng chỉ nhấp nhô dăm ba chiếc thuyền của dân chài nghèo thả lưới xuống vùng nước gần bờ, hy vọng đánh được ít tôm cá.

Tôi không đi tìm Glôria, tôi muốn cuộc gặp gỡ diễn ra một cách tình cờ. Đôi lúc tôi ngồi trên bờ nghe sóng vỗ, những đợt sóng khi thì tràn vào khi thì rút ra tạo nên một tiếng rì rào nghe như tiếng người nhắc đi nhắc lại vẫn một lời khẳng định. Dưới nắng, tôi ngồi nghe như mê mẩn cái giọng nói ấy để cố hiểu xem nó nói gì với mình. Cứ thế, một hôm, lúc lội qua con lạch Arônê gần cách Măccarêzê với Frétgiêna, đang chăm chú nhìn xuống dưới chân để khỏi bị trượt, tôi bỗng nghe có tiếng người nói:

— Kìa Mauritiô, anh làm gì ở đây thế?

Đó là Glôria. Tôi không biết làm sao lúc này tôi không trông thấy cô, nhưng ở bãi biển thường vẫn hay thế: bãi biển không người, thế rồi đột nhiên không rõ từ đâu xuất hiện một người, y như từ dưới đất mọc lên. Glôria mặc một cái quần phẳng chật, bó chèn lấy hông khiến người ta có cảm giác sắp nứt tung, vì như tôi nói, vóc người cô đậm và chắc như một pho tượng. Nhưng cô vẫn xinh như xưa, bất kể cái mũi hơi to — cái khuyết điểm đó đối với tôi cũng có phần dễ thương, và tôi lại đam thích.

— Quả đất tròn mà...— tôi nói lạnh lùng. Cô đáp lại với vẻ tự nhiên có phần giả vờ:

— Đêm qua em nằm mơ thấy anh, lúc tỉnh dậy em nghĩ: chắc là hôm nay mình sẽ gặp anh ấy! Đấy, thế mà quả em gặp được anh rồi. Anh làm gì vậy?

— Thì cô thấy đấy.

Tôi lội qua lạch, ngồi xuống, chà xát hai chân vào cát cho khô. Cô lại gần tôi và hỏi với vẻ hơi bối rối.

— Hay là anh qua chỗ em ăn trưa đi?

— Thế còn ông ấy?

Trên mặt cô thoáng hiện một nét u ám mà lúc bấy giờ tôi chưa rõ nguyên nhân.

— Ông ấy không có ở đây đâu.

Thôi được. Chúng tôi đi men theo bờ biển về phía bãi tắm, đi hết bãi tắm rồi len lỏi giữa những dãy nhà hộp cửa đóng kín mít vào rừng thông. Ở đây vắng vẻ, những biệt thự mùa hè trống trải, những con đường mòn rợp bóng thông mát hút về phía xa. Hai chúng tôi đi theo những con đường mòn ấy, vừa đi vừa nói hết chuyện này đến chuyện khác, chẳng mấy chốc đã đến biệt thự của Glôria: một ngôi nhà nhỏ màu trắng, mái rơm thoai thoai xuống tận sát mặt đất. Nhưng bên trong thì lại hoàn toàn là một biệt thự hiện đại trang bị đủ mọi tiện nghi.

Tôi nhận ra rằng Glôria có cái gì đấy giấu tôi nhưng lại rất muốn tâm sự cùng tôi, bởi vì thấy cô khi thì thờ dài, chốc thì lại liếc nhìn tôi như muốn nói: “Em khổ ghê lắm”. Nhưng chỉ sau khi tôi tha thiết yêu cầu và gạn hỏi ghê lắm, trong lúc hai đứa nấu ăn trong bếp, cô mới kể rõ sự tình.

Đã mười ngày nay Môricôni không thấy xuất hiện, sáng nay vừa gọi điện đến báo cho cô biết là cô đừng chờ gặp lại nữa. Glôria kể rằng Môricôni buôn rượu vang, bị sạt nghiệp sau một hợp đồng nào đó vừa thất bại và bây giờ bán biệt thự này cho chủ nợ của y — một gã Côntê ở đâu đấy mà cô không biết mặt. Sau ngày hôm nay Côntê bắt đầu thực hiện quyền sở hữu biệt thự này. Tôi bèn nói ngay:

— Như vậy là anh ở đây không đúng lúc... Nếu em muốn, anh sẽ đi khỏi ngay.

Nhưng cô vội ngăn lại:

— Không, sao lại thế! Anh ở lại đây... chính lại rất là đúng lúc. Em không thể chịu nổi cái lão Côntê này nên em không muốn tiếp hấn một mình.

Glôria cố gắng tỏ ra bình tĩnh, nhưng thấy rõ là cô đang lo lắng như một người cảm thấy không được tự tin lắm và ngờ vực điều gì. Khi hai chúng tôi ngồi vào bàn ăn, tôi thử gạn hỏi cô:

— Thế em sẽ làm những gì nào? Cô cúi đầu đáp:

— Đấy, chính đến bây giờ em vẫn chưa biết.

— Đến tận bây giờ?

— Thôi đừng hỏi gì em nữa. Vâng, đến tận bây giờ!

Tôi nói sang chuyện khác, nhưng Glôria không nghe tôi nói mà nghĩ ngợi điều gì đó thầm kín riêng mình, không cho tôi biết. Chốc chốc cô lại nhìn ra cửa sổ như thể ngóng ai. Rõ ràng là cô đợi Côntê, thế thì sao cô lại nói cô không thể chịu nổi hẳn?

Chúng tôi đang ăn trái cây tráng miệng thì bỗng có hai người đàn ông đi nhanh qua cửa sổ. Glôria lập tức nhồm phắt dậy khỏi bàn:

— Ông ấy đấy... vậy mà em thì lại mãi ngồi nói chuyện mãi... Mau lên, mau lên!

Cử chỉ vội vã như vậy thật là khó hiểu đối với tôi. Glôria cởi bỏ cái tạp dề làm bếp, nhanh chóng bôi son vào môi, sửa lại mái tóc và xoa phấn kỹ lưỡng lên cái mũi đáng ghét của cô. Cô thậm chí còn hỏi tôi:

— Trông em thế nào, hả anh?

Và lập tức, không đợi tôi trả lời, cô chạy vọt ra phòng khách, thốt lên bằng một giọng khác hẳn, một giọng mừng rỡ giả tạo:

— Xin chào mừng ngài, ngài Côntê! Ngài có khỏe không ạ? Ngài có được bình an không ạ?

Từ trong bếp, tôi bước ra. Glôria bèn nói:

— Đây là anh họ em...

Đúng là một kẻ càn rỡ, Côntê (một gã đàn ông chừng năm mươi tuổi có bộ mặt xám xịt, nặng như chì) đứng giữa phòng khách, hai tay vẫn đút túi có choàng, không buồn bỏ mũ, thậm chí không thèm nhìn tôi. Không hề để ý tí nào đến chúng tôi, hẳn tiếp tục nói chuyện với người mỗi nhà, một người trạc trung niên, trông có vẻ một quân nhân về hưu, có giáo dục và lịch sự hơn bản thân hẳn ta nhiều.

— Không cần phải kể lễ dài lời... tôi đã đánh giá ước lượng mọi thứ ở đây bằng mắt cả rồi... Phòng khách... bốn phòng...

— Cộng với phòng ngủ của đây tổng là năm ạ.

— Theo ông thì đây cũng gọi là phòng à? Thôi được rồi, phòng khác, năm phòng và một nghìn rưỡi mét vuông đất. Thế phỏng?

— Với lại ga-ra.

— Với lại ga-ra. Và tất cả những cái đó Môricôni đánh giá là mười sáu triệu? Ông có thể giải thích cho tôi ở đâu ra mà những mười sáu triệu

không?

— Một khu nhà, cứ tính năm nghìn một mét vuông, thành ra bảy triệu rưỡi.

— Cứ cho là như thế. Nhưng một cái nhà tồi tàn, như vậy tôi đi thuê bất kỳ tốp thợ nề nào xây cho cũng chỉ tốn độ vài ba triệu. Thế còn những gì mà hơn sáu triệu nữa?

— Còn các thứ đồ gỗ trong nhà nữa.

— Đồ gỗ nào? Ông cho tôi là thằng ngu hay sao? Bộ bàn ghế với cái tủ tòng tọc này ấy à? Chỉ có giá thứ như cả cô tiểu thư này cũng kể vào bộ salon thì khi ấy may ra tôi mới có thể có ý kiến khác.

Câu nói thô bỉ đó như mũi dao đâm vào tôi. Tôi nhìn sang Glôria. Một lần nữa tôi sững sốt khi thấy cô mỉm cười, hơi bồn chồn, dao động một chút nhưng rõ ràng là vừa ý. Đưa tay lên sửa lại mái tóc, cô nói với vẻ đĩnh đạc:

— Em đáng giá ít thế thôi ư, theo ngài?

— Thế cô cho rằng năm triệu bạc là ít à? Làm gì có người phụ nữ nào trên đời này đáng giá năm triệu?

Và tất cả những lời nói đó là nghiêm chỉnh, cởi mở! Còn Glôria, thì đáng lẽ phải thấy bị xúc phạm, lại nhoèn cười. Có lẽ người mỗi nhà cũng cảm thấy như tôi, vì thấy ông ta nói một cách bức bối:

— Tôi không có quan hệ gì với tiểu thư đây cả. Ngài Môricôni bán nhà có thể tính cả cô vào đây nếu ngài ấy muốn, cái đó không liên quan gì đến tôi.

— À, đấy là tôi nói thế thôi, nhân tiện...

Hai người tiếp tục xem nhà. Tôi với Glôria đi theo họ từ phòng này sang phòng khác, và Glôria thì vừa đi vừa ỏn ẻn, ngoáy miệng, cố làm đóm trước mặt Côntê. Còn thằng cha thô bỉ ấy thì cứ tiếp tục cái trò ồm ờ thô bỉ của hắn: Được rồi, đồng ý sẽ trả cả mười sáu triệu nếu Môricôni nhường cả tiểu thư đây theo căn nhà. Tôi bỗng thấy buồn nôn, và bỏ ra vườn. Glôria lo lắng chạy ra theo tôi.

— Tại sao anh lại bỏ đi?

— Tại vì nếu anh ở lại thì anh sẽ đâm vào mồm cái thằng cha Côntê này. Chẳng nhẽ em không hiểu là nó lẳng mạ em hay sao?

— Về chuyện đồ gỗ ấy ư?

— Chứ sao! Em trở nên ngớ ngẩn thật rồi à?

— Em phải lo cho tương lai của em, — Cô trả lời và bỏ mặc tôi đấy, đi vào nhà.

Họ còn đi một thôi một hồi nữa qua các phòng, sau đó Côntê cùng với người mỗi nhà chào tôi và Glôria bước ra xe đang đợi họ ở trên đường. Đó chỉ là một động tác giả, vì vừa đi đến hàng rào sắt thì Côntê quay trở lại nói với Glôria:

— Xin cô cứ việc ở lại biệt thự này... Mai tôi đánh xe đến, chúng ta sẽ ăn sáng cùng nhau... và sẽ nói tiếp giá đồ gỗ.

Hắn lấy tay vuốt nhẹ lên má cô vểnh kẻ cả, còn cô ngượng ngịu mỉm cười hàm ơn. Xe của hắn vừa ra khỏi, tôi nói:

— Xin vĩnh biệt, tôi đi đây... Ấy thế mà Côntê nói cũng đúng đấy: năm triệu bạc một người phụ nữ đắt quá. Giá như tôi thì tôi chẳng bỏ ra đến năm đồng lia!

Nghe câu đó, Glôria đỏ mặt. Đầu tiên là cái mũi sau đến hai má đỏ như. Đột nhiên cô dậm chân, quát:

— Anh bước đi! Bước đi! Tất cả hãy xéo hết đi, cút hết cả đi!!! Rồi cô chạy vào nhà, đóng sập cửa lại.

Tôi nhìn xung quanh. Trời đã sắp tối. Bầu trời còn cháy đỏ giữa những vòm lá thông, nhưng bóng chiều xanh sẫm đã bắt đầu trùm lên chân trời hoàng hôn, và mọi ngôi nhà to nhỏ thấp thoáng giữa những lùm cây quạnh hiu không một bóng người của Frétgiêna trông rất ảm đạm. Tôi nghĩ bụng: “Thôi, vĩnh biệt Frétgiêna! Mình sẽ không bao giờ đặt chân đến đây lần nữa! Thà chết còn hơn!”.

Rồi tôi tiến đến bên cửa sổ nói vọng vào:

— Đây, sau hai tiếng nữa, tôi sẽ đi xe máy qua rừng thông, chỗ ngã ba có quán bán báo ấy. Nếu cô đến, tôi sẽ đèo cô về Rôma... rồi ra sao sẽ hay. Nhưng nhớ đấy: tôi sẽ không đợi cô một phút nào đâu!

Tôi nghe từ trong nhà vọng ra, đáp lời tôi, nửa như tiếng nước nở, nửa như tiếng rên. Không nói thêm câu nào, tôi quay trở ra, đi thẳng. Tôi bước nhanh theo triền sóng ngược trở về. Về đến nhà, tôi gặp cả nhà đang ăn tối. Bữa hôm nay có mì ống với giò. Tôi tuyên bố rằng tôi phải về Rôma ngay, rằng công sở có việc cần gọi tôi, và tôi nhận thấy người nhà không hề tỏ ra phiền lòng chút nào. Có lẽ ngược lại. Tôi cột chiếc va li con của mình vào sau xe máy, ôm hôn lần lượt tất cả mọi người, rồi phóng xe trên lộ Aurêlia.

Đúng đến giờ hẹn, tôi đã ở trong rừng thông, giữa ngã ba gần quán bán báo.

Glôria đã đứng đợi tôi ở đấy. Cô mặc áo măng-tô đỏ nổi rõ cả trong tối. Và khuôn mặt xinh đẹp — tuy có hơi bị thiệt thòi vì cái mũi — của cô lại trở nên trù mẫn đối với tôi. Cô cũng chỉ có một cái va li con như của tôi. Không nói gì cả, tôi lặng lẽ xách chiếc va li đặt lên trên va li của tôi, cột lại. Cô ngồi lên đệm xe sau tôi, vòng tay ra trước bụng tôi, ôm chặt lấy. Tôi nghe tiếng cô cười vang rồi ghé vào tay tôi nói thầm:

— Em rất sung sướng được anh gọi đi cùng. Và hôn vào tai tôi.

Tôi lắc lắc đầu, mở máy, và chúng tôi bắt đầu phóng. Một giờ sau, hai chúng tôi đã đến Rôm.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

16 — Người Đàn Bà Ham Thích Hội Hè

Tôi sinh ra trong một thành phố không lớn, ở trung tâm Italia, gần biển. Thành phố của chúng tôi xấu xí, tuy cổ kính; nhưng mặc dù đã có từ lâu, nó chẳng có giá trị lịch sử hay nghệ thuật nào, cả những công trình đồ sộ cũng không có. Nhiều thế kỷ qua, nó chẳng có gì đặc biệt, nhưng gần đây nó được kiến thiết thêm, trở thành khá hiện đại. Ở quảng trường trung tâm là những dinh thự tuy cổ kính nhưng xấu xí, và nhà thờ — còn lâu mới được coi là một di tích văn hóa thời cổ, — cây cối còi cọc, hình như là loại ngô đồng mọc lên ở đó.

T

Khu trung tâm này được coi là mê cung của những ngõ ngách ngoằn ngoèo với những ngôi nhà nhỏ đơn sơ; xa hơn nữa, bắt đầu những đại lộ mới, rộng rãi, thẳng tắp, bên lề trồng trúc đào; những con đường ấy kéo dài tới tận ven thành phố, dọc đường mọc lên những dinh thự đơn giản.

Ở thành phố chúng tôi có một ngành công nghiệp gì đó liên quan ít nhiều với nông thôn; có nhiều gia đình khá giả — bác sĩ, luật sư, thương nhân; nền kinh tế của chúng tôi càng phát triển thì công việc của họ càng thuận lợi.

Bạn tự hỏi, tại sao tôi lại mô tả thành phố của mình nhỉ? Là vì thế này: tôi yêu nó đến mức tuy đã ra ở riêng và chuyển sang ở Rôma rồi, tôi vẫn phục hồi được bối cảnh quen thuộc và sống lại cuộc sống trước đây của mình. Chúng tôi dọn đến ở khu phố mới, gồm quảng trường trung tâm và một vài đường phố chạy tới đó. Nó là bản sao chính xác thành phố quê

hương tôi; quanh nó là cả một sự nhộn nhịp đô thành, nhưng chẳng hề gì, có thể không lưu ý tới chuyện đó.

Quảng trường ở Rôma, nơi chúng tôi đang ở, cũng như ở quảng trường thành phố quê hương tôi, tất cả những gì cần thiết đều có: nhà thờ, rạp chiếu bóng, các loại cửa hàng lương thực, thực phẩm, dụng cụ gia đình, quần áo may sẵn, văn phòng phẩm và sách, cả cột xăng tự động và cả “siêu thị” nữa.

Chúng tôi ở gần quảng trường, trên tầng sáu một ngôi nhà nhiều tầng — cả đường phố đều xây những loại nhà như vậy. May mắn cho tôi: tình cờ mới vỡ lẽ là trong ngôi nhà chúng tôi, có một bà góa đồng hương với tôi. Chúng tôi làm quen với nhau, bà giới thiệu tôi với các bạn đồng hương khác sống quanh đó. Đối với tôi, điều đó rất quan trọng, vì tôi nói đặc sệt giọng địa phương và sự tiếp xúc với những người phát âm giống như mình gây cho tôi ấn tượng là tôi chưa hề rời khỏi nhà mình.

Chủ nhật, chúng tôi cùng đi lễ nhà thờ, thứ bảy đi xem chiếu bóng, cách một ngày lại cùng đi uống cà phê. Tôi dùng thì giờ đúng y như ở thành phố quê hương: sáng ra quảng trường mua bán, quăng sáu, bảy giờ đi dạo. Vì thế cuộc sống ở Rôma của tôi in hệt như hồi trước khi ra ở riêng khi tôi còn là con gái, sống với bố mẹ ở tỉnh lỵ. Ở trung tâm Rôma, tất cả các danh lam thắng cảnh như các phố Vênetô, Cônđốtти, các quảng trường Côlônơ và Pôpôlô, một năm tôi chỉ miễn cưỡng tới đôi ba lần.

Đặc biệt, các ngày lễ đã duy trì trong tôi ảo tưởng như tôi chưa hề xa rời thành phố quê hương. Ở tỉnh lỵ chúng tôi, người ta tổ chức các ngày lễ nghiêm chỉnh, ngay cả khi người ta không tin vào cái mà người ta ăn mừng. Người ta lần lượt ăn mừng các ngày lễ dân gian cổ xưa, lễ nhà thờ, và đặc biệt những ngày lễ gia đình: sinh nhật, lễ kỷ niệm, v. v... tất nhiên, cả những ngày lễ chính thức nữa.

Sống ở Rôma giữa các đồng hương, tôi hoàn toàn có thể tiếp tục tập quán này: ăn mừng tất cả các ngày hội của chúng tôi. Cũng có người trong số đó ăn mừng ở thủ đô — kể ra có khác đi chút ít. Ví dụ như ở quê, người ta gán cho ngày Hội hóa trang, một ý nghĩa lớn hơn nhiều, suốt năm người ta nóng lòng sốt ruột đợi nó, như đã thành lệ từ ngày xưa ngày xưa. Còn ở

Rôma, người ta làm rầm rĩ rùm beng lên, cái chính chỉ cốt để cho trẻ em tiêu khiển — có thể thôi.

Cần phải nói là chồng tôi hoàn toàn không chia sẻ các sở thích với tôi. Mặc dù anh sinh trưởng ở cùng một thành phố với tôi, nhưng ngay từ hồi còn nhỏ, anh đã sang Mỹ học. Trở về, anh là một người “Mỹ” chính cống: lúc nào anh cũng mặc bộ trang phục sẫm bằng vải mỏng, áo lót trắng và cà vạt sẫm. Bộ tóc đỏ cắt kiểu “bốc” như người Đức, húi tông đơ hai bên mái. Kể đeo kính cũng bằng thừa, vì lúc nào mà anh chả nghiêm trang, kiên quyết. Về chuyên môn, anh là chuyên gia dầu mỏ, nên phần lớn thời gian trong năm anh phải đi xa. Bao giờ anh cũng đi tới một số nước nhất định: Iran, vùng Cận Đông và Libi, hoặc anh tới châu Mỹ latin, cụ thể là Vênêduyêla.

Còn tôi thì lại không thích đi du lịch. Nhiều lần nhà tôi muốn tôi cùng đi, nhưng tôi từ chối. Từ đó, bắt đầu những mối bất hòa giữa chúng tôi: “Cô là dân tình lý hay là nhà quê”, anh nói:

Một buổi chiều, tôi mở tập bản đồ địa lý, lấy cây bút chì đỏ vạch một vòng tròn trên tấm bản đồ thế giới: vạch đỏ bắt đầu từ Iran vòng qua vùng Cận Đông và Libi, tới Vênêduyêla, qua Rôma rồi lại khép lại ở Iran.

Tôi giải thích:

— Mỗi ngày, ra khỏi nhà, em đi một vòng quanh quảng trường rồi quay về nhà. Cho nên có gặp ai thì cũng là gặp lại những khuôn mặt cũ, có làm việc gì thì cũng lại làm lại những việc cũ.

— Thế là cô tìm cách để sống ở đô thành hết như mình chưa từng bước chân đi khỏi tỉnh lý chứ gì?

— Thì anh cũng đi từ Rôma tới Têhêran, sau đó đi Riát, từ đó tới Tôripôli, từ Tôripôli tới Caracaxơ, rồi lại đến Rôma. Vậy thì anh cũng chỉ gặp một số người quen và làm một số công việc nhất định, phải thế không?

— Nói chung, thì là thế đấy.

— Vậy thì có gì khác giữa lối sống của em với lối sống của anh? Chỉ có điều là em làm một đường vòng vài trăm thước, còn anh thì vài nghìn cây số, thế thôi. Trái lại, đời sống của em mới đa dạng chứ! anh chỉ toàn gặp

những người chuyên về dầu lửa. Chứ em, thì em tiếp xúc với đủ mọi loại người, chuyện trò với họ về đủ mọi thứ.

— Nhưng dầu sao cô vẫn là dân tỉnh lý, là nhà quê, còn tôi là con người hiện đại, có văn hóa.

Những ngày hội, ngày lễ làm anh tức điên hơn cả. Anh căm ghét những cái đó, anh dám chắc rằng anh cũng có những ngày đáng ghi nhớ của riêng mình, không phù hợp với những ngày chung: ví dụ như ngày được tăng lương hay ngày mua chiếc xe hơi mới, nhưng chẳng ai bận tâm đến, dù là trong những ngày hội của anh thì anh cũng chẳng bận tâm đến ngày của người khác.

— Anh còn chẳng muốn nghe nhắc tới những ngày lễ tập quán — Tôi đã từng nhắc đi nhắc lại với anh. — Còn em thì ngày lễ nào em cũng thích! Em thích cây thông ngày lễ Giáng sinh, hoa giấy những ngày Hội hóa trang, quả trứng nhuộm ngày lễ Phục sinh, cuộc đi chơi lên tỉnh ngày hội Feragôxiô. Ngay cả ngày kỷ niệm các người đã khuất, ngày mà người ta mang hoa cúc tới nghĩa trang, em cũng thích!

— Phải! Em thì chẳng cần ăn, chỉ cần chơi!

— Nếu hủy bỏ các ngày lễ, thì cũng ví như nhẽ ra ngồi vào bàn ăn cho ra ăn, lại đi ăn khan. Cũng ví như đang ở nhà cửa chuyển sang ở hang...

— Dầu sao thì em cũng vẫn là một con người quá ư man rợ!

— Chính anh mới là man rợ! Cứ ý anh, thì có lẽ anh hủy bỏ tất cả trên đời này, ngay cả đến quần áo. Trông bọn mình bấy giờ mới thật hay: cả em, cả anh, cả con gái đều trần truồng mà đi và đều sống trong hang hốc.

Tôi quên chưa kể là hồi đó chúng tôi sinh được một mụn con gái, cháu Giannina. Bề ngoài, trông cháu giống bố cháu, nhưng lớn lên chút ít, cháu in hệt như tôi: cũng cùng những sở thích, những say mê như nhau. Nó thích quảng trường, nhà thờ, cửa hàng, quán cà phê của chúng tôi. Và điểm cơ bản là nó mê thích các ngày hội.

Ngày Hội hóa trang sắp tới, Giannina đã lên năm, và tôi quyết định đưa nó vào vũ hội hóa trang. Đó là cuộc khiêu vũ hóa trang đầu tiên trong đời nó, và tôi không muốn đây là vũ hội cuối cùng: cần phải làm thế nào để nó gây cho con gái tôi một ấn tượng không thể phai mờ, để suốt đời nó phải

nhớ đến. Như thường lệ, chồng tôi đi xa, ở đâu đó vùng Cận Đông. Chúng tôi cùng với người bạn gái góa chồng bàn luận rất lâu xem nên ăn mặc như thế nào. Theo ý tôi thì một thiếu phụ tóc đen mảnh dẻ, nên mặc giả làm một nữ hải tặc, còn con gái tôi tóc màu sáng, đúng là một nữ thiên thần! — nên mặc bộ cánh tiên với chiếc mũ nhỏ nhọn đầu rải rác những vì sao và mảnh trăng non, với cây gậy thần cầm tay. Cuối cùng bàn cãi hồi lâu, tôi quyết định mặc bộ cánh Tây Ban Nha, đúng hơn là bộ cánh digan Tây Ban Nha: chiếc áo choàng đen, lược cặp sau gáy, một bộ phách trong tay. Còn cho con gái, tôi chọn bộ cánh của các bà quý tộc thế kỷ thứ mười tám: nó phải đeo mớ tóc giả nhỏ màu tro, váy có khung phồng, cổ khoét sâu, mặt hóa trang, đính nhiều nốt ruồi giả và cầm quạt trên tay.

Tôi với nó nom thật xinh! Những đồ trang sức của chúng tôi mới hợp với chúng tôi làm sao! Tôi mặc toàn đồ đen, nom bí ẩn, sôi nổi, đầy vẻ quyến rũ như yêu tinh thần nữ. Bó chặt trong xiêm áo, lụa là rực rỡ, Giannina nhờ phấn sáp và mực vẽ, không những trông như người lớn, mà còn là một cô gái đỏng đảnh, kêu gọi.

Đương lúc chúng tôi đang xoay đi xoay lại trước gương, thì có tiếng ồn ở lối vào: chồng tôi bất ngờ xuất hiện. Anh mặc bộ trang phục trắng — rõ ràng anh mới ở các xứ Ả — rập nóng bức về. Nhìn thấy Giannina, anh lặng lẽ nắm tay nó, đưa vào buồng tắm, giấm ướt khăn mặt và chỉ trong vài giây, anh phá hủy bằng hết thành quả lao động nhiều giờ của tôi: anh rửa phấn hồng, phấn trắng, sáp, mực vẽ và nốt ruồi. Nhưng đến khi anh bắt đầu lột xiêm áo nó ra thì tôi can thiệp vào. Tôi chẳng còn nhớ chúng tôi đã đối đáp nhau những gì, nhưng chắc chắn là đã xảy ra một cuộc tranh cãi, xem giữa tôi với anh ta, ai là kẻ man rợ. Tuy nhiên lần này chúng tôi đã to tiếng cãi nhau, kèm theo những lời quát tháo sỉ nhục lẫn nhau, và kết thúc bằng ẩu đả: lần đầu tiên trong sáu năm sống chung, nhà tôi tát tôi một cái. Tôi nắm lấy con gái và mẹ con tôi nhảy bổ ra đường. Tôi, trong bộ quần áo digan Tây Ban Nha, nó, như một bà Đờ Pompadour bé, xấu, chúng tôi lên xe hơi đi thẳng.

Tôi lái một lều luôn ba tiếng đồng hồ, gần nửa đêm, về tới tỉnh lỵ quê tôi. Thấy chúng tôi trong bộ quần áo trá hình, mẹ tôi hồn nhiên kêu lên:

— Các con đến dự vũ hội hóa trang nhà ông chương khế Đôgiualani đây à?

Tôi cũng chẳng trả lời mẹ là không phải. Rốt cục thì tại sao lại tước đi của cháu bé niềm vui vô tội, là cuộc vũ hội hóa trang đầu tiên trong đời nhỉ?

Chúng tôi đi dự vũ hội và hết sức hào hứng. Gần sáng trở về, mệt phờ, người đầy hoa giấy rắc, dây giấy quấn quanh.

Tôi không quay về thủ đô nữa: vợ chồng tôi ly dị nhau. Mới đây, tôi gặp anh ấy ở phòng khách của ông luật sư của tôi ở Rôma, nhân khi tôi tới thu xếp công việc gia đình. Anh tỏ ra dễ thương, nhưng đối xử thật xa cách. Anh hỏi tôi làm gì. Tôi đáp:

— Em vẫn sống như mọi khi.

Tôi hỏi anh xem anh làm gì. Anh nói:

— Tôi vẫn sống như mọi khi.

Để chứng thực lời nói của mình, ngay chiều hôm ấy, tôi chuẩn bị trở về nhà tôi ở tỉnh lỵ, và khoảng hai giờ sau, anh cũng phải ra đi về vùng Cận Đông.

Chúng tôi chia tay nhau gần như đôi bạn. Anh nói:

— Chúng ta không hiểu được nhau. Chúng ta là những kẻ có trình độ văn hóa khác nhau.

Tôi đáp:

— Văn hóa gì ở đây! Em với anh cùng tốt nghiệp một trường ra. Chỉ có điều em thích các ngày hội của đời mình, còn anh thì không thích nữa, thế thôi.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH RÔM

Alberto Moravia
www.dtv-ebook.com

17 — Trộm Vào Nhà Thờ

Khi sói mẹ và sói con bị đói, bụng rỗng ngồi đó rên ư ử và cắn xẻ lẫn nhau thì sói bố làm gì? Con sói đực sẽ làm gì, tôi hỏi bạn? Nó làm gì lúc đó, tôi nói các bạn rõ nhé: nó ra khỏi hang ổ, đi tìm mồi; có thể, tuyệt đường hy vọng, nó xuống làng, lên vào các nhà. Và những người nông dân giết chết nó là phải, khi nó lên vào nhà nông dân và xông vào họ. Thành thử mọi sự đều đúng, và ở đây chẳng ai có tội cả. Nhưng vì lẽ phải đó, cái chết đã thoát thai.

K

Tôi chính là con sói bố mùa đông năm ấy, và tôi cũng sống theo lối sống của sói — không sống trong nhà cửa, mà trong một cái hang ở chân đồi Môngtơ Mariô, trong những mỏ lộ thiên bỏ hoang. Ở đó có rất nhiều hang, nhưng hầu hết các hang đều bị phủ đầy bụi gai, chẳng luồn vào được. Chỉ có hai cái là ở được, một của tôi và một của ông cụ già Puliti, cụ vừa đi ăn mày vừa nhật giẻ rách. Xung quanh chỗ đó là một màu vàng, trần trụi, cửa hang đen xì, ám khói. Trước hang ông cụ Puliti bao giờ cũng có một đồng giẻ rách mà ông nhật nhanh, tích lại; trước cửa hang, tôi có một chiếc bidông to đựng dầu dùng làm bếp nấu. Vợ tôi tay bế con, luôn luôn phùng mồm thổi lửa.

Nói của đáng tội, bên trong cái hang trông khá hơn một cái buồng vớ vẩn nào đó, cũng rộng rãi, khô ráo, sạch sẽ, trên mặt đất trải nệm, đồ đạc xống áo móc trên đỉnh. Tôi để cả gia đình ở lại trong hang, một mình đi Rôma tìm việc, tôi là một lao công, thường vẫn làm nghề thợ đấu. Nhưng đông

đến, chẳng hiểu tại sao công việc đất cát ít hẳn đi. Giờ đây tôi phải luôn luôn đổi nghề, rồi cuối cùng tôi hoàn toàn thất nghiệp. Tối tối, khi tôi quay về hang, dưới ánh đèn dầu, vợ tôi ngồi trên đệm nhìn tôi, thằng bé áp vào ngực cô ta, nhìn tôi, hai thằng lớn đang chơi dưới đất, cũng nhìn tôi, còn tôi, thấy trong bốn cặp mắt đó cùng biểu hiện một chữ “đói”, tôi cảm thấy mình đúng là con sói đực trong một gia đình sói, và tôi nghĩ bụng: “Nếu mình chẳng đem gì về cho chúng ăn, chúng sẽ xé xác mình ra từng mảnh mất”.

Ông cụ Puliti với chòm râu bạc trang trọng, nom cứ như một ông thánh thật sự, nhưng vừa mở mồm ra là thấy ngay đấy là một ông lão gian xảo. Ông cụ thường bảo tôi:

— Sao nhà cậu để lằm vậy? Để cho chúng nó khổ à? À mà tại sao cậu lại không đi nhặt mẫu vụn thuốc lá nhỉ? Bán đi cũng thu được chút ít đấy.

Nhưng tôi chẳng thể bắt mình đi nhặt mẫu thuốc lá, vì tôi muốn có một công việc thực sự. Một buổi tối, khi hết cả hy vọng, tôi nói với vợ:

— Anh chẳng muốn sống mãi như thế này nữa... Em biết không?

Anh sẽ đứng núp ở một xó, người đầu tiên đi qua, là anh sẽ... Vợ tôi ngắt lời:

— Anh muốn vào tù sao? Tôi nói:

— Vào tù lại được nuôi ăn. Vợ tôi:

— Nuôi anh được thôi, thế còn mẹ con chúng em? Phải nói là câu ấy đã khiến tôi suy nghĩ.

Chính ông cụ Puliti đã gieo cho tôi ý nghĩ vào ăn trộm nhà thờ. Ông cụ thường đi ăn xin ở các nhà thờ và có thể nói là thuộc lòng tất cả những nhà thờ ấy. Ông cụ thuyết phục tôi, nói rằng nếu tối đến, tôi nấp được ở trong nhà thờ trước khi người ta khóa cửa, thì sáng ra có thể lên đi mà không ai biết. Nhưng ông cụ căn dặn:

— Cẩn thận đấy... Các cha cố không ngốc đâu... Đồ quý họ để trong tủ sắt, chỉ bày ra ngoài những đồ bằng thủy tinh thôi.

Ngoài ra, ông cụ hứa sẽ đem đồ đi bán hộ, nếu như tôi ăn trộm được. Nói chung là ông cụ nói cứ ngon ơ, mặc dù lúc đầu tôi chẳng muốn nghĩ mà cũng chẳng muốn nói đến chuyện đó. Còn ý nghĩ thì chúng cũng như những

con rận ấy: đã bỏ vào là cứ tự ý tung tăng, rồi bỗng dưng cản mình nhói một cái, làm mình phải thót lên vì bất ngờ.

Thế rồi một tối, nó đã cản tôi như vậy, và tôi đem chuyện ấy nói với vợ. Cần phải nói là vợ tôi rất ngoan đạo, khi chúng tôi còn ở quê, cô ta thường lui tới nhà thờ nhiều hơn là ở nhà. Cô ta bảo tôi:

— Anh điên mất rồi!

Tôi chỉ đợi cô ta phản đối, nên đáp:

— Có phải trộm cắp gì đâu... Tại sao người ta dâng cho nhà thờ những vật ấy? Để làm phúc mà ly... Nếu chúng mình lấy những cái đó, thì để làm gì? Để được quả phúc thôi... Vậy thì ban quả phúc cho ai, ngoài chúng mình ra, là những kẻ rất cần đến quả phúc ấy?

Cô ta lúng túng nói:

— Sao anh lại nghĩ được như thế nhỉ? Tôi nói:

— Chuyện ấy việc gì đến em. Trả lời anh câu này: Có phải sách kinh dạy là cần cho kẻ đói khát được no đủ không?

— Có đấy.

— Mình có phải là kẻ đói khát không?

— Có!

— Vậy, có nghĩa là mình chỉ thực hiện nhiệm vụ của mình thôi... Mình làm một việc có thiện quả.

Nói tóm lại là tôi cứ cái giọng ấy mà nhắc đi nhắc lại với cô ta, luôn dựa vào tôn giáo — đó là yếu điểm của cô ta mà, — rồi cuối cùng, cô ta đã vỡ nhẽ ra. Sau đó, tôi nói thêm:

— Có điều anh không muốn để em trợ trợ một mình. Cứ đi với anh. Họ mà có bắt được thì chúng mình cùng ngồi tù với nhau.

— Thế còn con cái, anh ơi.

— Con, cứ để cụ Puliti trông nom... Rồi Chúa sẽ lo cho chúng nó.

Nói chung, chúng tôi thỏa thuận với nhau rồi báo cho cụ Puliti biết mọi sự. Ông cụ bàn kế hoạch hành động với chúng tôi và tán thành kế ấy. Cuối cùng cụ vuốt râu, nói:

— Anh Đômênikô, nghe lão già này, đừng động đến những trái bằng bạc nhé. Của rẻ đấy. Có lấy thì lấy những đồ quý...

Giờ thì nhớ đến ông cụ Puliti chòm râu của ông, những lời ông dặn dò tôi thật nghiêm chỉnh, tôi lại thấy buồn cười.

Vậy là đến ngày đã định trước, chúng tôi để các cháu lại cho cụ Puliti rồi đi xe điện với Rôma. Thật y như hai vợ chồng sói đói từ trên núi lần xuống làng xóm; nhìn chúng tôi lại càng thấy giống: vợ tôi thấp lùn, to ngang, vai rộng, tóc dày xoắn tít như cái bếp lửa úp trên đầu, mặt cương quyết; tôi thì gầy nhom như một anh chàng chuyên lột da thú, má hóp, râu đậm tua tủa, đôi mắt sâu hoắm long lên sòng sọc. Chúng tôi chọn một nhà thờ cổ trên một phố trông ra Cócoxô. Nhà thờ rộng và tối như bưng, vì xung quanh nó là những ngôi nhà cao; bên trong có hai hàng cột, sau các hàng cột là hai chái hẹp, tối, và một vài bàn thờ xếp đầy những đồ vật quý. Trên tường, dưới lớp kính có treo rất nhiều những trái tim vàng và bạc, nhưng tôi để ý đến một tủ kính nhỏ, trong tủ, trên mặt nhung đỏ, giữa một số trái tim quý giá hơn, có chuỗi ngọc lam. Tủ kính đó để ở bàn thờ xếp dành cho đức Thánh Mẫu; trên bàn thờ là tượng Thánh Mẫu to bằng người thật đứng dưới tán che toàn thân sơn son thếp vàng, đầu có vòng hào quang kết bằng những đèn thờ, dưới chân là rất nhiều hoa cùng những cây nến.

Chạng vạng tối, chúng tôi mới lọt vào nhà thờ, và đợi lúc ở bàn thờ xếp đó không có ai, chúng tôi liền nấp ngay ở phía sau. Đằng sau bức tượng có một vài bậc lên xuống, chúng tôi ngồi vào đó. Lúc ấy đã muộn, bác coi nhà thờ đã lệt xệt lê chân đi khắp cả, miệng lầm bầm: “Đóng cửa đây”. Nhưng bác ta không nhìn vào sau bàn thờ, mà chỉ tắt các ngọn đèn thờ, để chừa lại hai cây nến để ở hai bên. Sau đó tôi nghe thấy bác khóa cửa lách cách và đi qua suốt nhà thờ tới kho đồ thánh. Bọn tôi ở lại trong hành lang hẹp giữa bàn thờ và tường hậu. Tôi cứ run lên lẩy bẩy như người sốt rét, khẽ bảo vợ:

— Này, lẹ lẹ lên... Mình mở tủ kính ra đi. Vợ bảo:

— Khoan đã... đi đâu mà vội?

Tôi nghe thấy cô ta ra khỏi chỗ nấp. Cô ta đứng ngay giữa bàn thờ xếp, trong bóng tối mờ mờ cô làm dấu thánh, cúi rạp mình xuống, sau đó lùi lại một tí, rồi lại làm dấu, lại cúi xuống. Sau hết, tôi thấy cô ta quỳ gối trong một góc và chắp tay cầu nguyện. Cô ấy cầu gì tôi không rõ, nhưng tôi biết là cô ấy chẳng tin gì lắm vào chuyện mình đang làm điều thiện như tôi đã

nói với cô ta, và cô ta muốn hết sức hết lòng tự bào chữa cho việc mình làm. Cô ta cúi đầu, do đó không nhìn rõ khuôn mặt dưới mái tóc dày; sau đó, dưới làn ánh sáng đỏ nhờ, cô ta ngẩng đầu lên, rồi lại cúi xuống, mấp máy môi như người lặn tràn hạt. Tôi đến gần cô ấy, thận trọng thì thào:

— Có thể về nhà mà cầu nguyện, em ạ! Cô ta nói sảng:

— Để mặc em, nhà thờ rộng, anh đi đi, đứng đây làm gì? Tôi thì thào:

— Em có muốn trong khi em cầu nguyện, anh mở cái tủ kính ra không?

Cô ta lại sấn giọng:

— Không, em chả muốn gì hết... Đưa cho em cái móc sắt kia.

Tôi thủ trong mình một cái gióng cửa mà dùng nó để mở tủ kính ọp ẹp kia thì thật là thích hợp. Tôi đưa cho cô ta rồi bỏ đi. Tôi đi loanh quanh trong nhà thờ, không biết làm gì. Tôi thấy sờ sợ. Trong tòa thánh đường mờ tối với những vòm mái âm vang, với bàn thờ chính rộng lớn lấp lánh tận sâu phía trong cùng, với những ghế xường tời đen sì phủ kín ở hai bên chái.

Tôi rón rén lườn qua hai hàng ghế dài trống không, tới cửa ra vào, sống lưng ớn lạnh, y như có người đang theo dõi tôi. Tôi định mở cửa, nhưng cửa đóng kín mít; bấy giờ tôi liền quay trở lại, ngồi bên mé trái cạnh một phần mộ xây, được soi sáng bằng một ngọn đèn đêm đỏ, leo lét.

Phần mộ được xây thụt vào trong tường, trên đó có một phiến đá hoa cương to màu đen, mặt nhẵn, hai bên có hai hình người: một bộ xương với lưỡi hái, và một người đàn bà trần truồng, thân thể cuộn trong chính mớ tóc của mình. Đó là những pho tượng tuyệt tác bằng đá hoa cương ngà ngà vàng, nhẵn bóng.

Tôi đứng ngắm nghía hai pho tượng ấy, thấy hình như trong bóng tối mờ mờ, chúng động đậy và người đàn bà định chạy khỏi bộ xương, nhưng bộ xương lịch thiệp níu tay cô ta lại. Bây giờ, để lãng quên đi, tôi phải nghĩ đến cái hang nhà, lũ trẻ con, cụ Puliti, và lòng tự nhủ lòng là nếu bây giờ có ai đề nghị tôi thoái lui và lại quyết định lại nên làm gì, thì tôi vẫn làm chuyện đó hay một việc gì đại loại như vậy.

Nói chung, không phải tình cờ mà tôi rơi vào nhà thờ này, không phải tình cờ tôi đã nghĩ đến một công việc như vậy, không phải tình cờ mà trong đời, tôi chẳng tìm được cho bản thân mình một cái gì tốt đẹp hơn. Và giữa

dòng suy nghĩ mông lung đó, tôi bỗng buồn ngủ và thiếp ngay đi. Đây là một giấc ngủ nặng nề, không mộng mị, và trong cái nhà thờ lạnh như nhà hầm này, người tôi cứ run lên đây đây. Tôi ngủ tít, và chẳng hay biết gì nữa.

Sau đó, có ai lay lay tôi, tôi lẩm bẩm trong cơn ngái ngủ:

— Yên nào, cứ quấy rầy mãi!

Nhưng người ta vẫn cứ tiếp tục lay lay tôi, tôi liền mở mắt và thấy bao nhiêu người: ông cụ coi nhà thờ đang trở mắt nhìn tôi, ông cha đạo già có bộ tóc bạc bù xù, với bộ quần áo khoác vội lên người, hai ba thầy cảnh sát và giữa họ là vợ tôi, mặt mũi ủ dột. Tôi vẫn đứng yên tại chỗ, nói:

— Các vị để chúng tôi yên... Chúng tôi là dân không nhà không cửa, vào nhà thờ ngủ đỡ...

Thế là một thầy cảnh sát dí vào mắt tôi một cái gì đó; đang còn ngái ngủ, tôi tưởng đó là chuỗi tràng hạt, sau thì tôi nhìn rõ nó là chuỗi ngọc lam.

— Nó là cái gì vậy, để chiêm bao đấy phải không? — thầy cảnh sát nói.

Rốt cục, sau khi bàn tới bàn lui một lát, các thầy cảnh sát tóm lấy chúng tôi giải đi khỏi nhà thờ.

Vẫn còn là đêm, nhưng đã hơi tang tảng, đường phố vắng tanh vắng ngắt, ướt đẫm sương. Chúng tôi đầu cúi gằm, lạng lẽ rảo bước, cảnh sát bao quanh. Tôi thấy vợ tôi đi trước, nom thật thấp lùn, nghèo khó với chiếc váy ngắn, tóc lờm chờm trên đầu, tôi thấy thương cô ta hết sức, bèn bảo một thầy cảnh sát:

— Tội nghiệp vợ con tôi quá. Thầy hỏi:

— Các con anh ở đâu?

Tôi kể lể. Thầy cảnh sát nói:

— Bác là bố trong một gia đình... Làm sao đầu óc lại nghĩ đến chuyện làm ăn như vậy? Nhẽ ra phải nghĩ đến con cái mới phải.

Tôi trả lời thầy ta:

— Tôi làm chuyện ấy, là vì nghĩ đến con cái đó thôi.

Đến đồn cảnh sát, một người đàn ông trẻ tuổi tóc hoe ngồi trên bàn giấy, thấy chúng tôi, nói:

— À, cái bọn ăn trộm đồ thánh... Bỗng vợ tôi kêu lên the thé:

— Xin Chúa trời chứng giám, tôi không có tội!...

Tôi chưa từng nghe thấy cô ta có cái giọng ấy bao giờ, đến nỗi tôi há hốc cả mồm:

Ông cảm nói:

— Có nghĩa là chồng chị có tội?

— Cũng không phải ạ.

— Thế hóa ra là ta có tội đấy... Thế làm sao mà chuỗi ngọc lại rơi được vào tay chị?

Vợ tôi nói:

— Đức Thánh Mẫu từ trên bàn thờ bước xuống, tự tay mở tủ kính lấy cho tôi chuỗi ngọc.

— Ái chà, Thánh Mẫu... thế Thánh Mẫu cho nhà chị cả cái móc sắt mở khóa à?

Nhưng vợ tôi, giơ hai tay lên cao, tiếp tục hét lên bằng cái giọng điên loạn:

— Nếu tôi nói sai, xin cứ vật tôi chết ngay tại chỗ này này!

Họ hỏi cung chúng tôi chẳng biết bao nhiêu lâu, nhưng tôi nói là mắt tôi chẳng trông thấy đích thực là như thế nào, còn vợ tôi thì cứ nhất định quả quyết là bà Thánh Mẫu đã đem cho chuỗi ngọc. Thình thoảng cô ta lại quát lên:

— Hỡi các con chiên, hãy quỳ gối trước phép màu!

Tóm lại, cô ta có vẻ như bị ma ám hay loạn óc làm sao ấy. Rốt cục người ta giải cô ấy đi, còn cô ta vẫn cứ la hét và kêu gọi Thánh Mẫu. Tôi đoán người ta dẫn cô ấy vào trạm y tế. Ông cảm hỏi tôi xem tôi có cho là vợ tôi điên không, và tôi trả lời ông:

— Có thể là như vậy.

Vả lại, người điên có phải là người ốm đau, có điều họ cứ tưởng tượng ra khác hẳn mọi người. Sau đó, tôi nghĩ biết đâu vợ mình nói đúng sự thật, và như vậy thì quả là đáng giận nếu như tôi chẳng được tận mắt nhìn thấy Thánh Mẫu công bằng từ trên bàn thờ bước xuống, mở tủ kính ra và trao cho vợ tôi chuỗi ngọc màu lam ấy.

Table of Contents

- Nghệ Thuật Truyện Ngắn Môravia
- 1 — Chuyện Đùa Ngày Hè
- 2 — Anh Quá Nghèo
- 3 — Ca Sĩ Hề
- 4 — Đảng Trộm
- 5 — Đừng Nghĩ Ngợi Làm Gì!
- 6 — Người Thừa Hành
- 7 — Người Lái Xe Vận Tải
- 8 — Catêrina
- 9 — Hai Nửa Đều Nhau
- 10 — Những Ý Nghĩ Nói Thành Tiếng
- 11 — Đẹp Hơn Em
- 12 — Cái Tủ
- 13 — Đứa Con
- 14 — Cô Gái Điểm Mệt Mỏi
- 15 — Đồ Gỗ
- 16 — Người Đàn Bà Ham Thích Hội Hè
- 17 — Trộm Vào Nhà Thờ